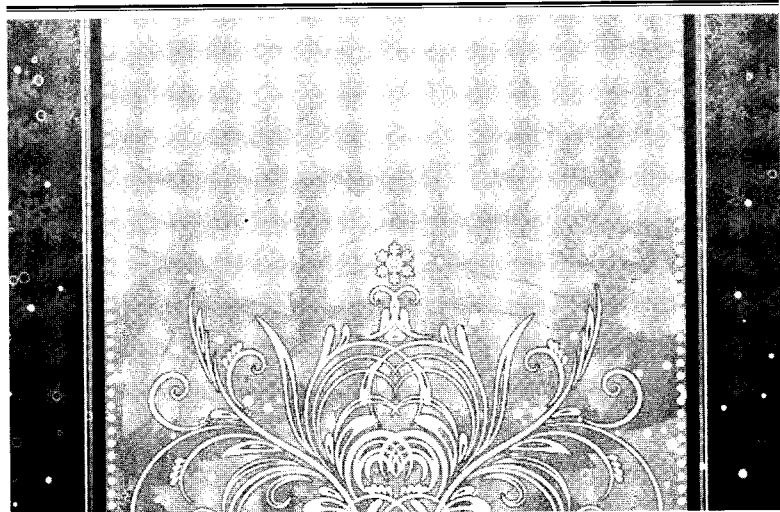


LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 41



Phẩm Thứ Bảy



Tam Giả (3 Thứ Giả Lập)

KINH:

Lúc bấy giờ Phật bảo ngài huệ mạng Tu Bồ Đề rằng: Ông nên dạy các Bồ tát về Bát nhã Ba-la-mật, nhằm giúp các Bồ tát thành tựu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngay lúc đó, các Bồ tát, các Thanh Văn đại đệ tử, các hàng chư Thiên đều khởi niệm rằng: Ngài huệ mạng Tu Bồ Đề sẽ tự dùng trí huệ để vì các Bồ tát nói về Bát nhã Ba-la-mật, hay phải nhờ đến Phật lực gia bị?

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ tâm niệm của đại chúng như vậy, bèn thưa với ngài Xá Lợi Phất rằng: Chỗ đệ tử của Phật thuyết pháp hay giáo thọ đều nhờ nơi Phật lực gia bị. Lại nữa, các lời Phật dạy chẳng trái với pháp tướng, nên các thiện nam, thiện nữ nào tu theo pháp ấy sẽ chứng được pháp ấy. Phật thuyết pháp ví như ngọn đèn chiếu sáng. Hết thấy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có lực để vì hàng Bồ tát thuyết về Bát nhã Ba-la-mật được.

Rồi ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp gì gọi là Bồ tát? Chúng con chẳng thấy pháp gì gọi là Bồ tát cả thì làm sao có thể dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự, Bồ tát cũng chỉ là danh tự.

4 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Này Tu Bồ Đề! Ví như thế gian nói đến “ngã” nhưng đó chỉ là một pháp do duyên hòa hợp mà có. Người thế gian dựng lập ra danh tự Ngã, nhưng vốn ngã là bất sanh, bất diệt. Chúng sanh, thọ giả, mạng giả v.v... cũng đều là những pháp do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn cũng là bất sanh bất diệt.

Cũng như vậy, y theo danh tự thế gian mà gọi là có Bồ tát, có Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cùng Bát nhã Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt.

Này Tu Bồ Đề! Ví như thân do duyên hòa hợp sanh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt. Tất cả chỉ là danh tự. Mà đã là danh tự thì chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Cũng như vậy, y theo danh tự thế gian mà gọi là có Bồ tát, có Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cùng Bát nhã Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Ví như 6 căn, từ nhãn dẫn đến ý, 6 trần từ sắc dẫn đến pháp, 6 thức từ nhãn thức dẫn đến ý thức, 12 nhập, 18 giới cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Cũng như vậy, y theo danh tự thế gian mà gọi là có Bồ tát, có Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cùng Bát nhã Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Lại ví như nội thân gồm có đầu, mình, chân, tay, xương, thịt, gân v.v... Tất cả các thứ ấy hòa hợp lại mà có danh tự thân. Nhưng xét riêng rẽ thì mỗi pháp đều là rốt ráo không, đều là bất sanh, bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Lại ví như ngoại vật, như cây, cành, lá v.v... cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Cũng như vậy, y theo danh tự thế gian mà gọi là có Bồ tát, có Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cùng Bát nhã Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp mà có danh, nhưng vốn là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Lại ví như chư Phật quá khứ, cũng do duyên hòa hợp lại mà có danh hiệu, nhưng cũng là bất sanh, bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát cùng danh tự Bồ tát cũng là như vậy, cũng là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả các pháp đều ví như mộng, huyễn, bào ảnh, đều do duyên hòa hợp mà có, rồi được đặt tên riêng, được gọi là pháp này, pháp nọ. Thế nhưng danh tự đó cũng là bất sanh bất diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, thọ trì Bát nhã Ba-la-mật chỉ là giả thi thiết. Dẫn đến pháp Bát nhã Ba-la-mật cũng chỉ là giả thi thiết.

6 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Bồ tát phải nên như vậy mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Phật đã dạy rằng Bồ tát có phước đức, trí huệ và lợi căn hơn hết thầy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Như vậy vì sao Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề nói pháp Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe?

Đáp: Trước đây Phật đã hiện tướng lưỡi rộng dài để minh chứng cho lời nói chân thật của Phật.

Nay vì 2 nhân duyên khiến Phật bảo ngài Tu Bồ Đề nói pháp. Đó là:

- Phật biết người nghe pháp vì sợ oai đức của Phật nên chẳng dám tận tình thưa hỏi.

- Phật biết chúng sanh còn nhiều chỗ nghi, chưa thấu hiểu, nhưng vì kính Phật mà chẳng dám thưa hỏi nhiều.

Thật vậy, do thấy Phật uy nghiêm như núi Tu Di, thấy lưỡi Phật trải rộng khắp đại thiên thế giới, lại thấy từ thân Phật tỏa ra vô lượng quang minh nên trong chúng hội thầy đều sợ hãi, chẳng ai dám thưa hỏi.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mới bảo ngài Tu Bồ Đề vì chúng hội nói pháp Bát nhã Ba-la-mật.

Vâng lời Phật dạy, và nhờ được Phật lực gia bị, ngài Tu Bồ Đề từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước chúng hội nói pháp.

Trong kinh có nói đến hai lối thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Do Thanh Văn và Bồ tát hợp thuyết.

- Do pháp thân Bồ tát thuyết.

Nay vì là hợp thuyết nên Phật bảo ngài Tu Bồ Đề nói trước. Rồi kể sau là các ngài Di Lặc, Xá Lợi Phất v.v...

-o0o-

Khi nghe Phật bảo ngài Tu Bồ Đề nói pháp, đại chúng liền sanh tâm nghi. Ngài Tu Bồ Đề thấu rõ tâm niệm của đại chúng, bèn thưa với ngài Xá Lợi Phất rằng: “Hết thầy hàng Thanh Văn, khi nói pháp đều phải nhờ Phật lực gia bị. Chúng tôi phải nhờ oai thần của Phật mới truyền đạt được Phật pháp, mới rõ được các pháp tướng chẳng có trái nhau. Chúng được pháp ấy rồi, cũng còn phải nhờ Phật lực mới có thể diễn nói cho người khác nghe được. Những gì chúng tôi nói ra đều nhờ oai lực của Phật. Dù rằng chúng tôi có trí huệ, nhưng nếu chẳng nhờ oai lực của Phật gia bị, thì chúng tôi cũng chẳng thấy được gì cả. Chúng tôi nương theo Phật lực, như người đi trong đêm tối, nương theo ánh đuốc của người dẫn đường vậy.

Người thiện cận nói pháp chẳng có thể diễn đạt những lý giải vi diệu, sâu xa, nên hàng Thanh Văn không đủ sức để vì hàng Bồ tát nói kinh Bát nhã Ba-la-mật được. Nếu chẳng nhờ Phật lực gia bị thì ngài Tu Bồ Đề chẳng có thể nói pháp Bát nhã Ba-la-mật được.

-o0o-

Mở đầu thời pháp, ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi: “Chúng con chẳng thấy pháp gì gọi là Bồ tát cả, thì làm sao có thể dạy Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát được”.

Câu hỏi này làm duyên khởi cho việc thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật, vì ở nơi thật tướng pháp, thì Bồ tát, Bát nhã

8 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Ba-la-mật, việc thuyết Bát nhã Ba-la-mật đều là không, là bất khả đắc cả.

Hỏi: *Phật bảo ngài Tu Bồ Đề, vì các Bồ tát nói về Bát nhã Ba-la-mật, mà ngài Tu Bồ Đề lại nói chẳng có Bồ tát, chẳng có Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy thì ngài Tu Bồ Đề và Phật có trái với nhau không?*

Đáp: Nên phân biệt hai lối thuyết pháp. Đó là:

- Vì hạng người còn tâm chấp, mà thuyết.
- Vì hạng người không còn tâm chấp mà thuyết.

Nay ngài Tu Bồ Đề dùng tâm không chấp, mà thuyết về “pháp không” nên khi ngài nêu câu hỏi như trên, Phật chẳng quở.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường hành “không tam muội”, biết rõ về “pháp không”, nên Phật mới bảo ngài, vì các Bồ tát nói Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề thấy Bồ tát là rốt ráo không, nên ngài sợ, chẳng dám nói có Bồ tát. Lại nữa, từ sơ phát tâm đến khi thành Phật, Bồ tát là rốt ráo không, là bất khả đắc.

Như vậy thì người thọ giáo cũng tức là người giáo thọ cho Bồ tát về Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

-o0o-

Lại nữa, có hai pháp là:

- Danh tự.

- Danh tự nghĩa.

Ví như lửa hay chiếu sáng, cũng hay thiêu đốt. Lửa có công năng chiếu sáng, nhưng khi gặp các vật thì lửa cũng thiêu đốt các vật. Đây là do hòa đại.

Có đủ hai pháp hòa hợp mới gọi là lửa. Nếu ly hai pháp mà tìm lửa, thì rất ráo chẳng thể được vậy. Lại nữa, ngoài công năng thiêu đốt và vật bị thiêu đốt ra, thì chẳng có lửa.

Bởi vậy nên biết lửa do hai pháp đó hòa hợp mà giả danh là có, nhưng danh tự lửa lại chẳng có ở trong hai pháp đó.

Vì sao? Vì lửa chỉ là một pháp, mà đã là một thì chẳng có thể là hai được. Ví như khi nói đến lửa thì miệng chẳng có cảm giác nóng.

Như vậy, do hai pháp duyên hợp mà có lửa, nhưng danh tự lửa lại chẳng ở trong hai pháp đó.

Lại nữa, danh tự lửa cũng chẳng phải ở ngoài hai pháp đó. Vì sao? Vì vừa nghe nói đến lửa là ta liền sanh tưởng về lửa (hỏa tướng), ta liền liên tưởng ngay đến hai pháp đó rồi vậy.

Lại nữa, nếu nói lửa ở cả hai bên, ở cả bên trong lẫn bên ngoài thì chẳng giữa chẳng có ý chỉ.

Bởi vậy nên nói lửa chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa.

Hết thấy các pháp hữu vì đều chẳng có chỗ y chỉ, nên đều là giả danh, chẳng thật có.

Bồ tát cũng như vậy, phải hội đủ các duyên hòa hợp, mới gọi là Bồ tát. Bồ tát cũng chỉ là giả danh, chẳng thật có vậy.

10 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Dạy rằng do 5 âm hòa hợp mà giả danh có “ngã”. Ngã do duyên hòa hợp mà giả danh có, nhưng vốn là bất sanh, bất diệt, là không, là bất khả đắc.

Hết thấy các pháp thế gian cũng đều là giả danh. Bồ tát dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng đều là giả danh. Tất cả đều do duyên hòa hợp mà có, nhưng vốn đều là bất sanh, bất diệt, là không, là bất khả đắc.

Phật lại dạy rằng chúng sanh cũng là không, chỉ do 5 âm hòa hợp mà giả danh có. Dẫn đến 12 nhập, 18 giới cũng đều là như vậy cả.

-o0o-

Lại nữa, trong quá trình hành đạo, Bồ tát thường tu tập 2 pháp:

- Pháp tọa thiền, tu quán.
- Pháp tụng kinh.

Khi tọa thiền, hành giả thường quán nơi thân, từ da, thịt, xương, gân v.v... quán tất cả các thứ ấy đều là vô thường, đều tương tục có hòa hợp, có tán hoại. Xét cho đến cùng, thì tất cả đều chẳng có nguồn gốc. Bên trong, quán thân là như vậy. Bên ngoài quán cây, cỏ, hoa, lá, ..., dẫn đến núi non sông biển... cũng đều như vậy cả. Tất cả đều do các duyên hòa hợp mà thành. Lại quán Bồ tát, dẫn đến quán 10 phương ba đời chư Phật cũng đều chỉ là danh tự. Rồi lại quán Bồ tát nghĩa và Phật nghĩa cũng là như vậy.

Hỏi: Vì sao nói Bồ tát khi tu các pháp Ba-la-mật phải nên quán 5 âm pháp cũng là pháp Ba-la-mật?

Đáp: Vì phải nhiếp đủ cả 5 âm pháp duyên khởi hòa hợp, mới gọi là chúng sanh, có cấu trúc đầy đủ từ chân lên đến đầu.

Cũng như vậy, cây do gốc, rễ, thân, cành, lá v.v... hòa hợp lại mà thành.

Đây gọi là Ba La Nhiếp Đề danh tự, thủ cả hai pháp tướng, nói riêng rẽ là Danh và Tự.

Lại cũng như do các vi trần hòa hợp mà sanh ra có các vật thể. Đây cũng gọi là Ba La Nhiếp Đề. Y nơi pháp này mới có pháp kia. Ví như do các thô pháp hòa hợp mới có danh tự lửa: Lửa là danh vật bị thiêu đốt là sắc, mà dẫn đến có sự thiêu đốt, sự cháy vậy.

Cũng như vậy, người cũng có danh, có sắc mà cả hai pháp danh và sắc đều là giả lập. Như vậy cũng gọi là Ba La Nhiếp Đề, cũng là thủ danh, thủ sắc vậy.

Hành giả phải quán danh tự “nhà” do nhiều danh tự khác, như kèo, cột, rui, đòn tay, gạch, ngói v.v... hợp lại mà thành; cũng như quán danh tự “cây” do nhiều danh tự khác như gốc, rễ, thân, cành, lá v.v... hợp lại mà thành. Danh tự này dẫn đến danh tự khác như vậy gọi là Ba La Nhiếp Đề.

Hành giả, trước hết phải phá danh tự Ba La Nhiếp Đề, rồi phá thọ tâm Ba La Nhiếp Đề, phá tâm Ba La Nhiếp Đề, dẫn đến phá pháp Ba La Nhiếp Đề.

Phải phá pháp Ba La Nhiếp Đề, mới vào được nơi thật tướng pháp. Rồi ở nơi thật tướng pháp, tức là ở nơi pháp “không”, lại còn phải phá hết các chấp, lập ra danh tự Ba-la-mật.

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy danh tự sắc là thường; chẳng thấy các danh tự thọ, tướng hành thức là thường, chẳng thấy danh tự sắc là vô thường; chẳng thấy các danh tự thọ, tướng, hành, thức là vô thường; chẳng thấy danh tự sắc là khổ, hay là lạc, là ngã hay là vô ngã, là không là vô tướng, là vô tác, là tịch diệt, là cấu hay là tịnh, là sanh hay là diệt, là ở trong, là ở ngoài hay là ở chặng giữa. Thọ, tướng, hành, thức cũng là như vậy.

Nhãn, sắc, nhãn thức, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý, pháp, ý thức, ý xúc, ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là như vậy cả.

Vì sao? Vì khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật cùng danh tự Bát nhã Ba-la-mật; chẳng thấy Bồ tát cùng danh tự Bồ tát; chẳng thấy có hữu vi trong tánh hữu vi; chẳng thấy có vô vi trong tánh vô vi; dẫn đến chẳng thấy có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát chẳng có tác ý phân biệt, vì Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà vẫn thường trú trong pháp tướng bất hoại. Bởi vậy nên khi tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến khi tu 18 bất cộng pháp, Bồ tát chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật cùng danh tự Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có Bồ tát cùng danh tự Bồ tát.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên vào được nơi thật tướng của hết thấy các pháp. Ở nơi đây chẳng còn có cấu, chẳng còn có tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà

Bồ tát biết rõ danh tự là giả thi thiết. Do biết rõ danh tự là giả thi thiết, nên Bồ tát chẳng chấp sắc, thọ, tướng, hành, thức; chẳng chấp nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng chấp sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp; chẳng chấp nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức; chẳng chấp nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc; chẳng chấp nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ; chẳng chấp tánh hữu vi; chẳng chấp tánh vô vi; chẳng chấp Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật; chẳng chấp nhục nhãn, ..., dẫn đến Phật nhãn; chẳng chấp trí Ba-la-mật và thần thông Ba-la-mật; chẳng chấp nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu không, chẳng chấp thành tựu chúng sanh; chẳng chấp thanh tịnh Phật độ; chẳng chấp các pháp môn phương tiện.

Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, nên chẳng có người chấp pháp, chẳng có pháp bị chấp, chẳng có chỗ pháp y chỉ.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng chấp hết thấy pháp như vậy là tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, vào Bồ tát vị, được bất thối chuyển, đầy đủ thần thông, đi đến các cõi Phật, để thành tựu chúng sanh, và cúng dường vô lượng Phật, mãi cho đến khi được đạo Vô thượng bồ đề.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc có phải là Bồ tát chăng? Thọ, tướng, hành, thức có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Nhãn, ..., dẫn đến ý, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn giới, ..., dẫn đến ý thức giới có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Địa có phải là Bồ tát chăng? Thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Vô minh, ..., dẫn đến lão tử có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Ly 5 âm, 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến ly 12 nhân duyên có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? 5 âm như tướng, 12 nhập như tướng, 18 giới như tướng, ..., dẫn đến 12 nhân duyên như tướng có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Ly 5 âm như tướng, ly 12 nhập như tướng, ly 18 giới như tướng, ..., dẫn đến ly 12 nhân duyên như tướng có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Ông nghĩ như thế nào mà nói hết thấy các pháp vừa kể trên đều chẳng phải là Bồ tát, và ly hết thấy các pháp ấy cũng chẳng phải là Bồ tát?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh còn rất ráo là bất khả đặc hướng nữa là Bồ tát; sắc là bất khả đặc hướng nữa là ly sắc, là sắc như tướng và ly sắc như tướng; sắc, ly sắc; sắc như tướng, ly sắc như tướng đều bất khả đặc hướng nữa là Bồ tát. Dẫn đến 12 nhân duyên, ly 12 nhân duyên, 12 nhân duyên như tướng, ly 12 nhân duyên như tướng đều là bất khả đặc hướng nữa là Bồ tát.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, chúng sanh bất khả đắc, Bồ tát bất khả đắc, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc, ông phải nên như vậy mà tu học.

Rồi Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc có phải là Bồ tát nghĩa chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Thọ, tướng, hành, thức có phải là Bồ tát nghĩa chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc vô thường, sắc khổ, sắc lạc, sắc ngã, sắc vô ngã, ..., dẫn đến thức vô thường, thức khổ, thức lạc, thức ngã, thức vô ngã có phải là Bồ tát nghĩa chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, ..., dẫn đến thức không, thức vô tướng, thức vô tác có phải là Bồ tát nghĩa chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Dẫn đến 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên cũng đồng như vậy cả.

Phật hỏi: Này Tu Bồ Đề! Ông nghĩ thế nào mà nói như vậy?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! 5 ấm rất ráo là bất khả đắc huống nữa là Bồ tát nghĩa, ..., dẫn đến 12 nhân duyên rất ráo là bất khả đắc huống nữa là Bồ tát nghĩa; 5 ấm vô thường, khổ, lạc, ngã, vô ngã, không, vô

tướng, vô tác, ..., dẫn đến 12 nhân duyên vô thường, khổ, lạc, ngã, vô ngã, không, vô tướng, vô tác đều là rốt ráo bất khả đắc huống nữa là Bồ tát nghĩa.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ sắc nghĩa là bất khả đắc, thọ, tướng, hành thức nghĩa đều là bất khả đắc; dẫn đến vô tác nghĩa cũng là bất khả đắc. Ông phải nên như vậy mà tu học.

Này Tu Bồ Đề! Chẳng có pháp gì gọi là Bồ tát cả. Vì sao? Vì các pháp chẳng thấy các pháp, các pháp chẳng thấy pháp tánh, pháp tánh chẳng thấy các pháp, pháp tánh chẳng thấy địa chủng, địa chủng chẳng thấy pháp tánh, ..., dẫn đến pháp tánh chẳng thấy thức chủng, thức chủng chẳng thấy pháp tánh. Lại nữa, pháp tánh chẳng thấy nhãn, sắc và nhãn thức, ..., dẫn đến chẳng thấy ý, pháp và ý thức. Cũng như vậy, nhãn sắc, và nhãn thức... ý pháp và ý thức chẳng thấy pháp tánh.

Này Tu Bồ Đề! Hữu vi tánh chẳng thấy vô vi tánh, và vô vi tánh chẳng thấy hữu vi tánh. Vì sao? Vì ly hữu vi, thì chẳng thể nói vô vi; ly vô vi, thì cũng chẳng thể nói hữu vi.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, ở nơi hết thấy pháp, đều được vô sở kiến (chẳng có chỗ thấy).

Lúc bấy giờ, Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng hỏi. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy sắc dẫn đến thức; chẳng thấy nhãn, ..., dẫn đến ý; chẳng thấy sắc, ..., dẫn đến pháp; chẳng thấy tham, sân, si; chẳng thấy vô minh, ..., dẫn đến lão tử; chẳng thấy ngã, ..., dẫn đến chẳng thấy tri giả, kiến giả; chẳng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi vô

Sắc; chẳng thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật; chẳng thấy Bồ tát và Bồ tát pháp; chẳng thấy Phật và Phật pháp; chẳng thấy Bồ tát đạo và Phật đạo.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng thật có, nên chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng chìm đắm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng hói, chẳng chìm đắm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đối với Bồ tát, thì hết thấy các tâm và tâm sở đều là bất khả đắc, bất khả kiến (chẳng thể được, chẳng thể thấy). Bởi vậy nên tâm Bồ tát chẳng hói, chẳng chìm đắm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đối với Bồ tát, thì ý và ý thức đều là bất khả đắc, bất khả kiến. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Này Tu Bồ Đề! Đối với Bồ tát thì hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, bất khả kiến. Bởi vậy nên, khi thật hành, Bồ tát chẳng thấy cũng chẳng được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy cũng chẳng được danh tự Bồ tát, chẳng thấy cũng chẳng được tâm Bồ tát. Lời nói đây chính là lời dạy cho hàng Bồ tát vậy.

LUẬN:

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, quán các pháp danh tự là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải chẳng thường, chẳng phải chẳng vô thường dẫn đến ở nơi hữu vi tánh và vô vi tánh đều chẳng thấy có danh tự Bồ tát.

18 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Như trước đây đã nói, ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát đều chẳng có tác ý phân biệt. Bồ tát trú trong pháp bất hoại, hành 6 pháp Ba-la-mật, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp.

Do được thật trí huệ, nên ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát chẳng thấy có pháp nào nhất định gọi là Bát nhã Ba-la-mật cả, chẳng thấy có danh tự Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có Bồ tát, chẳng thấy có danh tự Bồ tát. Bồ tát dùng trí huệ ấy, phá được vô minh và các phiền não.

Lại nữa, cũng do được thật trí huệ, mà Bồ tát được vô sở kiến, chẳng thấy hết thấy các pháp, nên phá được các chấp về Bát nhã Ba-la-mật, về danh tự Bát nhã Ba-la-mật, vào được nơi thật tướng các pháp, được tâm thanh tịnh, được vô ngại.

Bồ tát được trí huệ như vậy, nên dù thấy, dù nghe, dù niệm các pháp, vẫn thấy các pháp đều là như huyễn, như hóa. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ sự thấy, sự nghe, sự niệm cũng đều là hư vọng, nên chẳng có chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc... mà thường trú trong vô ngại trí, tăng ích 6 Ba-la-mật, vào Bồ tát vị, được hết thấy các lợi ích.

-o0o-

Trong phẩm này, Phật dạy về pháp quán Bồ tát, Bồ tát danh, Bồ tát nghĩa đều là bất khả đắc.

Ở các phẩm sau, phần nhiều nói về quán “không”.

-o0o-

Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề sắc có phải là Bồ tát chăng? Thọ, tưởng hành, thức có phải là Bồ tát chăng? Dẫn đến có một pháp nào nhất định gọi là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng Bồ tát do duyên hòa hợp mà có, thì chẳng có pháp nào nhất định gọi là Bồ tát cả. Nghĩ như vậy, nên ngài thưa rằng: Chẳng phải vậy.

Vì ngài Tu Bồ Đề là người đã chứng được “chúng sanh không” nên Phật mới tán thán: Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói, chúng sanh bất khả đắc, Bồ tát bất khả đắc, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả đắc. Ông phải như vậy mà tu học Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Phật lại hỏi ngài Tu Bồ Đề: Sắc có phải là Bồ tát nghĩa chẳng? Dẫn đến sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác có phải là Bồ tát nghĩa chẳng? Dẫn đến có một pháp nào nhất định gọi là Bồ tát nghĩa chẳng?

Vì ngài Tu Bồ Đề đã vào được pháp “không” chẳng còn tâm nghi, nên ngài thưa rằng: Chẳng phải vậy.

Bởi vậy nên Phật lại tán thán: Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói, Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ nghĩa của sắc là bất khả đắc, dẫn đến nghĩa của hết thảy các pháp đều là bất khả đắc, nên Bồ tát nghĩa dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật nghĩa cũng đều là bất khả đắc cả. Ông phải như vậy mà tu học Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp nào gọi là Bồ tát, chẳng có pháp nào gọi là Bồ tát nghĩa cả.

Phật dạy: Chẳng phải riêng Bồ tát là chẳng thể được (bất khả đắc), chẳng thể thấy (bất khả kiến), mà ở nơi hết thảy

pháp cũng chẳng có pháp nào thấy pháp nào cả. Vì sao? Vì pháp tánh là vô lượng, là chẳng thể được, chẳng thể thấy vậy. Các pháp chẳng thể thấy pháp tánh, mà pháp tánh cũng chẳng thể thấy các pháp. Vì sao? Vì các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng có tự tánh, nên các pháp chẳng thấy pháp tánh, và pháp tánh cũng chẳng thấy các pháp vậy.

Tánh của 5 âm, của 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến tánh của pháp hữu vi, của pháp vô vi cùng với pháp tánh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

-o0o-

Như vậy là lược nói các nhân duyên “Ly hữu vi tánh chẳng có vô vi tánh, và ly vô vi tánh chẳng có hữu vi tánh” Vì sao? Vì hai pháp hữu vi và vô vi nhiếp hết thảy các pháp.

Do Bồ tát chẳng chấp hết thảy các pháp, nên chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Nếu còn có chỗ thấy, chỗ không thấy là còn kinh, còn hãi, còn sợ. Bồ tát chẳng chấp hết thảy pháp, nên chẳng còn có chỗ thấy, chẳng còn chỗ sợ, tức là vào được vô sở kiến, vô sở úy vậy.

Hỏi: Trước đã nói về các nhân duyên Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề nói các pháp đều là “không” là vô sở hữu. Nhưng ngài vẫn còn sợ có người khởi tâm nghi, khiến phải bị đọa về tà kiến, nên ngài mới hỏi Phật. Ngài muốn được Phật giải rộng, để người hành đạo được sanh chánh kiến.

Hỏi: Vì sao nói hết thảy các pháp đều chẳng thể thấy được?

Đáp: Do biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên Phật dạy: Hết thảy các tâm và tâm sở đều chẳng thể được (bất khả đắc), chẳng thể thấy (bất khả kiến). Bởi vậy nên Bồ tát chẳng có kinh, chẳng có hãi, chẳng có sợ.

Người mới tu “pháp không” thấy các tâm và tâm sở là có thể được (khả đắc), còn các ngoại pháp là chẳng thể được (bất khả đắc), nên mới sanh sợ hãi. Trái lại, Bồ tát đã thấy rõ các tâm và tâm sở đều là hư vọng, chẳng thật có, đều do quả báo điên đảo mà giả có vậy thôi, nên chẳng còn sanh tâm sợ hãi.

Vì chưa khai thị cho phạm phu rõ về thật tướng pháp, lại vì biết rõ phạm phu chấp nghĩa của các pháp có sai khác nhau, nên ngài Tu Bồ Đề mới phải hỏi như trên đây.

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề phải hỏi đến 3 lần?*

Đáp: Các tâm và tâm sở đều ở nơi ý thức. Phải nương nơi ý căn mới thấy được ý thức, và mới thấy được toàn thể các tâm và tâm sở pháp. Vì sao? Vì có ý thức, mới khởi phân biệt. Do có khởi phân biệt, nên mới sanh sợ hãi. Ví như khi 5 căn duyên 5 trần, thì ở vào khoảnh khắc thời gian ngắn ngủi đó chưa có sự phân biệt. Khi có ý thức xen vào, thì mới có phân biệt, dẫn đến có sanh sợ hãi. Bởi vậy nên, muốn phá sự sợ hãi đến tận cùng gốc rễ, thì phải đình chỉ mọi sự phân biệt nơi ý thức. Đây chính là lý do khiến ngài Tu Bồ Đề phải hỏi Phật lần thứ ba.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng thấy có Bồ tát, chẳng thấy có danh tự Bồ tát, chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có danh tự Bát nhã Ba-la-mật nữa. Do biết rõ như vậy, nên Bồ tát chẳng có sanh sợ hãi. Đây cũng chính là nhằm giáo hóa Bồ tát tu tập về Bát nhã Ba-la-mật tướng vậy.

22 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Nếu biết rõ Bồ tát tướng, Bát nhã Ba-la-mật tướng đã thật hành Bát nhã Ba-la-mật rồi. Nếu biết Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải do cầu khắp 10 phương mà có được, cũng chẳng phải do ai mà có được, cũng chẳng phải như các vật báu mà phải dùng sức để chiếm đoạt được vậy.



Phẩm Thứ Tám



Khuyến Học
(Khuyên Học)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Bồ tát muốn được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn biết sắc, ..., dẫn đến thức, muốn biết sắc, ..., dẫn đến pháp, muốn biết nhãn, ..., dẫn đến ý, muốn biết nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, muốn biết nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, muốn biết nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn đoạn tham, sân, si phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn đoạn thân kiến, tà kiến, nghi, dâm dục, sân nhuế, sắc ái và vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh cùng hết thảy các kiết sử, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn đoạn 4 phược, 4 kiết, 4 điên đảo, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn biết 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 không, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn nhập giác ý tam muội, muốn nhập 6 thần

thông, muốn nhập 9 thứ đệ định, muốn nhập siêu việt tam muội... phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn được Sư tử du hý tam muội, sư tử phần tam muội... cùng hết thấy các đà la ni môn và tam muội môn, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Nói tóm lại, Bồ tát muốn làm thỏa mãn hết thấy các nguyện của chúng sanh, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói rằng Bồ tát muốn được các công đức, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao còn nói nữa?

Đáp: Trước đây muốn được các công đức, thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Nay đã nghe Bát nhã Ba-la-mật, đã nếm được mùi vị của Bát nhã Ba-la-mật rồi, nên muốn được các công đức của 6 Ba-la-mật. Do vậy mà càng phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật hơn nữa.

Lại nữa, do nhân duyên nói về “pháp không” mà có người nghe nghi là Phật pháp cũng chấp đoạn diệt, nên lập lại đề đoạn nghi cho họ. Vì vậy mà phải nói lại rằng muốn được đầy đủ các công đức thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật là không, là vô sở hữu, nhưng vẫn phải hành các công đức về bố thí, trì giới... Vì sao? Vì ở đây chẳng phải là các không trơn của người chấp về đoạn diệt.

Do hạng người thiếu trí, nghe trước và sau có trái nhau nên Phật phải rộng nói thêm.

-o0o-

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm, vi diệu pháp, nên phải lập đi lập lại. Đến như lời Phật khen Ngài Tu Bồ Đề mà Phật cũng lập đi lập lại: Lành thay, lành thay!

-o0o-

Nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật như đã nói trước đây, nhằm khai thị cho người nghe biết rõ về 5 âm là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Đây là nói về tổng tướng.

Còn nói về biệt tướng, thì phải nói đến 6 căn, 6 trần, 6 thức, 6 thọ v.v... Người thế gian bị trói buộc bởi các pháp ấy, vì lấy thọ làm chủ. Do có thọ nên mới sanh ra các kiết sử, phiền não. Ví như thọ lạc sanh tham, thọ khổ sanh sân, chẳng có thọ lạc, thọ khổ sanh si. Do 3 độ tham, sân, si mà có các phiền não dấy khởi, kết thành các nghiệp nhân duyên. Bởi vậy nên nói thọ làm chủ mà chẳng nói đến các tâm sở khác vậy.

-o0o-

Trước đây đã có nói đến Giác ý tam muội, Sư Tử Du Hý tam muội, Siêu Việt tam muội v.v...

Bồ tát vào được các tam muội này là có thể làm thỏa mãn hết thảy các nguyện của chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát muốn được đầy các công đức phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

Bạch Thế Tôn! Bồ tát muốn có được đầy đủ các thiện

căn, muốn chẳng đọa vào 3 đường ác, muốn chẳng sanh vào nhà hạ tiện, muốn chẳng trú nơi Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, muốn chẳng đọa đảnh, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phát hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thế nào gọi là Bồ tát đọa đảnh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát chẳng có đủ các sức phương tiện để thật hành 6 pháp Ba-la-mật, để nhập vào các tam muội Không, Vô tướng và Vô tác, mà lại trú nơi Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, dẫn đến thủ chấp Bồ tát vị, thì gọi là Bồ tát sanh pháp ái. Như vậy gọi là Bồ tát đọa đảnh.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sanh gọi là pháp ái.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Những gì gọi là pháp ái?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà ở nơi sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc tịch diệt, sắc vô thường, sắc khổ, sắc vô ngã, ..., dẫn đến ở nơi thức không, thức vô tướng, thức vô tác, thức tịch diệt, thức vô thường, thức khổ, thức vô ngã còn có khởi niệm chấp trước, thì gọi là Bồ tát thuận đạo mà sanh pháp ái.

Lại nữa, Bồ tát tu tập các pháp:

- Đây là khổ, phải nên biết.
- Đây là tập, phải nên đoạn.
- Đây là diệt, phải nên chứng.
- Đây là đạo, phải nên tu.
- Đây là tịnh pháp, phải nên gần.

- Đây là câu pháp, phải nên xa.
- Đây là việc phải nên làm.
- Đây là việc chẳng nên làm.
- Đây là Bồ tát đạo.
- Đây chẳng phải là Bồ tát đạo.
- Đây là Đàn Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Đàn Ba-la-mật.
- Đây là Thi la Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Thi la Ba-la-mật.
- Đây là Săn đê Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Săn đê Ba-la-mật.
- Đây là Tỳ lê gia Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Tỳ lê gia Ba-la-mật.
- Đây là Thiên Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Thiên Ba-la-mật.
- Đây là Bát nhã Ba-la-mật.
- Đây chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật.
- Đây là phương tiện của Bồ tát.
- Đây chẳng phải là phương tiện của Bồ tát
- v.v...

Trên đây là chỗ thị học và chỗ phi học, tức là chỗ nên học và chỗ chẳng nên học của Bồ tát. Nên biết “thị” cũng như “phi” đều là phương tiện của Bồ tát cả.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-

la-mật mà ở nơi các pháp còn khởi niệm chấp trước “thị” hay “phi”, thì gọi là Bồ tát thuận đạo mà sanh pháp ái.

LUẬN:

Hỏi: Phải hành những thiện căn gì mới chẳng đọa vào các ác đạo, mới chẳng đọa đành?

Đáp: Có thuyết nói:

- Hành thiện căn “bất tham” khiến cho ái kiệt cùng hết thảy các kiết sử khác mỏng dần. Từ đó vào được các thiên định.

- Hành thiện căn “bất sân”, khiến cho sân nhuế cùng các kiết sử khác mỏng dần. Từ đó sanh được tâm từ bi.

- Hành thiện căn “bất si”, khiến vô minh cùng các kiết sử khác mỏng dần. Từ đó vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Hành các thiện căn như vậy là có đủ thiên định, từ bi và trí huệ Bát nhã, cho nên chẳng có việc gì mà chẳng làm được, chẳng có pháp môn gì mà chẳng tu được.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, tu tập các thiện căn như vậy nên:

- Chẳng đọa vào các đường ác.
- Chẳng sanh vào nhà hạ tiện.
- Chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.
- Chẳng đọa đành.

Hỏi: Trong 4 sự việc nêu trên đây, vì sao chỉ nói riêng đến đọa đành mà thôi?

Đáp: Vì 3 sự việc kia đã nói đến trước đây rồi. Riêng việc đọa đành chưa được đề cập đến, nên nay ngài Xá Lợi Phất mới hỏi.

Hỏi: *Đọa đảnh là vào trong pháp vị. Nghĩa này đã được nói rồi. Vì sao nay còn hỏi nữa?*

Đáp: Trước đây đã nói về nghĩa này rồi. Tuy nhiên, trước đây chưa nói rõ về các phương tiện dẫn vào 3 Giải thoát môn. Bởi vậy nên danh tự này, trước và sau có nghĩa khác nhau.

Trước nói do ái pháp mà được lợi ích, vào được vô sanh pháp nhẫn. Nay nói vào được vô sanh pháp nhẫn rồi, mà còn chấp, còn ái pháp thì chẳng có lợi ích gì.

Ví như người ăn nhiều bị bội thực, chẳng tiêu hóa được. Nếu chẳng lo thuốc men chữa trị, thì sẽ thành trọng bệnh. Khi bệnh đã lành rồi thì chẳng cần đến thuốc men nữa.

Bồ tát cũng như vậy. Khi sơ phát tâm, do tham ái pháp thực mà tinh tấn tu hành, chứng được đạo quả. Thế nhưng, nếu chưa có đủ các sức phương tiện để hành các thiện pháp, thì sẽ sanh tâm chấp đắm đạo quả vậy. Bởi vậy nên nói, ở nơi Vô sanh pháp nhẫn mà còn pháp ái thì cũng vẫn là bệnh.

Vì sao? Vì do còn chấp pháp, nên ở nơi bất sanh bất diệt mà chẳng được tự tại.

Ví như người mắc phải trọng bệnh, quyết định sẽ phải chết, thì dù có uống nhiều thuốc, các thứ thuốc ấy cũng thành bệnh. Bồ tát nếu đã vào được nơi rốt ráo không, nơi bất sanh bất diệt, tức là đã vào trong Vô sanh pháp nhẫn rồi, mà còn sanh pháp ái thì sẽ dễ mắc bệnh pháp ái vậy.

Pháp ái đối với các hàng Trời, người là diệu pháp, nhưng ở nơi Vô sanh pháp nhẫn thì lại là bệnh.

Ở nơi hết thảy pháp, nếu còn sanh ức tướng phân biệt, nếu còn quán “thị-phi”, để rồi tùy theo pháp mà sanh pháp ái thì được gọi là “đọa đảnh”. Vì sao? Vì như vậy là trái với thật tướng pháp, là chẳng có tương ưng với thật tướng pháp. Nếu

Bồ tát vẫn còn chấp như vậy thì gọi là Bồ tát tham ái pháp thực, cũng gọi là “đọa đánh”.

Hỏi: *Chỉ là một pháp, nhưng vì sao có lúc nói là Vô sanh, có lúc nói là Đánh?*

Đáp: Ở nơi Nhu thuận nhãn, ở nơi Vô sanh nhãn, nếu chẳng có chấp trước pháp Vô sanh đó thì gọi là Trú Đánh vị. Bồ tát trú ở đánh cao đó, thẳng đường đến Phật đạo, chẳng còn sợ bị đọa nữa.

Cũng như vậy, ở trong pháp Thanh Văn có nói đến Noãn pháp, Nhãn pháp và Đánh pháp. Khi đã thành tựu được hai pháp Noãn và Nhãn rồi, thì hành giả tiến tu Đánh pháp vậy.

Hỏi: *Nếu đã được Đánh vị rồi là chẳng còn bị đọa nữa? Vì sao lại nói đến đọa Đánh?*

Đáp: Người được Đánh vị rồi, mà tâm kiên cố, trí an ổn, thì chẳng sợ bị đọa nữa. Người đã gần được Đánh vị rồi mà đánh mất đi thì mới gọi là đọa Đánh.

Vì sao? Vì khi đã lên đến đánh núi, đứng vững chắc trên đánh núi rồi, thì chẳng còn sợ bị rơi xuống nữa. Thế nhưng, khi còn đang leo núi, mặc dù đã gần đến đánh núi rồi, thì cũng vẫn còn nguy hiểm, còn lo sợ bị rơi xuống, nên cần phải giữ tâm trí kiên cố, an ổn.

Bồ tát, khi đã trú ở Đánh vị rồi, thì chẳng còn bị các nội ma quấy nhiễu, chẳng còn bị các kiết sử trói buộc nữa. Như vậy gọi là được Vô sanh pháp nhãn. Vì sao? Vì trái với Vô sanh là còn kiết sử, còn ái chấp các thiện pháp.

Nếu chẳng có được trí huệ soi sáng, thì chẳng vào được nơi thật tướng pháp, như vậy gọi là Sanh. Nếu có được trí huệ soi chiếu, thì vào được nơi thật tướng pháp; như vậy gọi là Thực.

Lại nữa, nếu chẳng có y chỉ trí sanh diệt, nếu ly được trí sanh diệt, ly được các chấp điên đảo, thì vào được nơi bất sanh, bất diệt. Như vậy gọi là được Vô sanh Pháp, hay Tín Pháp, hay Thọ Pháp, hay Trí Pháp, cũng gọi là Nhẫn vị.

Bồ tát, khi đã nhập vào vị ấy rồi, là xả bỏ hết thảy các quán vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu chẳng được như vậy, thì gọi là thuận đạo mà còn sanh pháp ái.

KINH:

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát bất sanh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát, khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, ở trong nội không, chẳng thấy có ngoại không; ở trong ngoại không, chẳng thấy có nội không; ở trong ngoại không chẳng thấy có nội ngoại không; ở trong nội ngoại không, chẳng thấy có không không; ở trong không không, chẳng thấy có nội ngoại không; ở trong không không chẳng thấy có đại không; ở trong đại không, chẳng thấy có không không; ở trong đại không, chẳng thấy có đệ nhất nghĩa không; ở trong đệ nhất nghĩa không, chẳng thấy có đại không; ở trong đệ nhất nghĩa không chẳng thấy có hữu vi không; ở trong hữu vi không, chẳng thấy có đệ nhất nghĩa không; ở trong hữu vi không chẳng thấy có vô vi không, ở trong vô vi không, chẳng thấy có hữu vi không; ở trong vô vi không chẳng thấy có tất cánh không; ở trong tất cánh không, chẳng thấy có vô vi không; ở trong tất cánh không chẳng thấy có vô thi không; ở trong vô thi không, chẳng thấy có tất cánh không; ở trong vô thi không chẳng thấy có tán không, ở trong tán không, chẳng thấy có vô thi không, ở trong tán không chẳng thấy có tánh không; ở trong tánh không chẳng thấy có tán không; ở trong tánh không chẳng thấy

có chư pháp không; ở trong chư pháp không, chẳng thấy có tánh không; ở trong chư pháp không chẳng thấy có tự tướng không; ở trong tự tướng không, chẳng thấy có chư pháp không; ở trong tự tướng không chẳng thấy có bất khả đắc không; ở trong bất khả đắc không, chẳng thấy có tự tướng không; ở trong bất khả đắc không chẳng thấy có vô pháp không; ở trong vô pháp không, chẳng thấy có bất khả đắc không, ở trong vô pháp không chẳng thấy có hữu pháp không, ở trong hữu pháp không chẳng thấy có vô pháp không, ở trong hữu pháp không chẳng thấy có vô pháp hữu pháp không, ở trong vô pháp hữu pháp không chẳng thấy có hữu pháp không.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy gọi là Bồ tát bất sanh, nhập vào Bồ tát vị.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát phải nên tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế này: chẳng niệm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng niệm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng niệm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp...; chẳng niệm 6 pháp Ba-la-mật dẫn đến chẳng niệm 18 bất cộng pháp.

Bồ tát thực hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng có niệm trước, chẳng có tự cao là mình đã được đại tâm, đã được vô đẳng đẳng tâm. Vì sao? Vì tâm tướng và phi tâm tướng đều là vô tướng, là thường thanh tịnh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào là tâm tướng thường thanh tịnh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát biết rõ tâm tướng cùng tham, sân, si là chẳng hợp, chẳng ly; biết rõ tâm tướng cùng các kiết sử phiền não, triền phược là chẳng hợp, chẳng ly. Như vậy, gọi là biết rõ tâm tướng thường thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Vô tâm là có tướng tâm hay là chẳng có tướng tâm?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: Trong vô tâm có thể được tướng tâm hay tướng vô tâm chẳng?

Ngài Xá Lợi Phát đáp: Chẳng thể có được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu chẳng thể có được, thì chẳng nên hỏi về có tâm, hay chẳng có tâm (thị tâm hay phi tâm) làm gì nữa.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Thế nào gọi là vô tâm tướng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu đối trước các pháp mà biết rõ các pháp là chẳng thể hoại (bất khả hoại), là chẳng có phân biệt (vô phân biệt) thì đó gọi là chẳng có tướng tâm (vô tâm tướng) vậy.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Chỉ có tâm là chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt, hay là sắc cũng chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt, ..., dẫn đến Phật đạo cũng chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát biết rõ tâm là chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt, thì Bồ tát cũng biết rõ sắc, ..., dẫn đến Phật đạo cũng chẳng thể hoại, chẳng có phân biệt vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phát tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Lành thay, lành thay! Ông thật là bậc chân Phật tử, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, thủ được pháp phần của Phật. Trong pháp tự tín, thân được chứng.

Đúng như lời Phật dạy, ông được Vô tránh tam muội, tối diệu, đệ nhất.

Nếu Bồ tát y theo lời ông đã phân biệt nói ra, mà thật hành thì sẽ chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu có người thiện nam, thiện nữ muốn học pháp Thanh Văn, thì cũng phải nghe Bát nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, như pháp mà tu hành. Lại nữa, Nếu có người thiện nam, thiện nữ muốn học pháp Bồ tát, thì cũng phải nghe Bát nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, như pháp mà tu hành.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói về cả 3 thừa. Bởi vậy, nên Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát đều phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Trong kinh nói trong nội không, chẳng thấy có ngoại không; trong ngoại không, chẳng thấy có nội không;... nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Có thuyết nói rằng 4 đại ở bên ngoài theo các thức ăn uống, theo hơi thở... nhập vào thân trở thành 4 đại của nội thân. Khi bài tiết, cũng như ở giai đoạn cuối cùng của cuộc đời, khi thân đã chết rồi, thì 4 đại của nội thân lại được trả về cho 4 đại bên ngoài.

Như vậy là chấp có trong (nội), có ngoài (ngoại), có đi (khứ), có đến (lai)... đều là chấp điên đảo cả. Hết thấy các pháp đều là chẳng có các tướng trong, ngoài, đi, đến... Bởi vậy nên nói nội không chẳng có ở ngoại không, ngoại không chẳng có ở nội không; dẫn đến 16 pháp không còn lại cũng đều là như vậy cả.

Hết thấy các pháp đều là chẳng có sanh, chẳng có diệt, chẳng có đi, chẳng có đến, chẳng có đồng, chẳng có khác... Mỗi mỗi đều chẳng trú vậy.

Lại nữa, vào Bồ tát vị, Bồ tát chẳng có niệm sắc là CÓ, chẳng có niệm sắc là KHÔNG; , ..., dẫn đến cũng chẳng niệm

18 bất cộng pháp là CÓ hay là KHÔNG.

(Nghĩa về niệm CÓ, niệm KHÔNG đã nói trước đây rồi).

Hỏi: *Bồ đề tâm, Vô đẳng đẳng tâm và Đại tâm khác nghĩa với nhau chăng?*

Đáp: Bồ tát sơ phát tâm, duyên Vô Thượng đạo, mà phát nguyện rằng: “Tôi nguyện sẽ làm Phật”. Như vậy là phát Bồ đề tâm. Khi được Vô đẳng đẳng tâm, thì được gọi là Phật. Lúc bấy giờ, Bồ đề tâm và Vô đẳng đẳng tâm tương đồng với nhau. Vì sao? Vì quả đã tương ứng với nhân vậy.

Lại dùng đại trí, quán hết thấy pháp, hết thấy chúng sanh đều bình đẳng, chẳng có phân biệt; dùng đại từ, đại bi rộng độ hết chúng sanh. Như vậy là đại tâm.

Lại có thuyết nói:

- Đàn Ba-la-mật và Thi la Ba-la-mật nhiếp về Bồ đề tâm. Vì sao? Vì Đàn Ba-la-mật là nhân duyên dẫn đến đại phước đức. Thi la Ba-la-mật là nhân duyên dẫn ra khỏi 3 đường ác. Đây là 2 pháp rất tôn quý trong các hàng Trời và Người. Trú được trong 2 pháp này, thì có được lực quả báo an lập chúng sanh, và thành tựu đại sự.

- Săn đề Ba-la-mật và Tỳ lê gia Ba-la-mật nhiếp về Vô đẳng đẳng tâm. Vì sao? Vì 2 Ba-la-mật này là nhân duyên thành tựu được các việc hy hữu, rất khó làm. Nhờ nhẫn nhục, mà Bồ tát có thể, vì chúng sanh chịu bị cắt thịt, bị chẻ xương... mà tâm chẳng hề lay động, chẳng hề oán hận. Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không là đồng thể đại bi, nên mới làm được những việc hy hữu như vậy. Lại nhờ tinh tấn mà Bồ tát thành tựu được vô lượng công đức, có được những lực quả báo, chẳng gì bằng được. Khi thật hành 2 Ba-la-mật này, thì tâm Bồ tát tương tự như tâm Phật.

Như vậy là Vô đẳng đẳng tâm.

- Thiền Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật nhiếp về Đại tâm. Vì sao? Vì ở nơi thâm thiền định, Bồ tát dùng 4 vô lượng tâm, duyên khắp hết thấy chúng sanh, đang trầm luân trong biển khổ sanh tử, nhằm cứu độ hết thấy chúng sanh thoát khổ. Lại nhờ trí huệ Bát nhã mà Bồ tát vào được nơi thật tướng pháp, diệt hết các quán, đoạn dứt ngôn ngữ, mà chẳng có lạc về đoạn diệt.

Như vậy là đại tâm.

Lại có thuyết nói rằng: Khi sơ phát tâm thì gọi là Bồ đề tâm, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, thì gọi là Vô đẳng đẳng tâm, khi dùng các lực phương tiện để hành đạo thì gọi là Đại tâm.

-o0o-

Như vậy là 3 tâm có sai khác nhau.

Phải nên biết rằng, Bồ tát được đại tâm, đại trí mà chẳng có sanh tự cao, tự mãn. Vì sao? Vì tâm Bồ tát thường thanh tịnh, ví như hư không vậy. Dù có mây bay, có khói tỏa, có bụi trần lãng quăng qua lại... che lấp hư không, mà hư không vẫn thường như vậy.

Cũng như vậy, tâm Bồ tát thường thanh tịnh, nên các vô minh, phiền não chỉ là khách trần qua lại, chẳng có vướng mắc, chẳng cần phải khử trừ. Vì sao? Vì cứ y nơi góc thanh tịnh mà tu hành, tinh tấn hạ thủ công phu, thì các nghiệp cấu mỏng dần, nhường chỗ cho tâm thanh tịnh hiển lộ ra.

Bồ tát biết rõ tánh thanh tịnh chẳng phải do ai làm ra, chẳng phải do tự mình làm ra, nên chẳng tự cao và cũng chẳng niệm có pháp nào là thật cả, vì hết thấy pháp đều là rốt ráo không vậy.

Hỏi: Ngài Xá Lợi Phất cũng đã biết rõ tâm tướng thường thanh tịnh rồi. Sao nay ngài còn hỏi nữa?

Đáp: Bồ tát khi mới phát Bồ đề tâm, nghe nói tâm tướng là rốt ráo không, rồi lại nghe nói tâm tướng thường thanh tịnh, thì vẫn còn ức tướng phân biệt, vẫn còn thủ chấp cái tướng vô tâm đó.

Bởi vậy ngài Xá Lợi Phất mới nêu lên các câu hỏi để ngài Tu Bồ Đề giải đáp, nhằm giải nghi cho các vị Bồ tát này.

Hỏi: Vô tâm là có tướng tâm hay không có tướng tâm? Nếu là có thì vì sao lại nói là vô tâm? Nếu là không thì vì sao lại tán thán vô đẳng đẳng tâm?

Đáp: Vô tâm là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có tướng, cũng chẳng phải chẳng có tướng. Vì CÓ và KHÔNG đều là bất khả đắc cả.

Như cuộc đối đáp giữa hai ngài Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề sau đây:

- Hỏi: Thế nào là vô tâm tướng?

- Đáp: Hết thấy các pháp đều rốt ráo không, chẳng có phân biệt. Như vậy gọi là vô tâm tướng.

- Hỏi: Nếu tâm tướng chẳng thể hoại, chẳng thể phân biệt, thì hết thấy các pháp cũng đều là như vậy hay sao?

- Đáp: Hết thấy các pháp cũng đều là như vậy cả. Vô thượng bồ đề tâm cũng ví như hư không, cũng chẳng thể hoại, chẳng thể phân biệt. Cho nên nếu có Bồ tát thâm trước Vô thượng bồ đề tâm, mà dấy niệm “đắc”, thì Bồ tát ấy chưa được lậu tận, chưa được thanh tịnh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Nếu có người nghe nói như vậy mà sanh tâm sợ hãi, chẳng có vui, thì người đó còn chấp tâm, còn tư duy trừ lượng. Phải nên vì họ nói về thật tướng pháp để đối trị.

Nghĩ như vậy rồi, ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng: Nay ở trước đức Thế Tôn, ta phải dùng thật tướng pháp mà đối trị. Nếu ta có lỗi làm gì thì Thế Tôn sẽ rộng thuyết cho ta được rõ.

Ngài Tu Bồ Đề nói tiếp: Vô thượng bồ đề tâm là đệ nhất. Thế nhưng nếu tâm còn chấp tướng “không”, còn chấp tướng “bất hoại”, còn chấp tướng “vô phân biệt” thì liền có tướng “hư vọng” khởi sanh ra. Khi tu hành, hành giả phải tùy Vô thượng bồ đề tâm mà hành các tướng, nhưng chẳng nên chấp tướng, chẳng nên tự cao.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề là bậc chân Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, thù được pháp phần của Phật.

Phật ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, cùng lời tán thán ngài Tu Bồ Đề của ngài Xá Lợi Phất.

Hỏi: *Các vị Bà-la-môn cũng từ nơi miệng Phạm Thiên sanh, nên trong 4 tộc tánh bên Ấn Độ thì Bà-la-môn đứng về hàng thứ nhất. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất lại tán thán ngài Tu Bồ Đề là từ miệng Phật sanh?*

Đáp: Vì ngài Tu Bồ Đề đã thấy pháp, đã biết pháp. Trái lại phàm phu chưa vào được đạo, nên chỉ y vào thân tướng của Phật mà cúng dường. Như vậy là họ chỉ thủ tướng phần mà thôi.

Nói về thủ, cũng nên biết có hai trường hợp là:

- Thủ tài,

- Thủ pháp.

Thủ tài là gom góp tài vật, của cải về cho mình. Ví như đưa con bất hiếu, chẳng muốn noi theo lời dạy dỗ của cha mẹ, mà chỉ muốn tranh phần tài sản.

Còn thủ pháp là thủ lấy các pháp thiên định, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 6 Thánh đạo... cùng hết thảy các thiện pháp. Vì sao? Vì như vậy là vào được trong pháp tự tín, đầy đủ các thần thông, thâm nhập vào diệt tận định nên được thân đắc chứng.

Ví như ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, ngài Mục Kiền Liên là bậc thần thông đệ nhất, ngài Tu Bồ Đề là bậc Vô tránh tam muội đệ nhất. Ngài Tu Bồ Đề vào Vô tránh tam muội, thường quán tâm chúng sanh mà chẳng khởi cạnh tranh. Ngài đã được căn bản tam muội tứ thiền, nên được diệu dụng hành pháp ấy ở cõi Dục vậy.

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là pháp tu của hàng Bồ tát. Như vậy vì sao nói rằng muốn được 3 thừa đạo, phải tu học Bát nhã Ba-la-mật?*

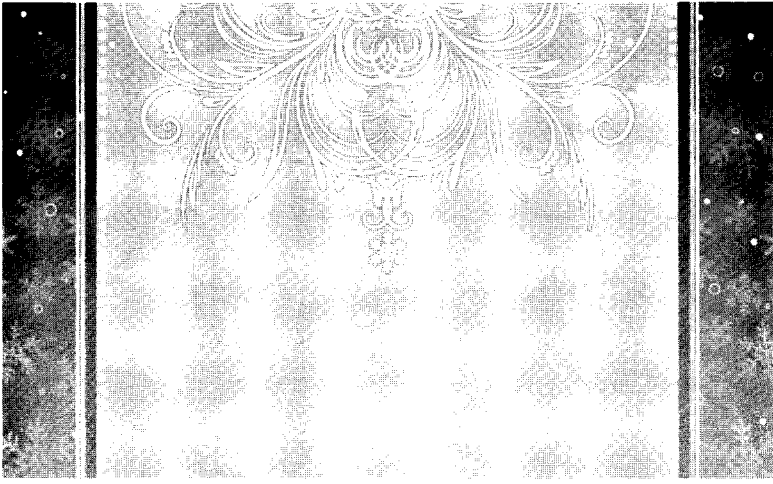
Đáp: Nói về Bát nhã Ba-la-mật là nói về thật tướng pháp, là nói về Vô dư Niết Bàn. Đây là nhân tu của cả 3 thừa đạo. Bởi vậy nên nói cả 3 thừa đều phải tinh tấn tu học Bát nhã Ba-la-mật.

Trong kinh đã có nói nhiều về các nhân duyên tu, như nói tu 3 giải thoát môn Không, Vô tướng và Vô tác v.v... Nếu hành giả xa lìa Không Giải thoát môn thì chẳng có đạo, chẳng có Niết Bàn, nên cả 3 thừa đều phải tu học Bát nhã Ba-la-mật.

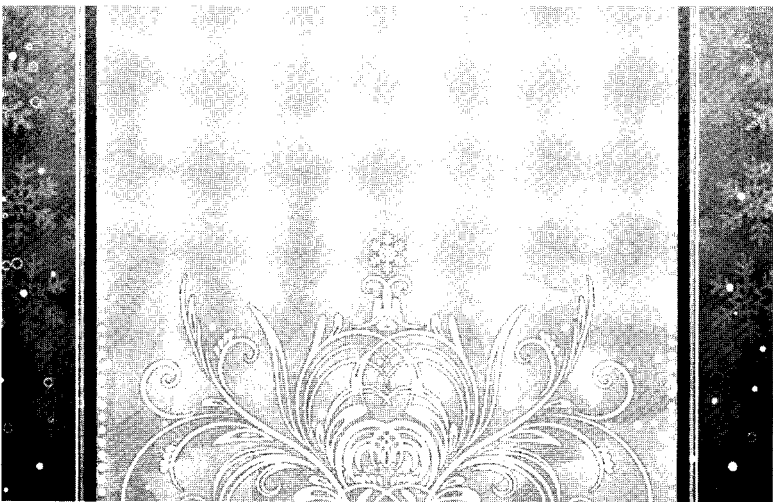
40 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Xá Lợi Phất nêu lên các nhân duyên rằng Bát nhã Ba-la-mật rộng nói về cả 3 thừa, nên cả 3 thừa đều phải tu học Bát nhã Ba-la-mật. Dù muốn học pháp Thanh Văn, muốn học pháp Bích Chi Phật, hay muốn học pháp Bồ tát, thì hành giả vẫn phải nghe Bát nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, như pháp mà tu hành.

(Hết quyển 41)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 42



Phẩm Thứ Chín



Tập Tán (Hợp và Tan)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc, bất giác (chẳng được, chẳng biết), nên sự việc Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc (chẳng thể có được). Như vậy, làm sao có thể nói Bát nhã Ba-la-mật cho Bồ tát nghe được?

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên hết thấy các pháp tập tán đều là bất khả đắc. Nếu y theo danh tự Bồ tát mà gọi đó là Bồ tát, thì như vậy có phải hời chảng?

Bạch Thế Tôn! Danh tự là chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú. Vì sao? Vì danh tự là vô sở hữu (chẳng có) vậy. Cho nên nói danh tự là chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên sắc tập tán, ..., dẫn đến thức tập tán đều là bất khả đắc. Như vậy làm sao mà lập ra danh tự được? Cho nên nói danh tự là chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên sắc tập tán, ..., dẫn đến pháp tập tán, nhãn tập tán, ..., dẫn đến ý tập tán, nhãn thức tập tán, ..., dẫn đến ý thức tập tán, nhãn xúc tập tán, ..., dẫn đến ý xúc tập tán, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ tập tán, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ

tập tán, vô minh tập tán, ..., dẫn đến lão tử tập tán đều là bất khả đắc cả. Như vậy làm sao mà lập ra danh tự được? Cho nên nói danh tự chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên tham, sân, si tập tán, các phiền não tập tán đều là bất khả đắc cả. Ngã bất đắc nên 6 pháp Ba-la-mật tập tán, 4 niệm xứ tập tán, ..., dẫn đến 8 thánh đạo tập tán, không, vô tướng, vô tác tập tán, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định tập tán, niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm hơi thở ra vào, niệm thân, niệm chết tập tán, 10 Phật lực tập tán, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp tập tán đều là bất khả đắc cả. Như vậy làm sao mà lập ra danh tự được? Cho nên nói danh tự chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên 5 âm như mộng, như ảnh, như hường, như diệm, như hóa tập tán đều là bất khả đắc cả. Ngã bất đắc nên ly, tịch diệt, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh... tập tán đều là bất khả đắc cả. Ngã bất đắc nên như pháp tánh thật tế, pháp tướng, pháp vị tập tán đều là bất khả đắc cả. Ngã bất đắc nên thiện pháp tập tán, bất thiện pháp tập tán, hữu vi pháp tập tán, vô vi pháp tập tán, hữu lậu pháp tập tán, vô lậu pháp tập tán, quá khứ tập tán, hiện tại tập tán, vị lai tập tán... cũng đều là bất khả đắc cả. Đây chính là nghĩa vô vi pháp vậy.

Bạch Thế Tôn! Ngã bất đắc nên vô vi pháp tập tán cũng là bất khả đắc. Ngã bất đắc nên chư Phật tập tán, chư Bồ tát tập tán, chư Thanh Văn tập tán cũng đều là bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Phật tập tán, chư Bồ tát tập

tán, chừ Thanh Văn tập tán đều là bất khả đắc cả, thì làm sao con có thể giáo hóa Bồ tát về Bát nhã Ba-la-mật được?

Bạch Thế Tôn! Danh tự Bồ tát chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú. Như vậy làm sao con có thể dùng danh tự Bồ tát mà nói đó là Bồ tát được?

Bạch Thế Tôn! Ở nơi thật tướng pháp, danh tự Bồ tát chẳng trú, cũng chẳng phải chẳng trú. Vì sao? Vì danh tự là vô sở hữu.

Vì danh tự là vô sở hữu nên chẳng trú, mà cũng chẳng phải chẳng trú vậy.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói rằng, Bồ tát cũng như danh tự Bồ tát chẳng thấy ở trong, chẳng thấy ở ngoài, chẳng thấy ở chặng giữa. Nay vì sao còn hỏi nữa?

Đáp: Trước đây đã nói về 4 thứ ái nhiễm là:

Ái dục - Ái hữu - Ái phi hữu - Ái pháp.

- Ái dục rất dễ thấy, vì là bất tịnh.

- Ái hữu cũng bất tịnh. Có thể dùng phi hữu để phá ái hữu.

- Ái phi hữu vi tế hơn, nên rất khó trừ.

- Ái pháp là ái các thiện pháp, có lợi ích cho việc tu đạo. Tuy nhiên, ái pháp cũng dẫn đến những lỗi lầm rất khó thấy, nên phải nói lại cho rõ hơn.

Ví như cỏ cũng như loài cây nhỏ rất dễ trừ diệt, còn các cây lớn thì rất khó có thể loại trừ đến tận gốc rễ.

Cũng như vậy, ái pháp có những lỗi lầm khó thấy, rất khó biết nên người tu rất khó đạt đến chỗ bất giác, bất đắc (chỗ chẳng biết, chẳng được) vậy.

Trước đây đã nói về các pháp có đồng, có khác, đã nói về danh tự Bồ tát là bất kiến (chẳng thấy). Nay nói về danh tự Bồ tát là bất giác, bất đắc (chẳng biết, chẳng được)

Nên biết, vì chẳng biết, chẳng được nên là chẳng thấy vậy.

Hỏi: *Khi chưa có pháp Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng đã có Bồ tát rồi. Sao lại nói Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Từ vô thi đến nay, chúng sanh vốn là bất khả đắc.

Phàm phu, do chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng biết rõ chúng sanh là bất khả đắc, mà chỉ hư vọng điên đảo chấp ấy giả danh, cho chúng sanh là thật có. Người hành Bát nhã Ba-la-mật diệt được các chấp điên đảo ấy, nên biết rõ chúng sanh vốn là bất khả đắc. Thế nhưng, nếu ở nơi vô sở hữu, mà dấy niệm chấp, đó chỉ là không tron thì sẽ bị rơi về đoạn diệt.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề đã đề cập đến tâm hối, nhằm giúp chúng sanh phá được vọng ngữ.

Sở dĩ ngài sợ chúng sanh phạm giới vọng ngữ, vì các pháp đều là vô ngã, mà Phật lại bảo ngài nói Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe.

Lại nữa, trong kinh có dạy rằng các pháp hữu vi do duyên hòa hợp sanh, và cũng theo duyên diệt. Như vậy là có tập, có tán. Nay ngài nói các pháp đều là bất khả đắc, đều là không, đều chẳng có tập tán, nên ngài sợ chúng sanh phạm vọng ngữ vậy.

Ví như:

- Lúa từ các đồng ruộng được đưa vào các kho lẫm cất

giữ. Như vậy là tập. Rồi từ các kho lẫm, lúa lại được đem phân phối đến các nhà dân. Như vậy là tán.

- Nhãn căn duyên nhãn trần sanh ra nhãn thức. Rồi nhãn căn, nhãn trần và nhãn thức hòa hợp sanh ra nhãn xúc. Nhãn xúc duyên khởi sanh ra thọ, tưởng, hành, và thức. Nếu ở nơi tà ức niệm, thì thọ, tưởng, hành, thức sẽ dẫn đến sanh phiền não nghiệp tội, nếu ở nơi chánh ức niệm, thì sẽ sanh các thiện pháp.

Thiện nghiệp cũng như ác nghiệp đều dẫn dắt chúng sanh vào 6 đường quả báo. Như vậy gọi là tập.

Khi các thức và các niệm đều diệt, thì các nhân duyên ly tán. Như vậy gọi là tán.

Chúng sanh duyên theo các pháp hữu vi nên chấp có tập, có tán mà chẳng biết rằng các thức cũng như hết thảy các pháp, khi sanh chẳng từ đâu đến, khi diệt cũng chẳng đi về đâu.

Do các pháp khi sanh chẳng từ đâu đến, khi diệt chẳng đi về đâu, nên các pháp tập tán đều là bất khả đắc cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói các pháp đều hư mộng, như huyễn... chỉ do các căn nhận lầm, mà tưởng là có vậy thôi.

Hỏi: *Có tướng tập tán. Sao ngài Tu Bồ Đề lại nói là bất giác, bất đắc (chẳng biết, chẳng được)?*

Đáp: Từ chỗ chẳng từ đâu đến (vô lai) mà tập, là bất khả đắc vậy. Lại từ chỗ chẳng đi về đâu (vô khứ) mà tán là bất khả đắc vậy.

Lại nữa, pháp sanh là không, nên tập bất khả đắc, pháp diệt cũng là không, nên tán cũng bất khả đắc, nghiệp rốt ráo không, nên tập bất khả đắc, nghiệp nhân duyên rốt ráo chẳng mất, nên tán cũng bất khả đắc, quán thế gian diệt để nên tập bất khả đắc, quán thế gian tập để, nên tán bất khả đắc.

Tóm lại, y theo các nghĩa nêu trên đây thì tập và tán đều là bất khả đắc cả.

Hỏi: *Nếu nói tập tán đều bất khả đắc, thì vì sao còn gương lập ra danh tự Bồ tát làm gì?*

Đáp: Như trong kinh đã nói, danh tự tuy chẳng trú, mà cũng chẳng phải chẳng trú.

Hỏi: *Vì sao nói danh tự chẳng trú?*

Đáp: Vì danh tự trú ở nơi pháp, mà pháp là “không” nên nói danh tự chẳng có chỗ trú, là vô sở trú vậy.

Ví như: Thùng xe, mui xe, cần xe, bánh xe, cãm xe, trục xe... nếu được ráp lại với nhau theo đúng kỹ thuật thì tạo thành một tổng thể mang tên gọi là “xe”. Nếu các thành phần ly tán thì xe chẳng còn nữa. Như vậy, danh tự xe chẳng có trú ở nơi bất cứ thành phần nào cả. Danh tự xe cũng là một, mà cũng là khác. Nếu y nơi đó mà tìm cầu xe thì chẳng thể được vậy. Xe là bất khả đắc, thì danh tự xe chẳng có chỗ trú.

Các nhân duyên khi tập là không thì các nhân duyên khi tán cũng là không.

Chúng sanh cũng là như vậy. Do 5 ấm hòa hợp mà có chúng sanh, có danh tự chúng sanh. Khi 5 ấm tan rã thì danh tự chúng sanh chẳng còn có chỗ trú. Bởi vậy nên biết rằng khi 5 ấm ly tán thì chẳng còn có chúng sanh và danh tự chúng sanh nữa. Hơn nữa, 5 ấm vốn là không nên chẳng có thể có được chúng sanh và danh tự chúng sanh vậy.

Hỏi: *Khi ly tán, thì danh tự là bất khả đắc, còn khi hòa hợp chưa ly tán thì có danh tự. Như vậy vì sao lại nói khi tập cũng như khi tán, danh tự đều là bất khả đắc cả?*

Đáp: Danh tự Bồ tát chỉ là một pháp, 5 âm là 5 pháp. Nên biết 1 chẳng phải là 5, thì ngược lại 5 cũng chẳng phải là 1. Danh tự Bồ tát chẳng phải là 5 âm, mà cũng chẳng phải là 1 trong 5 âm.

Ví như, nếu nói Bồ tát là sắc, thì 4 âm kia đều là bất khả đắc cả. Còn nếu nói Bồ tát là sắc và đồng thời cũng là 4 âm kia, thì hóa ra 5 là 1 rồi vậy. Lại nữa, nếu xét riêng thì 1 âm đã có dụng đầy đủ rồi, thì 4 âm kia ắt chẳng có dụng gì riêng cả.

Như vậy là danh tự Bồ tát chẳng trú ở nơi 5 âm, mà cũng chẳng phải chẳng trú ở nơi 5 âm vậy. Các nhân duyên hòa hợp ra danh tự Bồ tát đã là không, thì danh tự Bồ tát, khi tập cũng như khi tán đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Lại nữa danh tự Bồ tát chẳng phải là Bồ tát, cũng ví như danh tự lửa chẳng phải là lửa.

Ai cũng biết rằng lửa đốt cháy được các vật. Thế nhưng nếu ta chỉ nói suông danh tự lửa, thì miệng của ta chẳng thể bị đốt cháy được. Vì sao? Vì khi nói đến lửa, ta chỉ mới sanh tưởng về lửa, chẳng phải là đã có lửa. Danh tự lửa chẳng phải là lửa vậy.

-o0o-

Lại nữa, tên của các sự, các vật ở quanh ta được đặt ra từ thuở xa xưa, truyền từ đời này sang đời khác, được nhiều người nhắc nhở quá nhiều lần, nên trở thành quá quen thuộc. Ví như chỉ nghe nói đến nước, là ta có thể hình dung được trạng thái, tính chất, công dụng của chất lỏng ấy rồi.

Bởi vậy nên nói danh tự chẳng trú cũng chẳng phải là chẳng trú.

Ngài Tu Bồ Đề nói lên các nhân duyên hòa hợp sanh ra danh tự đều là không, đều là vô sở hữu, nên danh tự là chẳng phải trú, cũng chẳng phải chẳng trú. Danh tự, khi tập cũng như khi tán đều là bất khả đắc cả.

Nói tóm lại, Bồ tát, danh tự Bồ tát, 5 âm, 12 nhập, 18 giới... cùng hết thảy các pháp đều là như vậy cả.

Hỏi: *Nói 5 âm tập tán bất khả đắc là đủ rồi. Sao còn nói thêm 5 âm như mộng, như ảnh... tập tán đều là bất khả đắc nữa?*

Đáp: Trước nói 5 âm tập tán bất khả đắc, nay nói thêm 5 âm như mộng, như ảnh... tập tán bất khả đắc để tận trừ các chấp về 5 âm vậy.

Lại nữa, có người nghĩ rằng 5 âm nơi phàm phu mới là hư vọng, như mộng, như huyền... còn 5 âm nơi các bậc Thánh chẳng phải hư vọng. Bởi nhân duyên vậy nên ngài Tu Bồ Đề phải nói rõ rằng 5 âm nơi phàm phu cũng như nơi các bậc Thánh cũng đều là như mộng, như ảnh, như hường, như diệm, như hóa.

Hỏi: *Phật dạy 10 dụ, sao ở nơi đây chỉ nêu có 5 dụ thôi?*

Đáp: Tùy theo tâm chúng sanh mà nói pháp, có khi phải cần nói rộng, có khi cần nói lược.

Ở trong trường hợp này nếu chỉ cần nêu lên 5 dụ là đủ rồi, chẳng có cần thiết nêu lên đầy đủ cả 10 dụ.

Hỏi: *Ly, tịch diệt, bất sanh, bất diệt... nêu ở đoạn kinh trên đây mang ý nghĩa gì?*

Đáp: Có hai trường hợp ly tán. Đó là:

-Thân ly tán.

- Tâm ly tán.

Thân ly tán là nói về trường hợp xa lìa nhà cửa, ruộng vườn, xa lìa người thân thích, để xuất gia, cầu đạo.

Tâm ly tán là nói về trường hợp xa lìa các kiết sử, phiền não.

Người tu hành phải thành tựu cả thân ly tán và tâm ly tán.

-o0o-

Lại có hai pháp ly nữa. Đó là:

- Ly danh tự,

- Ly tự tướng.

Khi nói ly danh tự là nhằm phá danh tướng. Khi nói ly tự tướng là nhằm phá pháp tướng.

-o0o-

Pháp Tiêu thừa thường nói đến hai pháp ly. Đó là hai pháp tịch diệt.

- Thuần thiện tịch diệt tướng (sạch hết các ác sự).

- Như Niết Bàn tịch diệt tướng.

-o0o-

Ở trong thế gian cũng nói đến các pháp ly, dạy người lìa ác, tu thiện.

Pháp tịch diệt thứ hai nêu trên đây là pháp bất sanh. Pháp này lại được chia thành hai pháp nữa. Đó là:

- Các pháp vô vi ở vị lai là bất sanh.

- Hết thầy pháp đều là tướng vô sanh, vì sanh là bất khả đắc.

-o0o-

Về bất diệt cũng có 3 pháp. Đó là:

- Trí duyên diệt.
- Phi trí duyên duyệt.
- Vô thường diệt.

-o0o-

Nói chung quán bất sanh, bất diệt là quán các hành xứ diệt, các ngôn ngữ đoạn. Như vậy là chẳng còn trú vào pháp nào để làm y chỉ nữa cả.

Các pháp tướng là như vậy. Dù thường, dù vô thường, dù cấu, dù tịnh cũng đều là pháp tánh, là thật tế, là pháp tướng, là pháp vị là pháp như, theo như ý nghĩa đã nói trước đây.

Hỏi: *5 ám pháp có tập, có tán. Vì sao nay lại nói 5 ám pháp chẳng có tập, chẳng có tán, là như pháp tánh thật tế? Nói như vậy thì trước và sau có gì trái nhau chẳng?*

Đáp: Người tu hành, khi đã vào được Như Pháp Tánh bình đẳng rồi, thì chẳng còn có tập, nghĩa là chẳng còn chứa nhóm nữa. Tập đã chẳng còn, thì tán cũng chẳng có vậy.

Nếu chẳng có tập, chẳng có tán thì ví như hư không. Khi đóng cửa lại thì gọi là tập, khi mở cửa ra thì gọi là tán. Thế nhưng, khi tập cũng như khi tán, hư không vẫn trước sau chẳng có gì sai khác. Hết thầy các pháp, dẫn đến chư Phật ở khắp trong 10 phương cũng đều là như vậy, đều chẳng có y chỉ, đều chẳng trú mà cũng chẳng phải chẳng trú vậy.

KINH:

Bạch Thế Tôn! Các pháp do duyên hòa hợp mà giả danh thi thiết. Ở nơi 5 âm, 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến ở nơi 18 bất cộng pháp thì danh tự là bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được). Ở nơi hết thấy các pháp hòa hợp, cũng đều là bất khả thuyết.

Bạch Thế Tôn! Các pháp ví như mộng, như ảnh, như hưởng, như diệm, như hóa, nên đều là bất khả thuyết.

Ví như các danh tự hư không, địa, thủy, hỏa, phong v.v... cũng từ nơi pháp không mà được thi thiết ra; các danh tự tam muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng đều từ nơi pháp không mà được thi thiết ra. Các danh tự Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật cũng đều từ nơi pháp không mà được thi thiết ra, dẫn đến danh tự Phật, danh tự pháp cũng đều từ nơi pháp không, mà được thi thiết ra. Tất cả các niệm về thiện, bất thiện, thường, vô thường, khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịch diệt, như như, hữu, vô v.v... cũng đều như vậy cả.

Bạch Thế Tôn! Con y theo nghĩa đó nên con sanh tâm hối. Nếu hết thấy các pháp tướng tập tán đều bất khả đắc, thì làm sao con có thể dùng danh tự Bồ tát để gọi đó là Bồ tát được.

Bạch Thế Tôn! Danh tự chẳng trú cũng chẳng phải chẳng trú, vì là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ tát nào nghe nói về tướng và nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà tâm chẳng trầm một, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết Bồ tát ấy quyết định đã an trú nơi bất

thối chuyển địa, đã an trú nơi tánh không, an trú nơi pháp không rồi vậy.

LUẬN:

Trước đây nói đến chẳng đi, chẳng đến, chẳng trú, chẳng phải chẳng trú là nhằm phá danh tự Bồ tát.

Nay nói chẳng có pháp có thể thuyết ra được (vô pháp khả thuyết), nhằm chỉ rõ rằng Bồ tát chẳng phải 5 âm, 5 âm chẳng phải Bồ tát, nơi Bồ tát chẳng có 5 âm, nơi 5 âm chẳng có Bồ tát, Bồ tát chẳng thuộc về 5 âm, 5 âm chẳng thuộc về Bồ tát, ly Bồ tát chẳng có 5 âm, ly 5 âm chẳng có Bồ tát

Như vậy, danh tự Bồ tát là không, là bất khả đắc. Dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy, đều là hư vọng, giống như cảnh tượng thấy trong mộng.

Tuy nhiên, chẳng nên nói là cảnh mộng, chẳng có pháp tướng. Vì sao? Vì 5 âm, 12 nhập, 18 giới cũng chỉ là hư vọng, là như huyễn, chỉ có ở nơi tâm, chỉ là cảnh mộng vậy. Do các giác quan của chúng sanh bị mê lầm, khiến chẳng biết được rằng hư không cùng hết thấy các pháp đều là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng). Do mê lầm mà chấp rằng hư không và sắc trái nhau, chấp hư không chẳng phải là sắc, chấp sắc chẳng phải là hư không, ..., dẫn đến chấp sắc tịnh xứ chẳng phải là hư không. Nên biết, nếu xét rốt ráo thì chẳng có một pháp nào riêng rẽ cả.

Tướng của các pháp tập tán cũng như tướng của hư không. Tướng của thân nghiệp tập tán cũng như tướng của hư không. Hết thấy các pháp tướng đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng). Mà đã là chẳng có tướng (vô tướng) thì ắt phải là chẳng có pháp (vô pháp).

Bởi vậy nên nói hư không chỉ là danh tự, Bồ tát chỉ là danh tự, hết thảy các pháp cũng chỉ là danh tự.

Hỏi: *Nói mộng và hư không chỉ là danh tự còn có thể chấp nhận được. Còn như địa, thủy, hỏa, phong v.v... là thật có, sao cũng nói các pháp ấy đều là danh tự.*

Đáp: Người vô trí nói địa, thủy, hỏa, phong... là thật có, nhưng các bậc Thánh biết rõ các pháp ấy chỉ là giả hợp, giả thi thiết. Ví như đứa trẻ thấy bóng mình trong gương cho là thật có, còn người lớn biết bóng là chẳng thật có. Lại ví như phàm phu dùng nhục nhãn thấy các hạt bụi nhỏ hòa hợp kết lại thành đất, còn các bậc Thánh biết rõ các hạt vi trần dù nhỏ đến đâu, cũng vẫn chia chẻ được, cũng chỉ là pháp hòa hợp. Cho nên nói vi trần cũng là bất khả đắc.

Lại nữa, nếu nói đất là thật có, thì vì sao người tu, khi quán lửa, thấy cảnh vật chung quanh mình toàn là lửa cả.

Phật dạy: Hết thảy các pháp đều là không, đều là hư vọng.

Nên biết 4 Đại đều là hư vọng thì nghiệp báo do thân 4 Đại hòa hợp tạo thành cũng là hư vọng, là như huyễn, dù khi trì tịnh giới trái với khi bị nghiệp dẫn. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều vốn là không, thì các nhân duyên để được thành đạo quả cũng là như vậy.

Bởi vậy nên biết rằng danh tự Bồ tát tuy là thiện pháp nhưng vì ở trong pháp không, nên cũng chẳng gọi là thiện pháp, vì cũng là không, nên là bất khả đắc.

Dẫn đến chẳng có pháp nào được gọi là Hữu, là Vô, là Tập, là Tán... Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là không, là bất khả đắc.

KINH:

Bạch Thế Tôn! Nếu tướng của các pháp là không, thì làm sao có pháp gọi là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến có pháp gọi là 18 bất cộng pháp được?

Bạch Thế Tôn! Ly không chẳng có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng có 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì 4 niệm xứ tức là không, và không tức là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp tức là không, và không tức là 18 bất cộng pháp.

Bởi vậy nên Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong 18 bất cộng pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì tướng của 6 Ba-la-mật là không. Ly không chẳng có 6 Ba-la-mật. 6 Ba-la-mật tức là không, và không tức là 6 Ba-la-mật.

Bởi vậy nên Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong 6 pháp Ba-la-mật.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Tuy ngài có thuyết mà chẳng có thuyết. Nhưng cũng vì hàng Bồ tát mà ngài thật có thuyết vậy.

Ngài Tu Bồ Đề đã dùng pháp môn “bất trú” để vì hàng Bồ tát thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Ngài nói thẳng rằng Bát nhã Ba-la-mật chỉ là danh tự. Thế nhưng phải tu quán tương ưng với Tập, Hiệp, Trú, Nhập, mới gọi là thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Người độn căn, thiếu trí chỉ chấp vào danh tự, ngữ ngôn,

mà chẳng sao thấu rõ được diệu lý của kinh. Đối với hạng người này phải nên dạy cho họ tu theo lối đọc tụng, thọ trì, chánh ức niệm, tư duy, trừ lượng, phân biệt, mới khiến họ phát tâm Vô thượng bồ đề.

Người sơ cơ phải tập quán các pháp rõ ràng như nhìn các vật dưới ánh sáng mặt trời. Do tiệt tu nên gọi là Tập. Khi đã cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng thì gọi là Hiệp. Khi đã tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật thì gọi là Trú. Khi đã tương ưng thông suốt rồi, mới nhập vào Bát nhã Ba-la-mật được, nên gọi là Nhập.

Được như vậy rồi mới có thể thuyết Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát nghe mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Lúc bấy giờ mới thật sự trú nơi bất thối chuyển địa. Vì sao? Vì chẳng còn trú nơi pháp mà trú nơi tánh không, nơi pháp không vậy.

Bồ tát dù chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa được Phật thọ ký, mà nếu đã được đầy đủ phước đức, trí huệ, thì cũng vào được rốt ráo không. Như vậy cũng được gọi là trú trong tánh bất thối chuyển, có được trí phần Bát nhã vậy. Ví như đứa bé sinh trong gia đình quyền quý, dù chưa thành sự nghiệp mà cũng đã được người khác tôn quý vậy.

KINH:

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong thức, chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong pháp, chẳng nên trú trong nhãn, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý, chẳng nên trú trong nhãn thức, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý thức, chẳng nên trú trong nhãn xúc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý xúc, chẳng nên trú

trong nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong ý xúc nhân duyên sanh thọ, chẳng nên trú trong địa, thủy, hỏa, phong, chẳng nên trú trong vô minh, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong lão tử.

Vì sao? Vì sắc và sắc tướng đều là không, ..., dẫn đến thức và thức tướng đều là không.

Bạch Thế Tôn! Sắc không thì chẳng thể gọi là sắc, mà ly không lại cũng chẳng có sắc. Vì sao? Vì sắc tức là không và không tức là sắc.

Thọ, tướng, hành, thức không, thì chẳng thể gọi là thọ, tướng, hành, thức đượ, mà ly không lại cũng chẳng có thọ, tướng, hành, thức. Vì sao? Vì thọ, tướng, hành, thức tức là không, và không cũng tức là thọ, tướng, hành, thức.

Dẫn đến lão tử và lão tử tướng đều là không. Lão tử không thì chẳng thể gọi là lão tử, mà ly không lại cũng chẳng có lão tử. Vì sao? Vì lão tử tức là không và không cũng tức là lão tử.

Bạch Thế Tôn! Bởi vậy nên Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong lão tử.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng đều là không, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp và 18 bất cộng pháp tướng đều là không.

Bạch Thế Tôn! 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là không thì chẳng nên phân biệt, chẳng nên thủ tướng.

Bồ tát phải thường hành, thường niệm, chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật mới gọi là học Bát nhã Ba-la-mật. Lại còn phải tu học các phương tiện quán, để biết rõ các pháp là thị hay là phi, là đắc hay là thất. Như vậy mới gọi là chánh tư duy. Bồ tát học và tư duy như vậy là cùng với tâm thiền định cộng hành, mới gọi là tu Bát nhã Ba-la-mật đạo.

Bồ tát học như vậy là chẳng phải trú, mà cũng chẳng phải chẳng trú. Đây chính là nghĩa “trú nơi bất trú” vậy

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói các pháp đều là không, là bất khả đắc rồi. Nay vì sao còn nói chẳng nên trú trong các pháp nữa?

Đáp: Trước đây nói về tâm khó trừ được pháp ái, nên nói các pháp đều là không, là bất khả đắc. Nay nói về vô tướng tam muội, nhằm đoạn trừ tận gốc pháp ái nên nói chẳng nên trú trong các pháp. Vì sao? Vì vào trong tam muội này thì chẳng còn chấp trước các pháp, mà cũng chẳng vào diệt định.

Bồ tát có trí huệ chẳng thể nghĩ bàn, nên dù chẳng có thủ hết thảy các pháp tướng mà vẫn hành Bồ tát đạo.

Ví như chim bay giữa hư không, chẳng y vào đâu cả mà vẫn bay vút lên không trung. Bồ tát cũng như vậy, chẳng trú nơi bất cứ một pháp nào mà vẫn hành đạo viên mãn.

Hỏi: Khi gặp duyên thì tâm khởi. Như vậy vì sao nói Bồ tát chẳng trú trong các pháp, mà cũng chẳng vào diệt định?

Đáp: Như lời ngài Tu Bồ Đề nói ở đoạn kinh trên đây: Sắc và sắc tướng đều là không. Sắc không thì chẳng thể gọi là sắc, mà ly không lại cũng chẳng có sắc. Sắc tức là không, và không cũng tức là sắc v.v...

Bởi vậy nên Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng trú trong sắc, ..., dẫn đến chẳng trú trong Bát nhã Ba-la-mật, vì hết thấy các pháp đều là không, là vô sở trú vậy.

-o0o-

KINH:

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong nhất tự môn, trong nhị tự môn, ..., dẫn đến chẳng nên trú trong vô lượng tự môn. Vì sao? Vì danh tự là tự tướng không. Ly không chẳng có danh tự. Danh tự tức là không, và không tức là danh tự.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên trú trong các thần thông. Vì sao? Vì thần thông là tự tướng không. Ly không chẳng có thần thông. Thần thông tức là không, và không tức là thần thông.

LUẬN:

Có hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát tu tập thiền định.
- Hạng Bồ tát đọc tụng kinh điển.

Có Bồ tát do đọc tụng kinh điển mà sanh được các thần thông, vào được các tự môn

-o0o-

Có tự môn gồm 1 tự (nhất tự môn), có tự môn gồm 2 tự (nhị tự môn), ..., dẫn đến có tự môn gồm vô lượng tự (vô lượng tự môn).

Ví dụ như: - Phù, có nghĩa là đất, thuộc về nhất tự môn.

- Xà Lam, có nghĩa là nước, thuộc về nhị tự môn.

Khi Bồ tát nghe được một tự môn, thì liền vào ngay được trong thật tướng pháp.

Ví dụ như: Nghe tự môn “A” là liền biết hết thấy các pháp vốn là vô sanh.

Nghe tự môn “Đầu-khu” là liền biết hết thấy các pháp đều là khổ. Do vậy mà liền sanh tâm đại bi.

Nghe tự môn “A-na-tra” là liền biết hết thấy các pháp đều là vô tướng. Do vậy mà liền vào được Thánh đạo.

-oOo-

Bồ tát vào được các đà la ni môn, đắc các thân thông mà chẳng có trú trong các pháp ấy. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là rốt ráo không vậy.

KINH:

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ sắc là vô thường, là khổ, là vô ngã, là tịch diệt chẳng nên trú, ..., dẫn đến biết rõ thức là vô thường, là khổ, là vô ngã, là tịch diệt chẳng nên trú. Vì sao? Vì vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt đều là không. Ly không chẳng có vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt. Vì vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt tức là không, và không tức là vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ như như tướng là không, chẳng nên trú. Ly không chẳng có như như tướng. Vì như như tướng tức là không, và không tức là như như tướng.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế đều là không, chẳng nên trú. Ly không chẳng có pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Vì pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế tức là không, và không tức là pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ các đà la ni và các tam muội đều là không, chẳng nên trú. Ly không chẳng có các đà la ni và các tam muội. Vì đà la ni và tam muội tức là không, và không tức là đà la ni và tam muội.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có các lực phương tiện thì ở nơi sắc mà khởi tâm chấp ngã, dùng tâm chấp ngã mà trú trong sắc. Dẫn đến ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà khởi tâm chấp ngã, dùng tâm chấp ngã mà trú trong thọ, tưởng, hành, thức. Do tâm chấp ngã này mà Bồ tát còn thấy có hành sắc, ..., dẫn đến còn thấy có hành thức. Bởi vậy nên thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, khiến chẳng có thể thành tựu được tâm Tát bà nhã vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có các lực phương tiện thì ở nơi 12 nhập, 18 giới, ..., dẫn đến ở nơi các đà la ni và các tam muội, vẫn còn trú trong đó. Cho nên thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, khiến chẳng có thể thành tựu được tâm Tát bà nhã vậy.

Vì sao? Vì sắc chẳng thể thọ; thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể thọ. Sắc chẳng thể thọ, thì chẳng phải là sắc;

thọ, tướng, hành, thức chẳng thể thọ, thì chẳng phải là thọ, tướng, hành, thức. Tất cả 5 ấm đều là tánh không cả. Dẫn đến 12 nhập, 18 giới ..., các đà la ni, các tam muội đều chẳng thể thọ, vì đều là tánh không cả.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thọ.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thọ, cũng chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật, vì là tánh không vậy.

Bởi vậy Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật phải quán các pháp là tánh không, quán tâm chẳng có hành xứ. Quán như vậy là chẳng thọ tam muội, có dụng quảng đại nên các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có thể sánh kịp.

Lại nữa, do câu Nhất thiết chủng trí nên Bồ tát cũng chẳng thọ nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thị không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Vì sao? Vì chẳng có thể dùng các hành tướng để được Nhất thiết chủng trí. Lý do là hết thấy các hành tướng đều là cấu tướng cả. Những gì gọi là cấu tướng? Sắc tướng, ..., dẫn đến đà la ni tướng, tam muội tướng cũng đều là cấu tướng cả.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật phải tu thoát ly các cấu tướng mới được Nhất thiết chủng trí.

LUẬN:

Trước đây đã có nói rằng vô thường, khô, không, vô ngã... đều là Thánh hạnh, đều là như pháp tánh thật tế.

Hỏi: *Nói chẳng nên trú trong các cấu pháp thì còn chấp nhận được. Nay vì sao lại nói chẳng nên trú trong các thiện pháp và vô ký pháp?*

Đáp: Các thiện pháp và vô ký pháp, tuy chẳng phải là tội cấu, nhưng cũng là nhân duyên dẫn sanh ra các tội cấu vậy.

Phật dạy rằng: Nếu thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn trú trong 5 ám cũng dẫn sanh các nghiệp tội. Vì sao? Vì nếu thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn trú trong 5 ám là vẫn còn chấp ngã, chấp pháp. Do vậy mà chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật. Tuy có thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà thật sự chỉ là hành pháp thế gian. Do chẳng hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng có thể được nhất thiết trí, chẳng thành tựu được các đà la ni tam muội.

Ngài Tu Bồ Đề nói rõ về các nhân duyên vì sao chẳng nên trú sắc, chẳng nên thọ sắc. Sắc là tánh không nên chẳng thể trú, chẳng thể thọ vậy.

Hỏi: *Trước đây nói vô thường, khổ, không, vô ngã là tội lỗi, chẳng nên thọ. Còn 5 ám pháp có lỗi gì đâu mà cũng chẳng nên thọ?*

Đáp: Nên phân biệt có 2 chấp. Đó là:

- Dục chấp.
- Kiến chấp.

Có người do quán vô thường mà phá được dục chấp, khiến được giải thoát.

Có người tuy quán vô thường mà vẫn còn chấp pháp, khiến vẫn còn sanh kiến chấp. Nếu người ấy biết rõ 5 ám cùng hết thảy các pháp đều là tánh không, chẳng nên thọ, thì sẽ ly được các kiến chấp, dần dần sẽ vào được các đà la ni tam muội.

Hỏi: *Thanh Văn và Bích Chi Phật do chẳng thọ hết thấy pháp mà được lậu tận. Nay vì sao nói Bồ tát chẳng thọ tam muội, khiến hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể sánh kịp?*

Đáp: Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật do chẳng thọ hết thấy pháp mà được lậu tận.

Bồ tát từ trước đến nay đã biết rõ hết thấy pháp đều chẳng thể thọ, biết rõ Vô dư Niết Bàn là rốt ráo không, nên chẳng đồng với hàng Nhị thừa vậy.

Lại nữa, Bồ tát chẳng thọ tam muội mà có dụng quảng đại, nên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể sánh kịp.

-o0o-

Hàng Nhị thừa tuy cũng chẳng thọ tam muội, nhưng vẫn chưa được rốt ráo thanh tịnh, vì còn có chướng ngại.

Ví như ngài Ma Ha Ca Diếp khi nghe các thần Càn Thát Bà thổi nhạc cúng dường Phật, mà thân ngài chẳng được an ổn.

Có vị Bồ tát hỏi: Ngài là bậc tu hạnh Đầu đà đệ nhất, sao nghe tiếng nhạc mà thân ngài chẳng được an?

Ngài Ma Ha Ca Diếp đáp: Tôi đã xa lìa các dục lạc ở cõi trời và cõi người, khiến tâm tôi chẳng còn lay động nữa. Thế nhưng tôi chưa có được đầy đủ các phước đức nhân duyên của hàng đại Bồ tát. Ví như núi Tu di kham nhẫn được gió lớn từ bốn bên thổi đến. Nhưng trước sức mạnh vô song của gió Tỳ lam thì chẳng thể an ổn được.

Mẫu chuyện trên đây cho thấy rằng hàng Nhị thừa, tuy đã dứt sạch phiền não, đã được lậu tận mà vẫn còn lưu dư tập khí, khiến ở nơi Bồ tát đạo vẫn còn sanh vi tế phiền não.

Phật chẳng thọ tam muội, thành bậc Chánh Biến Tri. Bồ tát cầu Phật đạo, dù chưa được Chánh Biến Tri, nhưng cũng đã thắng hơn hàng Nhị thừa.

Ngài Tu Bồ Đề nói rằng Bồ tát chẳng phải chỉ chẳng thọ tam muội, mà từ sắc dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng thọ cả. Vì sao? Vì ngài Tu Bồ Đề nói nhân duyên chẳng thọ 18 không, nên chẳng thọ hết thảy các pháp.

Hỏi: *Vì sao dùng 18 không để quán hết thảy các pháp tướng đều là không?*

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề nói rằng do nhân duyên chấp tướng mà khởi sanh các phiền não, kiết sử. Ngài lại nói thêm rằng hết thảy các tướng, từ tướng của sắc dẫn đến tướng của các đà la ni tam muội đều là cấu tướng cả.

Phải ly hết thảy các tướng mới được Nhất thiết chủng trí. Cho nên Bồ tát phải chẳng thọ bất cứ một pháp nào, mới vào được Bát nhã Ba-la-mật, mới được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, mới được Nhất thiết chủng trí vậy.

KINH:

Bạch Thế Tôn! Nếu tu tập các cấu tướng mà có thể được Nhất thiết chủng trí, thì tiên ni Phạm chí ắt chẳng có sanh tín tâm. Vì sao? Vì nếu tin là tin Bát nhã Ba-la-mật. Phải ở nơi Bát nhã Ba-la-mật mà phân biệt, giải tri, xứng lượng, tư duy; lại chẳng dùng tướng pháp mà cũng chẳng dùng vô tướng pháp.

Như vậy là tiên ni Phạm chí chẳng thủ chấp, chẳng thủ tướng, vì ở nơi tín hành, ông đã dùng “tín trí không” để nhập vào các pháp tướng, mà chẳng trú trong các pháp tướng, chẳng trú trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì ông đã biết rõ hết thảy các pháp đều là tự

tướng không, chẳng có thể thọ. Tiên ni Phạm chí chẳng phải do quán nội không, mà được trí huệ. Vì sao? Vì trí huệ chẳng phải do nội quán, cũng chẳng do ngoại quán, mà có được.

Lại nữa, thấy là trí huệ. Chẳng phải người vô trí mà thấy được. Vì sao gọi thấy là trí huệ? Vì tiên ni Phạm chí chẳng trú nơi các pháp tướng, mà chỉ dùng trí huệ để thấy biết hành xử của các pháp.

Đã là trí huệ, thì chẳng phải trú trong nội sắc mà thấy được, ..., dẫn đến chẳng phải trú trong nội thức mà thấy được; chẳng phải trú trong ngoại sắc mà thấy được, ..., dẫn đến chẳng phải trú trong ngoại thức mà thấy được; chẳng phải ly sắc mà thấy được, ..., dẫn đến chẳng phải ly thức mà thấy được.

Vì sao? Vì tiên ni Phạm chí biết rõ nội pháp, ngoại pháp đều là không. Do vậy mà được tâm tín giải. Lại do cầu nhất thiết trí, nên tiên ni Phạm chí tin thật tướng pháp, biết rõ hết thấy các pháp đều là bất khả đắc.

Được tín giải như vậy, nên tiên ni Phạm chí chẳng thọ hết thấy pháp; lại biết rõ hết thấy pháp đều là vô tướng, nên chẳng sanh ức niệm. Tiên ni Phạm chí, ở nơi hết thấy pháp, được vô sở đắc, dù thủ, dù xả, cũng đều vô sở đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên tiên ni Phạm chí chẳng niệm trí huệ. Vì sao? Vì pháp tướng là chẳng có tướng (vô tướng), nên là chẳng có niệm (vô niệm) vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy có 2 bờ mê, giác. Cho nên, chẳng thọ hết thấy pháp; chẳng thọ 5 ấm, ..., dẫn đến chẳng thọ các đà la ni tam muội. Bồ tát cũng chẳng chấp Niết Bàn, chẳng thủ 4

niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng thủ 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì 4 niệm xứ chẳng phải là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng chẳng phải là 18 bất cộng pháp. Hết thấy các pháp là chẳng phải pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp) vậy.

Bởi vậy nên, Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thọ sắc, ..., dẫn đến chẳng thọ 18 bất cộng pháp.

LUẬN:

Hỏi: *Vì nhân duyên gì mà ngài Tu Bồ Đề nhắc đến tiên ni Phạm chí?*

Đáp: Do nhân duyên thuyết pháp không, nên ngài Tu Bồ Đề nói rằng Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ pháp tướng dẫn đến chẳng có vi tế tướng để thủ.

Vì lý vô tướng khó tin, khó biết, khó giải, khiến người nghe dễ sanh tâm nghi, nên ngài Tu Bồ Đề nêu trường hợp tiên ni Phạm chí, nhằm dẫn chứng rằng hàng Tiểu thừa còn tin pháp không, huống nữa là Đại thừa.

-o0o-

Trong kinh có nêu mẩu chuyện sau đây:

Khi Phật Thích Ca Mưu Ni còn đang hành đạo Bồ tát, có một vị đạo sĩ Bà-la-môn thấy tướng mạo uy nghiêm, giải thoát của Bồ tát, liền tiên đoán rằng Bồ tát không lâu nữa sẽ thành Phật.

Tiên ni Phạm chí là cậu của vị Bà-la-môn này:

Vị đạo sĩ Bà-la-môn này là một bậc trưởng lão, trí cao, đức trọng, trong dòng họ Phạm chí. Khi chưa xuất gia, ông rất có danh vọng. Khi xuất gia rồi, ông thâm cứu nhiều kinh thư, tu

tâm, tọa thiền. Trong khi học đạo, vì muốn cầu trí huệ, nên ông tìm đến luận nghị đường Phạm chí, để luận nghị với các luận sư.

Ông hỏi các vị luận sư rằng: Quý vị tự xưng là nhất thiết trí, mà chẳng bằng được ngài Ca Diếp, một vị đại sư đáng được tôn xưng.

Quý vị cũng tự xưng là đại sư, mà khi có đệ tử lớn hay nhỏ của quý vị chết, quý vị chẳng có thể nói lên được chỗ sanh xứ của họ ở đời sau. Phật mới là bậc đại sư, tối tôn, tối trọng. Khi có một đệ tử lớn hay nhỏ của Phật chết, thì Phật đều biết chỗ sanh xứ của họ ở đời sau.

Tiên ni Phạm chí vừa nghe vị Bà-la-môn nói như vậy, liền tìm đến chỗ Phật, đánh lễ, rồi ngồi sang một bên.

Tiên ni Phạm chí hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Trước đây ở luận nghị đường Phạm chí, tôi có được nghe nói rằng các đệ tử nhỏ của Phật vẫn còn sanh; còn các đệ tử lớn của Phật chẳng còn sanh nữa. Pháp ấy như thế nào?”

Phật dạy: “Pháp của ta thậm thâm, vi diệu, các ông thật khó biết, khó giải. Vì sao? Vì các ông chìm đắm trong mê dãi của các chấp kiên cố. Các ông chấp dục, chấp pháp, nên khó có thể thấy, khó có thể giải được pháp của ta”.

Tiên ni Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Tôi tin Phật. Cúi xin Phật vì tôi thuyết pháp, khiến tôi được sanh pháp nhãn nay ở nơi đây.”

Phật hỏi: “Ý ông nghĩ sao? Ông có thấy sắc như khú chãng?”

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật hỏi: “Ông có thấy thọ, tưởng, hành, thức như khú chãng?”.

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật hỏi: “Ông có thấy ly sắc như khứ chẳng?”

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật hỏi: “Ông có thấy ly thọ, tướng, hành, thức như khứ chẳng?”

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật hỏi: “Ông có thấy vô sắc, vô thọ, vô tướng, vô hành, vô thức như khứ chẳng?”.

Tiên ni Phạm chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy”.

Phật dạy: “Tất cả các điều mà ta vừa hỏi, ông đều trả lời là chẳng thấy như khứ. Như vậy, ông còn nghi gì mà hỏi ta như vậy?”.

Rồi Phật bảo tiên ni Phạm chí rằng: “Nếu đệ tử của ta, ở nơi pháp chẳng biết rõ ràng, mà nói có đời sau, nói có chỗ sanh xứ, thì đó là ngã mạn, là có tàn dư vậy. Nếu đệ tử của ta giải biết rõ ràng về nghĩa ấy, mà chẳng nói đến chỗ sanh xứ, mới thật là không có ngã mạn, không có tàn dư vậy”.

Vị tiên ni Phạm chí nghe xong thời pháp, liền được đạo nhãn. Ông từ chỗ ngồi đứng dậy thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nguyện xin được xuất gia theo Phật”.

Tức thời râu tóc đều rụng, và ông liền trở thành một vị Sa môn. Chẳng bao lâu sau, ông đắc quả vị A-la-hán.

-o0o-

Mẫu chuyện trên đây cho thấy rằng vị tiên ni Phạm chí, do tin lời Phật là không luống dối, mà được đạo nhãn. Bởi vậy nên trong kinh nói rằng tiên ni Phạm chí tin Phật, mà được đạo. Đây chỉ là sơ tín mà thôi.

Về sau, tiên ni Phạm chí nghe Phật thuyết pháp, mà phá được ngã chấp, biết rõ bản lai thường là vô ngã, nên chẳng có chỗ sở y, đều là như mộng, là như huyễn, là hư dối, là chẳng thật có, là bất khả đắc cả. Nếu đã tin có tín lực như vậy, thì vào được nơi thật tướng pháp, nên chẳng còn thọ sắc, ..., dẫn đến chẳng còn thọ thức. Vì sao? Vì biết rõ sắc, ..., dẫn đến thức cũng đều như khứ cả.

Hỏi: *Như vậy, vì sao khi nghe Phật hỏi về 5 âm như khứ, tiên ni Phạm chí đều trả lời Phật bằng câu “Chẳng phải vậy.”?*

Đáp: Tiên ni Phạm chí lấy tổng tướng của 5 âm là ngã. Nay Phật hỏi riêng về từng âm, nên ông đều trả lời “chẳng phải vậy”.

Tiên ni Phạm chí nghe nói về ngã có 2 thuyết:

- Thuyết chấp 5 âm làm ngã.
- Thuyết chấp ngoài 5 âm, riêng có ngã.

Nếu chấp 5 âm là ngã, thì ly 5 âm chẳng riêng có ngã được. Vì sao? Vì ngã chỉ là 1, mà 5 âm là 5. Như vậy 1 chẳng phải là 5, và ngược lại 5 chẳng phải là 1. Lại nữa 5 âm là vô thường, là tướng sanh diệt; nên ngã cũng phải là vô thường, là sanh diệt. Nếu ngã là sanh diệt, thì chẳng có tội phước. Lại nữa, nếu 5 âm theo duyên hòa hợp sanh, thì 5 âm chẳng có tự tại; như vậy ngã cũng chẳng có tự tại.

Vì những lỗi lầm nêu trên đây, nên tiên ni Phạm chí mới nghĩ rằng sắc, thọ, tướng hành, thức chẳng phải như khứ.

Thế nhưng, ly 5 âm cũng chẳng có ngã được. Vì sao? Vì ngã chẳng có tướng, là vô tướng vậy.

Ngoài ra nếu nói tri kiến là do thọ, tướng, hành, thức, thì đó chỉ là tướng của các âm này, chẳng phải là tướng của ngã.

Người trí làm sao nói ly 5 âm, mà riêng có ngã được?

Bởi vậy nên tiên ni Phạm chí trả lời Phật bằng một câu: “Chẳng phải vậy”.

-o0o-

Nếu chấp ngoài 5 âm, riêng có ngã, thì cũng chẳng có thể được. Vì sao? Vì đây cũng chỉ do ngã kiến mà có khởi các chấp phân biệt đó thôi.

-o0o-

Nói tóm lại, 5 âm chẳng phải là ngã, mà ngoài 5 âm ra, cũng chẳng riêng có ngã vậy.

-o0o-

Nên biết rằng 5 âm do duyên hòa hợp sanh, thì ngã cũng chẳng phải là ngã, cũng chỉ là vô ngã vậy.

Ngã chẳng có chủ tác, chẳng có chỗ sở y, nên ngã là như khứ. Hết thảy các pháp cũng đều là như vậy, cũng đều là như khứ cả.

Sở dĩ tiên ni Phạm chí được đạo, được trí huệ, vì ông biết rằng; dù cầu ngã khắp 4 phương, thì ngã cũng chẳng có định tướng, cũng chỉ là bất khả đắc.

Nên biết, quán 5 âm ở tự thân là quán nội, quán tha thân là quán ngoại. Cả nội lẫn ngoại đều là bất khả đắc, dẫn đến trí huệ cũng là bất khả đắc.

Nói nội là nói về 6 nội trần, nói ngoại là nói về 6 ngoại trần.

Quán nội là quán trí huệ, quán ngoại là quán về xứ sở.

Tiên ni Phạm chí biết rõ tất cả các quán đều là lầm lỗi. Vì sao? Vì ông biết rõ nhờ có lực trí huệ bên trong, mà phân biệt được các pháp ở bên ngoài là thường, là vô thường, là hữu vi, là vô vi...

Như vậy là các ngoại pháp đều chẳng có định tướng. Vì sao? Vì nếu có định tướng, thì định tướng ấy chẳng phải là dụng của trí huệ được.

Lại nữa, nếu nói các ngoại pháp do duyên hòa hợp sanh, chẳng có định tướng, thì trí huệ cũng chẳng có định tướng. Vì sao? Vì khi ta nói có vật này vật nọ, là ta đã dựng lập 2 pháp tương đãi là danh và vật. Ly vật chẳng có danh vậy.

Lại nữa, thật trí huệ, theo đúng nghĩa là chẳng thấy 5 ấm ở trong, chẳng thấy 5 ấm ở ngoài, chẳng thấy 5 ấm ở chặng giữa.

Dùng các phương tiện trí huệ để quán 5 ấm sẽ thấy 5 ấm chỉ do duyên hòa hợp mà có nên chỉ là hư vọng, chẳng thật có. Thế nhưng, nếu chấp quán đó là tà kiến, chẳng chấp mới thật là được đạo.

Lại nữa, dù cho tướng vô thường là thật, thì chấp tướng đó cũng chẳng vào được đạo. Vì sao? Vì trí huệ quyết định là chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa. Cho nên nói trí huệ là vô sở đắc, mà ly trí huệ cũng là vô sở đắc.

Tiên ni Phạm chí nhờ trí huệ mà ở nơi hết thấy pháp được viễn ly, khiến các tà kiến đều tiêu diệt. Chẳng phải người vô trí mà được như vậy.

Lúc ấy giờ, ông hoan hỷ quán pháp tướng là vô tướng, và tán thán Phật là bậc đại Thánh sư, thấy rõ thật tướng pháp là rốt ráo không, là vô sở đắc nên chẳng thọ, lại thấy rõ hết thấy kiết sử phiền não đều là hư vọng điên đảo nên chẳng thọ.

Trên đây chính là nghĩa chẳng thọ, chẳng xả (bất thọ, bất xả) vậy.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật phải chẳng thọ, mà cũng chẳng xả mới vào được Bát nhã Ba-la-mật, mới được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

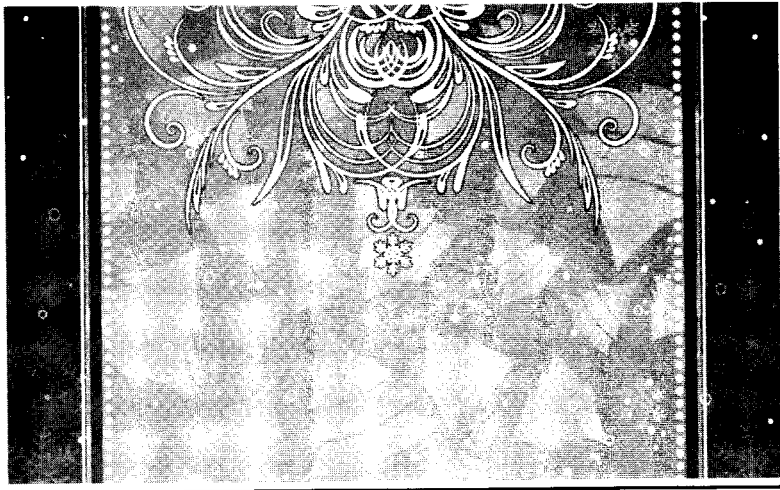
Vì sao? Vì tướng thế gian và tướng Niết Bàn là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Thế gian và Niết Bàn chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng).

Cứ như vậy mà tu hành, thì sẽ diệt được hết thấy các chấp tướng. Thế nhưng, nếu chưa có được đầy đủ công đức thì chưa nên diệt sạch các chấp tướng. Vì sao? Vì còn phải cần dùng đến các pháp tướng để hành đạo; còn phải lấy các pháp tướng để làm phương tiện hành đại từ đại bi.

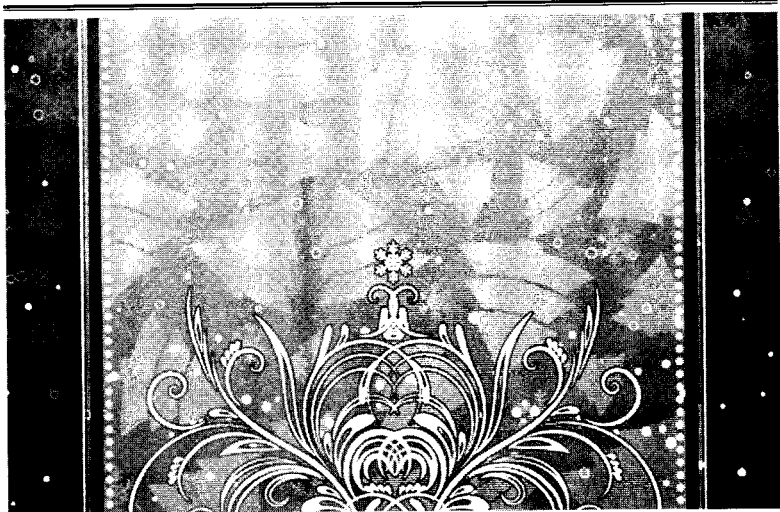
Bồ tát cầu Phật đạo vẫn ở trong các pháp tướng mà vẫn biết rõ các pháp tướng đều là vô tướng. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng thấy một pháp nào có định tướng cả, chẳng thấy có tướng xấu, có tướng tốt, ..., dẫn đến chẳng thấy có tướng thọ, có tướng xả.

Bởi nhân duyên vậy, nên trong kinh nói: Pháp chẳng phải là pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp).

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên ở nơi hết thấy các tướng đều chẳng thọ.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 43



Phẩm Thứ Chín (TIẾP THEO)



Tập Tán
(Họp và Tan, tiếp theo)

KINH:

Bạch Thế Tôn! Muốn thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải tư duy rằng:

- Pháp gì gọi là Bát nhã Ba-la-mật?
- Vì sao gọi là Bát nhã Ba-la-mật?
- Ai vào được Bát nhã Ba-la-mật?

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải niệm rằng các pháp đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc.

Như vậy mới gọi là thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề:

Pháp gì là pháp vô sở hữu, là bất khả đắc?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bát nhã Ba-la-mật là pháp vô sở hữu, bất khả đắc. Thiên na Ba-la-mật, Tỳ lê gia Ba-la-mật, Săn đề Ba-la-mật, Thi la Ba-la-mật, Đàn Ba-la-mật đều là những pháp vô sở hữu, bất khả đắc. Vì sao? Vì là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thủ không, tán không,

tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc là pháp vô sở hữu, bất khả đắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là pháp vô sở hữu, bất khả đắc.

Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, các thần thông, ..., dẫn đến pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế cũng đều là vô sở hữu, bất khả đắc.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Phật cũng là vô sở hữu, bất khả đắc; Tát bà nhã, Nhất thiết chủng trí cũng đều là vô sở hữu, bất khả đắc.

Vì sao? Vì đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có Bồ tát nào tư duy như vậy, quán như vậy, mà tâm chẳng bị trầm một, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết Bồ tát đó trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Do nhân duyên gì mà Bồ tát trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc ly sắc tánh, ..., dẫn đến thức ly thức tánh, 6 Ba-la-mật ly 6 Ba-la-mật tánh, ..., dẫn đến thật tế ly thật tế tánh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là sắc tánh, ..., dẫn đến thế nào là thật tế tánh?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vô sở hữu là tánh của sắc, ..., dẫn đến vô sở hữu là tánh của thật tế.

Bởi vậy nên nói sắc ly sắc tánh, dẫn đến thật tế ly thật tế tánh.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Sắc cũng ly sắc tướng, ..., dẫn đến thật tế cũng ly thật tế tướng.

Lại nữa, tướng cũng ly tướng, tánh cũng ly tánh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bồ tát học như vậy mà thành tựu được tâm Tát bà nhã chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu Bồ tát học như vậy là thành tựu được tâm Tát bà nhã. Vì sao? Vì các pháp đều là chẳng sanh, chẳng thành tựu vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Do nhân duyên gì mà nói các pháp chẳng sanh, chẳng thành tựu?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì sắc là không, nên sắc sanh và sắc thành tựu, ..., dẫn đến thật tế sanh và thật tế thành tựu đều bất khả đắc.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát học như vậy dần dần sẽ được gần Nhất thiết chủng trí, được tâm thanh tịnh, được tướng thanh tịnh. Do được thân, tâm, và tướng thanh tịnh nên Bồ tát chẳng còn sanh các nhiễm tâm tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, vĩnh viễn chẳng còn thọ nghiệp báo sanh thân, mà thường được hóa sanh Bồ tát, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác để thành tựu chúng sanh tịnh Phật quốc độ, trọn chẳng ly các đức Phật, mãi cho đến khi được Vô thượng Bồ đề.

Bồ tát phải học và phải hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã rộng nói về Bát nhã Ba-la-mật rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại nói Bồ tát phải tư duy khi hành

Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Trước đây ngài Tu Bồ Đề chỉ khiêm tốn nói về “Bát trú môn”, nay ngài nói rộng thêm về Bát nhã Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng của hết thấy pháp, chẳng thể phá, chẳng thể hoại được.

Dù có Phật, hay không có Phật thì pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế vẫn thường trú. Hàng Nhị thừa cũng chẳng có thể thấu rõ được, huống nữa là chúng sanh. Vì sao? Vì nếu còn chấp thường, còn chấp đoạn là còn chấp một bên. Phải ly cả hai bên mới là Trung Đạo, mới là Bát nhã Ba-la-mật. Nếu chấp thường, chấp vô thường, chấp khổ, chấp lạc... thì cũng còn chấp một bên.

Lại nữa, nếu chấp có pháp sắc đối đãi với pháp vô sắc, chấp có pháp hữu lậu đối đãi với pháp vô lậu, chấp có pháp hữu vi đối đãi với vô vi, chấp có pháp thấy được đối đãi với pháp không thấy được, chấp có pháp thế gian đối đãi với pháp xuất thế gian v.v... là còn chấp có hai bên đối đãi.

Phải ly cả hai bên, mới là Trung đạo, mới là Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu còn chấp có 6 căn ở một bên, 6 thức ở một bên... là còn chấp một bên. Phải ly cả hai bên mới là Trung đạo, mới là Bát nhã Ba-la-mật, nếu còn chấp có Bát nhã Ba-la-mật ở một bên, phi Bát nhã Ba-la-mật ở một bên là còn chấp 1 bên. Phải ly cả hai bên mới là Trung đạo, mới là Bát nhã Ba-la-mật.

Được như vậy mới là bình đẳng cả hai môn. Bồ tát ở nơi tánh bình đẳng đó mà rộng nói Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, ly hữu, ly phi hữu, ly vô, ly phi vô, mà chẳng đọa ngu si, thường tu thiện đạo, mới là thật hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát tu học như vậy nên vào được 3 giải pháp môn, xa lìa hai bên, nhập vào Trung đạo. Đây chỉ mới là Bát nhã Ba-la-mật tướng.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại nói: Các pháp đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Bồ tát phải quán hết thấy pháp đều là không, là vô sở hữu, là bất khả đắc, quán các pháp dù là thường, là vô thường... đều chẳng có định tướng nên đều là bất khả đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói: Bát nhã Ba-la-mật cùng năm Ba-la-mật kia cũng đều là vô sở hữu, là bất khả đắc cả.

Ví như gió mạnh phá mây mù, lửa lớn tiêu hủy các cây cỏ, bão tố phá các rừng cây v.v... cũng như vậy, 18 pháp “không” phá sạch hết các chấp về pháp tướng.

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là gì?*

Đáp: Trong hết thấy trí huệ thì Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ đệ nhất, vô đẳng đẳng, chẳng có gì sánh kịp. Như trong hết thấy các chúng sanh thì Phật là đệ nhất, trong hết thấy các pháp thì Niết Bàn là đệ nhất, trong hết thấy các chúng thì chúng Tỷ-kheo là đệ nhất.

Hỏi: *Trước đây nói thật tướng các pháp là Bát nhã Ba-la-mật. Dù có Phật hay không có Phật, thật tướng pháp vẫn thường trú. Nay vì sao lại nói trong hết thấy trí huệ thì Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ đệ nhất?*

Đáp: Thế gian thường chấp có nhân, có quả.

Ví như nói bức tranh đẹp ấy do một họa sĩ nổi danh vẽ, thì bức tranh là quả, công trình của nhà họa sĩ sáng tác ra bức

tranh là nhân. Ví như nói do quán thật tướng pháp mà được trí huệ Bát nhã, thì thật tướng pháp là nhân, trí huệ Bát nhã là quả.

-o0o-

Bồ tát khi đã vào trong pháp môn “bất nhị” rồi, đã đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn phân biệt nhân quả nữa.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp tướng đều chỉ là một tướng (nhất tướng) đều chẳng có tướng (vô tướng).

Về trí huệ, trong kinh phân biệt có 3 là:

- Thế gian trí.
- Ly sanh trí.
- Xuất thế gian trí.

Chư Phật và chư đại Bồ tát có trí huệ Bát nhã, rốt ráo thù thắng, rốt ráo thanh tịnh, lại có tâm đại bi, thường làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Hàng Nhị thừa đã lậu tận, cũng có trí huệ thanh tịnh, nhưng chưa có đầy đủ đại bi, nên chưa làm đầy đủ các việc lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, cũng nên biết:

- Nếu dùng trí huệ độ hết thảy chúng sanh thì đó là thật hành Phật đạo.

- Nếu dùng trí huệ tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, khởi ra các nghiệp ở thân, khẩu, ý mà vẫn biết rõ tâm sanh, trú, diệt vẫn chẳng chấp thủ các pháp tướng thì đó là Bát nhã Ba-la-mật.

Nhờ có niệm thanh tịnh mà định được tâm, thì gọi là được Thiền Ba-la-mật v.v...

Hỏi: Ai vào được Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Theo đệ nhất nghĩa thì người nào chẳng còn bị các tri kiến trói buộc là người biết rõ hết thấy pháp đều là không. Do vậy mà chẳng còn sanh tâm tương tục nữa.

Nên biết trong Phật pháp có nói đến 2 đế. Đó là:

- Thế tục đế.
- Đệ nhất nghĩa đế.

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phương tiện dùng thế tục đế, nhằm độ chúng sanh ra khỏi tội lỗi. Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa đế quá cao siêu, phàm phu khó có thể hiểu được nên chẳng ưa thích. Ví như con giòi thường sống ở những nơi bất tịnh, chẳng ưa thích những chốn sạch sẽ tinh khiết vậy.

Phàm phu khi tu được ly dục vẫn còn chấp ngã, còn chấp pháp ly dục, nên chẳng có ưa thích Bát nhã Ba-la-mật. Hàng Thanh Văn Nhị thừa, tuy có ưa thích Bát nhã Ba-la-mật nhưng tâm từ bi chưa được đầy đủ nên sanh nhàm chán thế gian, ưa thích trú trong Niết Bàn. Do vậy mà chưa được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

-oOo-

Khi Bồ tát đã thành Phật, thì trí huệ Bát nhã mới được gọi là Nhất thiết chủng trí. Vì vậy, trí huệ Bát nhã của Phật là vô thượng. Bồ tát cùng Thanh Văn chẳng sao sánh kịp.

Hỏi: Trong kinh thường thuyết về 5 âm, rồi sau mới

thuyết đến Nhất thiết chủng trí. Nay vì sao lại nói về 6 pháp Ba-la-mật trước?

Đáp: Trước đây ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề về nghĩa vô sở hữu. Vì nghĩa ấy khó có thể giải ngay được, nên ngài Tu Bồ Đề phải nói về nhân duyên 5 âm, nhằm giải nghĩa vô sở hữu.

Nay ở trong chúng hội, ngài Tu Bồ Đề dùng nghĩa Bát nhã Ba la mật để giải nghĩa vô sở hữu. Giải như vậy được rất ráo hơn. Vì sao? Vì Bát nhã là vô sở hữu. Dùng Bát nhã để giải nghĩa vô sở hữu cũng giống như hình ảnh của mặt trăng in trên mặt nước, để biết rõ mặt trăng ở trên trời vậy.

Bồ tát nào trú nơi Bát nhã Ba la mật, quán thật tướng của các pháp, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết rõ Bồ tát đó đã thường hành Bát nhã Ba la mật, thường chẳng ly Bát nhã Ba la mật vậy.

Nơi đây ngài Tu Bồ Đề nói về các nhân duyên chẳng ly Bát nhã Ba la mật. Đó là: Sắc ly sắc tánh..., dẫn đến thật tế ly thật tế tánh, sắc ly sắc tướng..., dẫn đến thật tế ly thật tế tướng, tướng cũng ly tướng, tánh cũng ly tánh. Bồ tát tu hành như vậy sẽ được vô ngại đạo, dẫn đến thành tựu được tâm Tát bà nhã. Nơi đây là chỗ mà các pháp chẳng sanh, chẳng thành tựu.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Do nhân duyên gì mà các pháp chẳng sanh, chẳng thành tựu?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc và sắc tướng đều không, nên sắc chẳng sanh, chẳng thành tựu..., dẫn đến thật tế cũng chẳng sanh, chẳng thành tựu. Vì sanh và thành tựu đều là bất khả đắc cả.

Nếu Bồ tát được đệ nhất thanh tịnh như vậy thì chẳng ai sánh kịp, dần dần sẽ được gần Nhất thiết chủng trí. Vì gần được Nhất thiết chủng trí nên tâm chẳng còn bị trầm một, chẳng còn sanh các tà kiến, các kiết sử phiền não.

Lúc bấy giờ, Bồ tát được thân tâm thanh tịnh, được quả báo thanh tịnh, lại phá được các chấp tướng hư vọng, thọ pháp tánh sanh thân thường được hóa sanh chẳng còn thọ nghiệp báo sanh thân nữa.

Hỏi: *Bồ tát đã có đầy đủ các công đức như vậy rồi sao chẳng thủ Niết Bàn mà còn tham trước được hóa sanh?*

Đáp: Có hai nhân duyên. Đó là:

- Do hạnh nguyện độ sanh mà chư Phật, chư đại Bồ tát thị hiện hóa sanh vào trong các cõi, để chúng sanh tin kính cúng dường, mà chẳng sanh tâm nhàm chán.

- Do vì chưa thanh tịnh Phật độ đầy đủ, lại chưa có được các lực phương tiện sung mãn, nên có Bồ tát thường nguyện hóa sanh đến các cõi Phật, trọn chẳng ly các đức Phật.

Phẩm Thứ Mười



Hành Tướng (Sự Vận Hành Của Tướng)

KINH:

Lúc bảy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát chẳng có các lực phương tiện mà hành Bát nhã Ba-la-mật, thì chỉ là hành tướng. Ví như chấp sắc là thường, sắc là vô thường, sắc là khổ, sắc là lạc, sắc là hữu, sắc là vô, sắc là ngã, sắc là vô ngã, sắc là ly, sắc là tịch diệt, ..., dẫn đến chấp thức là thường, thức là vô thường, thức là khổ, thức là lạc, thức là hữu, thức là vô, thức là ly, thức là tịch diệt, v.v... thì hành là hành tướng.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát chẳng có các lực phương tiện mà hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, thì hành là hành tướng.

Bạch Thế Tôn! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà đầy niệm ta có hành Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết rằng Bồ tát đó hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có lực phương tiện, vì còn chấp có chỗ sở đắc, nên hành cũng chỉ là hành tướng.

Ngài Tu Bồ Đề nói với ngài Xá Lợi Phất: Nếu Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà ở nơi sắc có thọ niệm, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức có thọ niệm thì đó chỉ là vọng giải, là có tác hành, nên chẳng có thể thoát ly sanh lão bệnh tử, chẳng có thể thoát ly ưu bi khổ não, dẫn đến phải thọ các quả khổ ở đời sau.

Nếu Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà ở nơi sắc, ..., dẫn đến ở nơi pháp, ở nơi nhãn, ..., dẫn đến ở nơi ý, ở nơi nhãn thức, ..., dẫn đến ở nơi ý thức, ở nơi nhãn giới, ..., dẫn đến ở nơi ý giới, ở nơi nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ở nơi ý xúc nhân duyên sanh thọ, ở nơi 4 niệm xứ, ..., dẫn đến ở nơi 18 bất cộng pháp mà còn thọ niệm, thì đó cũng chỉ là vọng giải, là có tác hành, nên chẳng có thể thoát ly sanh lão bệnh tử, chẳng có thể thoát ly ưu bi khổ não, dẫn đến phải thọ các quả khổ ở đời sau.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Phải biết rằng có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có các lực phương tiện nên chẳng chứng được quả Nhị thừa, huống nữa là được Vô thượng bồ đề.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà có được các lực phương tiện?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát muốn hành Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng nên hành sắc, chẳng nên hành thọ, tướng, hành, thức, chẳng nên hành sắc tướng, ..., dẫn đến chẳng nên hành thức tướng, chẳng nên hành sắc thường, sắc vô thường, sắc khổ, sắc lạc, sắc ngã, sắc vô ngã, sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc ly, sắc tịch diệt, ..., dẫn đến chẳng nên hành thức thường, thức vô thường, thức khổ, thức lạc, thức ngã, thức vô ngã, thức không, thức vô tướng, thức vô tác, thức ly, thức tịch diệt.

Vì sao? Thưa ngài Xá Lợi Phất! Vì sắc là không, nên chẳng phải là sắc (là phi sắc), ly không chẳng có sắc, ly sắc cũng chẳng có không, sắc tức là không, và không tức là sắc. Thọ, tướng, hành, thức là không nên cũng chẳng phải là thọ, tướng, hành, thức, ly không cũng chẳng có thọ, tướng, hành, thức, ly thọ, tướng,

hành, thức cũng chẳng có không, thọ, tưởng, hành, thức tức là không, và không cũng tức là thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là không, nên cũng chẳng phải là 18 bất cộng pháp; ly không chẳng có 18 bất cộng pháp, ly 18 bất cộng pháp cũng chẳng có không, 18 bất cộng pháp tức là không, và không cũng tức là 18 bất cộng pháp.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là có được các lực phương tiện, mau được Vô thượng bồ đề

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Do nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng thọ hết thấy các pháp tướng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, nên chẳng thọ. Vì sao? Vì vô sở hữu tánh (chẳng có tánh) là tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tuy hành Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát chẳng có thọ, chẳng có hành Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng chẳng phải chẳng thọ, chẳng phải chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là vô sở hữu tánh, nên cũng chẳng thể thọ. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng tùy pháp hành, chẳng thọ các pháp tướng, mới gọi là Bồ tát hành Vô sở thọ chư pháp tam muội, được diệu dụng quảng đại, chẳng đồng với hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát hành tam muội ấy, trọn chẳng ly tam muội ấy, sẽ mau được Vô thượng bồ đề.

LUẬN:

Phẩm trước dùng “không” để phá các pháp tướng. Ở phẩm này dùng “Vô tướng” để phá các pháp tướng.

Nếu Bồ tát chẳng có các lực phương tiện mà quán sắc thì sẽ đọa vào trong các tướng. Nếu đã đọa vào trong các tướng thì sẽ xa rời Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp đều là không, là vô tướng, chẳng có tướng gì là có được (khả đắc), là nắm được (khả thủ) cả.

Hỏi: Các quả báo thiện cũng như ác đều có tướng. Vì sao nói các pháp đều là vô tướng?

Đáp: Đối với người sơ cơ, thì phải phương tiện nói có tướng. Nhưng đối với người tu hành thì phải nói về vô tướng. Vì sao? Vì nếu người tu hành mà còn thủ lấy tướng thiện để phá trừ tướng bất thiện, thì vẫn còn khởi sanh tướng, dẫn đến còn sanh các nhân duyên gây ra các phiền não, khổ đau.

Bởi vậy nên phải dùng vô tướng để phá hết thảy các tướng. Vì nếu phá các tướng bất thiện mà chẳng phá các tướng thiện, thì các tướng thiện ấy cũng sẽ duyên sanh ra bệnh chấp tướng.

Khi dùng vô tướng để phá các tướng thiện, thì tướng vô tướng ấy cũng tự phá luôn. Vì sao? Vì tướng vô tướng cũng là tướng thiện. Ví như sấm sét gây tác hại đến mùa màng, nhưng sấm sét rồi cũng tự tiêu diệt.

Lại nữa, “vô tướng tướng” là thật tướng.

Ví như thân người đầy đầy các thứ bất tịnh, các thứ thải ra từ 9 lỗ nơi thân, chẳng có thứ nào là tịnh cả. Thế mà người vô trí, do quý thân này mà gượng cho là tịnh, từ đó khởi sanh ra các phiền não, dẫn đến tạo ra các tội lỗi. Ví như đứa trẻ

còn khờ dại có thể vui chơi với các đồ bất tịnh, mà người lớn cho là dơ bẩn, chẳng nên sờ mó đến vậy. Cũng như vậy, người trí biết rõ rằng sự chấp thủ các tướng cũng là bệnh, vì các tướng đều là hư vọng.

Lại nữa, các pháp chẳng có tướng nhất định. Tướng của các pháp thay đổi tùy theo tâm của mỗi người, của mỗi loài chúng sanh. Nên biết sự nhận xét của một người thường tùy thuộc vào sự biến đổi của tâm lý, tình cảm. Ví như: Khi ta đang sân hận thì ta thấy người đến với ta là tệ ác, đáng ghét, khi ta đang vui vẻ thì ta lại thấy người đến với ta đáng thương, đáng mến, khi ta dấy tâm kiêu mạn, thì ta thấy người đến với ta hèn hạ, đáng khinh, khi ta nghe nhiều người tán thán 1 người nào, thì ta liền sanh tâm nể nang, cung kính, tin tưởng người đó v.v... Như vậy, nên biết rằng tâm thương, ghét (ái, tắng) đều là hư vọng. Nếu trừ được các tâm hư vọng, thì liền biết rõ các pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác vậy.

Lại nữa, cũng nên biết rằng sắc do duyên hòa hợp sanh, nên chỉ là như huyễn, như mộng. Nếu ở nơi sắc mà còn chấp có một tướng, hai tướng v.v... thì liền xa rời Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc tướng là vô tướng tướng. Nếu sắc tướng là có thể thọ được, thì sắc tướng ắt là phải tán hoại. Vì sắc tướng là chẳng tán hoại, nên là chẳng thể thọ được vậy.

Hỏi: *Vì sao nói rằng hành Bát nhã Ba-la-mật mà chấp 5 ấm là thường, là vô thường v.v... đều chỉ là hành tướng?*

Đáp: Thường có 2 nghĩa. Đó là:

- Thường trong vô thường. Ví như nói trú trăm năm, ngàn năm, vạn năm... sống 8 vạn kiếp v.v... là thường, thì đó chỉ là thường trong vô thường. Vì sao? Vì rốt sau cùng rồi cũng phải quy tịch.

- Thường trú bất hoại. Ví như nói pháp thân thường trú, nói Niết Bàn tịch diệt v.v...

Phàm phu khi thấy một pháp hòa hợp trú trong một thời gian tương đối lâu dài, thì chấp pháp ấy là thường tướng. Người tu hành, khi đã chứng được Niết Bàn, mà còn sanh tưởng về Niết Bàn, thì rơi về chấp thường tướng.

-o0o-

Vô thường cũng có hai nghĩa. Đó là:

- Pháp tương tục hoại là vô thường.

- Niệm niệm sanh diệt là vô thường.

Bồ tát sơ pháp tâm, do tu tương tục đoạn, quán các thô vật là vô thường mà sanh tâm nhàm chán. Bồ Tát trải qua thời gian tu tập, quán niệm niệm sanh diệt vô thường mà sanh tâm nhàm chán. Cả hai hạng Bồ tát nêu ở đây đều còn chấp vô thường tướng.

-o0o-

Tóm lại, nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà còn chấp 5 ấm là thường hay là vô thường, là chưa có được các lực phương tiện. Cho nên hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy chỉ là hành tướng mà thôi.

Hỏi: Quán 5 ấm là thường hay là vô thường là đủ rồi. Vì sao còn quán 5 ấm là ly, là tịch diệt nữa?

Đáp: Nếu quán được 5 ấm chẳng phải là thường tướng, chẳng phải là vô thường tướng, thì biết rõ 5 ấm là ly tướng. Nếu 5 ấm ly tự tướng, thì biết rõ 5 ấm là tịch diệt tướng, là Niết Bàn tướng vậy.

Hỏi: Bồ tát từ sơ phát tâm đã biết rõ tự tướng của 5 âm là vô tướng rồi. Nay vì sao nói Bồ tát ấy chẳng có các lực phương tiện mà phải đọa về chấp tướng?

Đáp: Vì hạng Bồ tát này độn căn, chẳng tự giác, nên vừa lìa khỏi chấp 5 âm tướng thì liền chấp viển ly tịch diệt tướng. Bởi vậy nên, ở nơi vô tướng, mà khởi chấp vô tướng tướng vậy.

Lại nữa, nếu Bồ Tát quán các ngoại pháp đều vô tướng, thì sự tác quán như vậy cũng có thể khởi sanh tâm chấp ngã nên cũng có thể đọa về chấp hữu tướng.

Lại nữa, nếu Bồ tát ly được pháp tướng, ở nơi phi đạo, hành chân tịnh vô tướng mà lại dùng trí huệ khởi niệm về các nội ngoại hạnh thanh tịnh, cho đó là Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng đọa về chấp Bát nhã Ba-la-mật tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng thể chấp (bất khả chấp) mà chấp, chẳng thể thủ (bất khả thủ) mà thủ. Như vậy là Bồ tát chẳng có các lực phương tiện, y chỉ nơi ái kiến, mà khởi chấp các thiện pháp vậy.

Hạng Bồ tát này, tuy đã có nhiều phước đức, nhưng chưa có thể lìa được sanh tử, vì còn tạp hành vậy. Tạp hành như vậy thì quả Nhị thừa còn chưa có thể được, huống nữa là được Vô thượng bồ đề.

-o0o-

Nếu trái với các điều nêu trên đây, thì gọi là có các lực phương tiện.

Bồ tát có các lực phương tiện rồi, thì ở nơi hết thấy pháp đều chẳng chấp, đều chẳng thọ. Vì sao? Vì Bồ tát đã biết rõ hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, đều chẳng phải thật có, biết rõ tự tánh của hết thấy pháp đều là “không”

Hỏi: Trước đây nói về Tam tam muội, nay nói về Vô sở thọ chư pháp tam muội. Như vậy hai tam muội này có gì khác nhau chăng?

Đáp: Trước đây nói về trường hợp người tu giải thoát mà chưa viễn ly, nên hành 3 Tam muội là Không, Vô tướng và Vô tác. Nay nói về trường hợp người thường tinh tấn hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng tùy trí huệ hành, chẳng tùy pháp hành, chẳng thọ pháp tướng, là hành Vô sở thọ chư pháp Tam muội, được diệu dụng quảng đại, khởi đại bi tâm, mau được Vô thượng bồ đề

-o0o-

KINH

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Có phải chỉ chẳng ly tam muội này là Bồ tát mau được Vô thượng bồ đề hay còn phải chẳng ly những tam muội khác nữa?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Còn có rất nhiều tam muội khác nữa, như 108 tam muội liệt kê sau đây:

Thủ lăng nghiêm tam muội - Bảo ấn tam muội - Sư tử du hý tam muội - Diệu nguyệt tam muội - Nguyệt tràng tướng tam muội - Xuất chư pháp tam muội - Quán đánh tam muội - Tất pháp tánh tam muội - Tất tràng tướng tam muội - Kim cang tam muội - Nhập pháp ấn tam muội - Tam muội vương An lập tam muội - Phóng quang tam muội - Lực tấn tam muội - Cao xuất tam muội - Tất nhập biện tài tam muội - Nhập danh tự tam muội - Quảng phương tam muội - Đà la ni ấn tam muội - Vô cuống tam muội - Nhiếp chư pháp hải tam muội - Biện phú hư không tam muội - Kim cang luân tam muội - Bảo

đoạn tam muội - Năng chiếu tam muội - Bất cầu tam
 muội - Vô trụ tam muội - Vô tâm tam muội - Tịnh đẳng
 tam muội - Vô biên minh tam muội - Năng tác minh tam
 muội - Phổ chiếu minh tam muội - Kiên tịnh chư Tam
 muội tam muội - Vô cấu minh tam muội - Hoan hỷ tam
 muội - Điện quang tam muội - Vô tận tam muội - Oai
 đức tam muội - Ly tận tam muội - Bất động tam muội -
 Bất thối tam muội - Nhật đăng tam muội - Nguyệt tịnh
 tam muội - Tịnh minh tam muội - Năng chiếu minh tam
 muội - Tác hành tam muội - Tri tướng tam muội - Như
 Kim cang tam muội - Tâm trụ tam muội - Phổ minh tam
 muội - An lập tam muội - Bảo tụ tam muội - Diệu pháp
 ấn tam muội - Pháp đẳng tam muội - Đoạn hỷ tam muội
 - Đáo pháp đánh tam muội - Năng tán tam muội - Phân
 biệt chư pháp cú tam muội - Tự đẳng tướng tam muội -
 Ly tự tam muội - Đoạn duyên tam muội - Bất hoại tam
 muội - Vô chủng tướng tam muội - Vô hành xứ tam muội
 - Ly môn tam muội - Vô khứ tam muội - Bất biến dị tam
 muội - Độ duyên tam muội - Tập chư công đức tam muội
 - Trụ vô tâm tam muội - Tịnh diệu hoa tam muội - Giác ý
 tam muội - Vô lượng biện tam muội - Vô đẳng đẳng tam
 muội - Phân biệt chư pháp tam muội - Độ chư pháp tam
 muội - Tán nghi tam muội - Vô trụ xứ tam muội - Nhất
 trang nghiêm tam muội - Sanh hành tam muội - Nhất
 hành tam muội - Bất nhất hành tam muội - Diệu hành
 tam muội - Đạt nhất thiết hữu để tán tam muội - Nhập
 danh ngữ tam muội - Ly âm thanh tự ngữ tam muội -
 Nhiên cụ tam muội - Tịnh tướng tam muội - Phá tướng
 tam muội - Nhất thiết chủng diệu túc tam muội - Bất hỷ
 khổ lạc tam muội - Vô tận tướng tam muội - Đà la ni tam
 muội - Nhiếp chư tà chánh tướng tam muội - Diệt tăng
 ái tam muội - Thuận nghịch tam muội - Tịnh quang tam

muội - Kiên cố tam muội - Mãn nguyệt tịnh quang tam muội - Đại trang nghiêm tam muội - Năng chiếu nhất thiết thể tam muội - Tam muội đẳng tam muội - Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh tam-muội - Bất lạc nhất thiết trụ xứ tam muội - Như trụ định tam muội - Hoại thân suy tam muội - Hoại ngữ như hư không tam muội - Ly trước như hư không bất nhiễm tam muội.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát hành các tam muội này, cùng vô số tam muội và Đà La Ni sẽ mau được Vô thượng bồ đề.

Rồi, thuận theo ý của Phật, ngài Tu Bồ Đề nói tiếp: Phải nên biết rằng các Bồ tát hành các tam muội này là ở trong quá khứ đã được Phật thọ ký, hoặc ở trong đời hiện tại được chư Phật ở khắp 10 phương thọ ký. Khi hành các tam muội, các Bồ tát này chẳng thấy, chẳng niệm, dẫn đến chẳng nghĩ là mình sẽ vào các tam muội ấy, sẽ mau được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì các Bồ tát này đã rõ ráo được “Vô phân biệt niệm”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bồ tát nào an trú được trong các tam muội này, là do nhân duyên đời trước đã được Phật thọ ký hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải như vậy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác tam muội, tam muội chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Bồ tát, Bồ tát chẳng khác tam muội, Bát nhã Ba-la-mật tức là tam muội và tam muội cũng tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát tức là tam muội, và tam muội cũng tức là Bồ tát, Bồ tát tức là Bát nhã Ba-la-mật, và Bát nhã Ba-la-mật cũng tức là Bồ tát.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu Bồ tát chẳng khác tam

muội, và ngược lại tam muội chẳng khác Bồ tát, nếu Bồ tát tức là tam muội, và ngược lại tam muội tức là Bồ tát, thì làm sao có thể biết được hết thấy pháp đều là tam muội?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Khi vào tam muội Bồ tát chẳng đầy niệm rằng ta tu pháp này để vào tam muội, nên ở nơi hết thấy pháp, ở nơi hết thấy tam muội đều chẳng biết, chẳng niệm.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì sao chẳng biết chẳng niệm?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì Bồ tát biết rõ các tam muội đều là vô sở hữu, nên chẳng biết, chẳng niệm vậy.

Lúc bấy giờ Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Nay Tu Bồ Đề! Đúng như lời ta từng nói, ông là người thật hành Vô tránh tam muội đệ nhất, cùng với nghĩa này tương ưng vậy. Bồ tát phải y theo nghĩa này mà học 6 pháp Ba-la-mật, học 4 niệm xứ, ..., dẫn đến học 18 bất cộng pháp.

-o0o-

LUẬN:

Hỏi: Phật dạy tu 3 tam muội Không, Vô tướng và Vô tác, mở đường vào đạo Niết Bàn. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất lại hỏi phải tu bao nhiêu tam muội mới vào được đất Phật?

Đáp: Khi chưa vào Niết Bàn, thì tưởng có nhiều đường đưa đến Niết Bàn. Thật ra chỉ có một đường đưa đến Niết Bàn là Không, Vô tướng và Vô tác. Hết thấy các tam muội khác cũng dẫn vào 3 tam muội này. Ví như muốn vào thành có thể dùng nhiều cửa khác nhau, nhưng cửa nào cũng đều dẫn vào nội thành cả. Lại nữa, ví như nước từ muôn sông đều

chảy về biển, Bồ tát hành 1 tam muội trong 108 tam muội, hoặc hành 1 đà la ni trong số các đà la ni cũng đều được chư Phật trong khắp 10 phương thọ ký cho.

Vì sao? Vì Bồ tát đã vào được nơi thật tướng tam muội, nên chẳng còn ức tướng phân biệt. Do vậy mà chẳng còn nghĩ rằng mình đã vào được tam muội, mình đang hành thanh tịnh vi diệu pháp, và cũng do vậy mà được Phật thọ ký cho.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất dùng “không trí huệ” vấn nạn ngài Tu Bồ Đề rằng: Bồ tát trú trong “không tam muội” có được Phật thọ ký không?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải vậy. Vì sao? Vì cả 3 pháp Bồ tát, Tam muội, và Bát nhã Ba-la-mật chẳng có khác nhau. Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác tam muội, Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Bồ tát, tam muội chẳng khác Bồ tát, và ngược lại, vì Bồ tát, tam muội và Bát nhã Ba-la-mật chẳng có khác nhau nên Bồ tát mới có thể được Phật thọ ký.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Nếu như vậy thì tam muội và hết thảy các pháp chẳng khác nhau hay sao?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát đã vào các tam muội rồi thì biết rõ hết thảy các pháp và các tam muội chẳng có sai khác nhau.

Lại nữa, như trước đây đã nói: Bồ tát vào các tam muội rồi, chẳng còn dấy niệm phân biệt nên chẳng biết, chẳng niệm. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ tự tánh của tam muội là vô sở hữu nên chẳng biết và chẳng niệm vậy.

-o0o-

Phật ẩn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề.

Mặc dù tự mình chưa có đầy đủ các tam muội, mà ngài Tu Bồ Đề đã khéo thuyết các pháp vi diệu của Bồ tát, như thuyết về các tam muội và các đà la ni. Ngài lại thông rõ về Bát nhã Ba-la-mật, nên ở nơi hết thảy các pháp, ngài đều chẳng thọ, chẳng chấp, chẳng niệm.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay, này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ta từng nói, ông là người thật hành Vô tránh tam muội đệ nhất. Thật là chẳng hư dối vậy.

-o0o-

KINH:

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát học như vậy là học Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát học như vậy là học Bát nhã Ba-la-mật, vì Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như vậy cũng là bất khả đắc. Bồ tát học 5 Ba-la-mật kia, học 4 niệm xứ, ..., dẫn đến học 18 bất cộng pháp cũng đều là bất khả đắc cả, vì các pháp ấy đều là bất khả đắc.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì là bất khả đắc?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Ngã bất khả đắc, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng bất khả đắc, vì đều là rốt ráo

thanh tịnh. 5 âm, 12 nhập, 18 giới bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh. 4 đế, ..., dẫn đến 12 nhân duyên bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh. 6 pháp Ba-la-mật bất khả đắc, vì là rốt ráo thanh tịnh. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật đều bất khả đắc, vì đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bất xuất, bất sanh, bất tác, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Như vậy thì pháp mà Bồ tát học là pháp gì?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát học như vậy là học pháp “vô sở học”. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng có chấp đắm pháp tướng như phàm phu vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là biết rõ thật tướng pháp?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Đó là biết rõ các pháp đều là vô sở hữu, dẫn đến biết rõ vô sở hữu cũng là vô sở hữu. Nếu chẳng biết rõ được như vậy thì là vô minh, chẳng khác với phàm phu.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì là vô sở hữu? Vì sao nói chẳng biết rõ như vậy thì là vô minh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! 5 âm, 12 nhập, 18 giới vô sở hữu, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu. Vì sao? Vì đều là nội không, ..., dẫn đến là vô pháp

hữu pháp không. Thế nhưng phàm phu do bị lực vô minh ngăn che, nên mới vọng thấy có phân biệt. Bởi vậy nên nói chẳng biết rõ như vậy, thì gọi là vô minh.

Phàm phu bị hai chấp “hữu” - “vô” trói buộc nên chẳng thấy, chẳng biết các pháp là vô sở hữu, để rồi ức tưởng phân biệt, chấp trước sắc, ..., dẫn đến chẳng chấp trước 18 bất cộng pháp.

Lại nữa, do chấp trước mà ở nơi vô sở hữu, phàm phu lại vọng chấp có thấy, có biết. Cho nên là chẳng thấy, chẳng biết. Phàm phu giống như trẻ nít, chẳng biết mình từ đâu đến và sẽ đi về đâu. Do vậy mà chẳng tin pháp “không”, chẳng tu 6 Ba-la-mật, chẳng ra khỏi 3 cõi, chẳng rời pháp Nhị thừa.

Phàm phu chấp trước hết thấy các pháp: chấp sắc, ..., dẫn đến chấp thức, chấp sắc, ..., dẫn đến chấp pháp, chấp nhãn, ..., dẫn đến chấp ý, chấp nhãn thức, ..., dẫn đến chấp ý thức, chấp nhãn giới, ..., dẫn đến chấp ý giới, chấp tham, sân, si, chấp tà kiến, chấp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chấp Phật đạo.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bạch Thế Tôn! Bồ tát học như vậy là chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, là chẳng được Nhất thiết chủng trí hay sao?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát học như vậy là chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì có Bồ tát do chẳng có các lực phương tiện nên mới khởi niệm tưởng, khởi chấp trước có tướng Bát nhã Ba-la-mật. Do còn khởi niệm chấp trước có tướng Bát nhã Ba-la-mật, nên là chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, và cũng chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như thế nào mới gọi là học Bát nhã Ba-la-mật, mới được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật. Học như vậy mới gọi là học Bát nhã Ba-la-mật, mới được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là bất khả đắc?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Hết thấy các pháp đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không.

-o0o-

LUẬN:

Trước đây, ngài Xá Lợi Phát hỏi ngài Tu Bồ Đề: Chẳng ly “Vô sở thọ chư pháp tam muội” sẽ mau được Vô thượng bồ đề, hay còn phải chẳng ly nhiều tam muội khác nữa?

Ngài lại hỏi thêm: Bồ tát chẳng ly các tam muội có được Phật thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Các tam muội đều bình đẳng. Vậy nên Bồ tát chẳng ly tam muội này thì cũng chẳng ly các tam muội khác.

Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Bồ tát phải như vậy mà học Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng. Nếu còn chấp tướng của các tam muội, thì chẳng sao học được Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như vậy mới vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật: Những pháp gì là bất khả đắc?

Phật dạy: Các pháp sanh diệt đều là không, đều là rốt ráo thanh tịnh, đều là bất khả đắc cả. Ngã bất khả đắc, 4 quả Thanh Văn bất khả đắc, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng đều rốt ráo thanh tịnh, đều là bất khả đắc.

Lại nữa, bất xuất, bất sanh, bất đắc mới là rốt ráo thanh tịnh.

Bởi vậy nên phải chẳng duyên 2 bên “hữu - vô”, phải chẳng sanh chấp pháp tướng, mới biết rõ được các pháp tướng đều là bất khả đắc, mới ly được các tướng hư vọng, mới được rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Thế nào gọi là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Hành pháp rốt ráo thanh tịnh là hành pháp vô sở hữu, vô sở đắc, vô sở học. Như vậy là chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng đắc Bát nhã Ba-la-mật, chẳng học Bát nhã Ba-la-mật; dẫn đến chẳng đắc Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật. Học như vậy mới gọi là học Bát nhã Ba-la-mật, mới mau được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc cả.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Thế nào gọi là bất khả đắc?

Phật dạy: Hết thấy các pháp đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không.

-o0o-

Hỏi: Bồ tát hành pháp gì mà gọi là hành rốt ráo không?

Bồ tát có hành 6 pháp Ba-la-mật; có hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp. Như vậy vì sao nói là vô pháp? Vì sao lại nói chẳng có pháp gì để học cả?

Đáp: Phật dạy hết thầy các pháp đều là rốt ráo không. Trái lại phàm phu, ở nơi rốt ráo không, mà điên đảo khởi sanh các chấp.

Phàm phu, do bị vô minh che tâm, bị các kiết sử tà kiến làm mê ám, nên khi vừa nghe nói đến một pháp nào là liền chấp lấy pháp tướng dẫn đến nghe pháp Phật truyền dạy, mà cũng khởi tâm chấp, như chấp có Thánh đạo, chấp có các Thánh đạo quả v.v...

Bởi vậy nên nói đạo của phàm phu cũng là chấp nhiễm ô.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phát hỏi Phật: Nếu chỗ thấy của phàm phu đều là chẳng thật có, thì vì sao lại nói có pháp?

Phật dạy: Các pháp đều là vô sở hữu. Phàm phu ở nơi vô sở hữu mà cho là hữu. Vì sao? Vì phàm phu chẳng có thể lìa vô minh, lìa các tà kiến, mà quán được. Như vậy gọi là vô minh. Ví như trẻ nít thấy người lớn đưa nắm tay không lên cao, mà cứ tưởng là có vật gì cất giấu bên trong đó.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phát hỏi Phật: Vì sao chẳng thấy các pháp là vô sở hữu, thì gọi là vô minh ?

Phật dạy: Sắc vô sở hữu, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu.

Nếu chẳng biết như vậy, mà khởi sanh ái niệm, ức tướng phân biệt, thì gọi là vô minh. Do bị vô minh che tâm, mà rơi về 2 chấp “hữu - vô”, khiến bỏ mất huệ minh.

Huệ minh là trí huệ vô phân biệt. Do huệ minh mà biết rõ các pháp đều là vô sở hữu tướng, đều là rốt ráo không; lại biết rõ do nơi tâm phân biệt, mà khởi sanh ức tướng phân biệt, để rồi khởi chấp có 5 âm, có 12 nhập, có 18 giới, v.v... Cũng do tâm ức tướng phân biệt, mà khi nghe thuyết về các thiện pháp, như nghe thuyết về 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến nghe thuyết về 18 bất cộng pháp... là liền ức tướng phân biệt, liền chấp đắm.

Chấp đắm như vậy, thì Thánh pháp cũng trở thành thế gian pháp. Ví như có người dùng ngón tay để chỉ mặt trăng, mà người vô trí chỉ chăm chú nhìn ngón tay, khiến chẳng thấy được mặt trăng vậy. Vì để tâm chấp ngón tay, thì chẳng sao có thể thấy được mặt trăng.

Chư Phật và chư hiền Thánh, vì hàng phàm phu mà nói pháp. Trong khi đó thì phàm phu chỉ chấp âm thanh, chấp lời nói, mà chẳng thấy được Thánh ý, nên chẳng biết rõ được thật nghĩa.

Phàm phu do bỏ mất Phật tánh, nên chẳng sao ra khỏi ba cõi, chẳng rời pháp Nhị thừa, chẳng rõ được Thánh ý.

Phàm phu nghe nói đến pháp không, mà chẳng tin. Do chẳng tin, nên chẳng làm, chẳng an trú nơi 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến chẳng an trú nơi 18 bất cộng pháp, khiến bỏ mất hết các công đức.

Phàm phu, do chấp 5 âm, 12 nhập, 18 giới, v.v... mà khởi sanh tà kiến, dấy tâm tham sân si... Lại cũng chấp luôn 6 pháp Ba-la-mật, chấp 4 niệm xứ dẫn đến chấp 18 bất cộng

pháp, chấp 4 quả Thanh Văn, dẫn đến chấp quả Vô thượng bồ đề.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi Phật: Bồ tát hành như vậy là chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật hay sao? Nếu chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng chẳng đắc Nhất thiết chủng trí hay sao?

Phật dạy: Phật phương tiện mà nói như vậy. Các tân học Bồ tát, do chẳng có các lực phương tiện, nên khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, liền ức niệm, tâm cầu để thủ chứng, tự nghĩ rằng: “Ta đã rời bỏ thế gian lạc thì phải được Bát nhã Ba-la-mật lạc”. Do tâm cầu hữu sở đắc, nên cả 2 bên “hữu - vô” đều bị vướng mắc cả.

Dù chấp “không” là Bát nhã Ba-la-mật, hoặc chấp “không” chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật hoặc chấp “như thật tướng pháp” là Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng đồng như 62 tà chấp của Ngoại đạo. Vì vừa khởi chấp là liền có 98 kiết sử dây sanh. Dẫn đến chấp Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

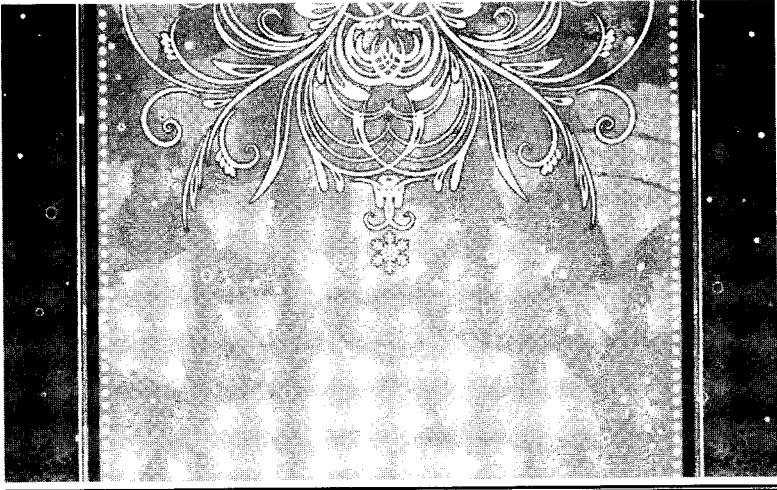
Bởi vậy nên chấp tâm, chấp pháp đều chẳng được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Phải chẳng thấy có mình hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp Bát nhã Ba-la-mật để hành, dẫn đến sự thấy đó cũng chẳng thấy luôn, thì mới vào được Bát nhã Ba-la-mật, mới được Nhất thiết chủng trí.

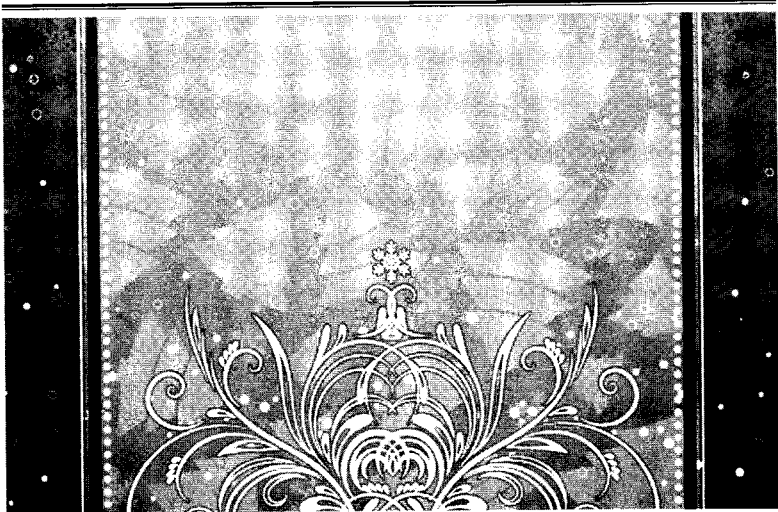
Ngài Xá Lợi Phát lại hỏi: Bồ tát chẳng thấy các duyên pháp chẳng?

Phật dạy: Bồ tát đã vào 18 không, nên chẳng còn thấy các duyên pháp. Đây chẳng phải là chẳng có trí huệ, mà chẳng thấy vậy.

(Hết quyển 43)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 44



Phẩm Thứ Mười Một



Huyền Nhơn
(Người Huyền)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có người hỏi con rằng “Người huyền học Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến học Bát nhã Ba-la-mật; học 4 niệm xứ, ..., dẫn đến học 18 bất cộng pháp có được Nhất thiết chủng trí không?”, thì con phải giải đáp như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta hỏi lại ông. Ông hãy tùy ý đáp lại lời của ta.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc cùng với huyền, ..., dẫn đến thức cùng với huyền khác nhau chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc, ..., dẫn đến pháp; nhãn, ..., dẫn đến ý; nhãn thức dẫn đến ý thức; nhãn giới, ..., dẫn đến ý giới; nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc; nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cùng với huyền khác nhau chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cùng với huyền khác nhau chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Không, vô tướng, vô tác cùng với huyễn khác nhau chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vô thượng bồ đề cùng với huyễn khác nhau chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Vì sao? Vì sắc chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác sắc; sắc tức là huyễn, và huyễn tức là sắc, dẫn đến Vô thượng bồ đề cũng là như vậy. Vô thượng bồ đề chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác Vô thượng bồ đề; Vô thượng bồ đề tức là huyễn, và huyễn tức là Vô thượng bồ đề.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Huyễn có cấu, có tịnh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu huyễn chẳng sanh, chẳng diệt, thì người huyễn có thể học Bát nhã Ba-la-mật, và có thể được Nhất thiết chủng trí chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! 5 ám giả danh có phải là Bồ tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! 5 ám giả danh có sanh có diệt, có cấu có tịnh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp chỉ là giả danh, thì chẳng có thân, ngữ, ý, dẫn đến chẳng có thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp. Các pháp đều chẳng sanh, chẳng

diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh như vậy cả, thì học Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà học Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì là được vô sở đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Bồ tát nên như vậy mà học Bát nhã Ba-la-mật, như người huyễn học, sẽ được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì 5 âm tức là người huyễn, người huyễn tức là 5 âm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? 5 âm học Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Vì sao? Vì 5 âm tánh là vô sở hữu, là bất khả đắc.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! 5 âm như mộng, như ảnh, như hương, như diệm, như hóa, học Bát nhã Ba-la-mật, có được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Vì sao? Vì mộng tánh, ..., dẫn đến hóa tánh đều là vô sở hữu, là bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! 6 tình cũng là như vậy. 5 âm tức là 6 tình, 6 tình tức là 5 âm. Tất cả các pháp ấy đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không, nên đều là vô sở hữu, là bất khả đắc cả.

LUẬN:

Hỏi: Vì lý do gì mà Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật “Người huyễn học Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí, có được làm Phật chẳng?”

Đáp: Chẳng thể được, vì người huyễn là hư dối.

Chỗ Phật đáp ngài Xá Lợi Phất là chỗ thâm thâm, là nghĩa không, nên ngài Tu Bồ Đề mới dấy niệm nghĩ rằng “Các pháp chỉ là nhất tướng, là vô tướng, chẳng có gì khác nhau. Nếu vậy, thì người huyễn cùng với Bồ tát cũng chẳng có gì khác nhau cả”.

Tuy nhiên, nên biết rằng Bồ tát, do có làm các công đức, nên sẽ được làm Phật, còn người huyễn, chẳng có làm các công đức, nên chẳng có thể làm Phật được.

Hỏi: *Vì sao người huyễn chẳng có làm các công đức?*

Đáp: Vì chẳng có tâm thức (vô tâm thức), nên chẳng làm được các công đức.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề dấy niệm nghĩ rằng Bồ tát thật sự cũng chẳng có hành các công đức, mà người ngoài thấy tựa như có hành, cho nên nói hành như người huyễn. Đối với các sự việc, như ăn uống, bố thí tài vật, xuất gia, trì giới, tinh tấn, thiên định, thuyết pháp, v.v..., thì người vô trí coi là có hành, mà chẳng biết rằng đó chỉ là như huyễn. Lại nữa, theo Phật, thì các pháp đều là nhất tướng, là vô tướng cả. Mà đã là vô tướng, thì Phật, Bồ tát cùng với người huyễn chẳng có gì khác nhau cả. Như vậy, người huyễn hành các Phật sự, như hành 6 pháp Ba-la-mật, hàng phục chúng ma, tọa đạo tràng, phóng quang minh, thuyết pháp, độ sanh, v.v... so với Bồ tát đâu có gì sai khác?*

Ngài Tu Bồ Đề nghi về trường hợp người huyễn có thể được Nhất thiết chủng trí, được làm Phật, nên mới thưa hỏi Phật, xin Phật giải đáp. Như vậy, vì sao Phật chẳng có đáp thẳng, mà phải hỏi ngược lại?

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề, dùng trí tuệ, quán 5 âm, quán 3 cõi... đều là không, nên sanh tâm nhằm chán các phiền não, tập khí. Tuy ngài biết rõ tổng tướng của các pháp là không, nhưng chẳng có thể quán Phật pháp cũng là như huyễn, là vô sở hữu. Ngài Tu Bồ Đề quán 5 âm và thế gian là không, để làm chỗ chứng Phật pháp, Phật khẳng định Phật pháp cũng là như huyễn, là vô sở hữu. Đây là lý do vì sao Phật hỏi ngược lại ngài Tu Bồ Đề rằng: “Ý ông nghĩ sao? Sắc cùng với huyễn có khác nhau chăng?, ..., dẫn đến Vô thượng bồ đề cùng với huyễn có khác nhau chăng?”

Nếu có khác, thì mới nên hỏi. Nếu chẳng có khác, thì cũng chẳng nên hỏi làm gì nữa.

Hỏi: *Nếu nói sắc chẳng khác huyễn, thì còn chấp nhận được. Thế nhưng nơi người huyễn có sắc. Như vậy làm sao có thể nói là người huyễn cùng với 5 âm chẳng có gì khác nhau cả?*

Đáp: Người huyễn có hiện các tướng ưu, bi, khổ, lạc... Người vô trí lầm chấp, mà cho là thật có thọ, tướng, hành, thức.

Lại nữa, Phật nêu thí dụ cho biết rằng 5 âm là hư vọng, là như huyễn, người thọ 5 âm cũng là hư vọng, là như huyễn. Như vậy, thì sự thọ 5 âm, tuy có, mà cùng với huyễn chẳng có khác. Vì Phật muốn giải rõ, nên nêu thí dụ 5 âm là hư vọng, chúng sanh là hư vọng, cùng với huyễn chẳng khác nhau.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề nhất tâm, trừ lượng, biết rõ 5 âm cùng với huyễn chẳng có gì khác nhau. Vì sao? Vì 5 âm là như huyễn, mà phàm phu dùng nhục nhãn lầm chấp cho là thật có, khiến sanh ra ưu, bi, khổ, lạc...; lại do thọ 5 âm mà huệ nhãn bị ngăn che; khiến sanh ra tham dục, sân nhuế... cùng vô lượng phiền não, kiết sử khác.

Lại nữa, ví như nhờ huyền thuật mà nhà huyền thuật có thể biến hiện ra thành quách, nhà cửa, cung điện, ngựa xe... trên sân khấu, làm cho người xem lầm chấp, cho là thật có.

Cũng như vậy, hành giả phải quán 5 âm đều do vô minh tạo tác, mà có biến hiện ra các chi hành, thức, danh sắc... trong 12 chi nhân duyên.

Người thấy các huyền sự, huyền vật mà sanh tâm chấp đắm, thì khi huyền nghiệp diệt rồi, sẽ sanh tâm luyến tiếc.

Người thọ 5 âm cũng là như vậy. Do nhân duyên huyền nghiệp ở đời trước, mà có sanh ra thân 5 âm ở đời này. Thân đời này thọ 5 dục, rồi khởi tham, sân, si, cùng vô lượng phiền não, kiết sử khác. Khi vô thường đến hủy hoại thân này, thì huyền nghiệp ở đời này lại dẫn sanh thân 5 âm ở đời sau.

Bởi vậy nên nói 5 âm là như huyền. Nhưng vì 5 âm đã kết thành các nghiệp, nên phàm phu chẳng còn nhận ra được thật tướng của 5 âm.

-o0o-

Do Phật hỏi như trên, nên ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng huyền cùng sắc chẳng khác nhau. Nếu đã chẳng khác thì các pháp đều là không. Biết rõ các pháp đều là không, thì vào được chỗ bất sanh, bất diệt. Nhưng nếu là bất sanh, bất diệt, thì làm sao có được quả vị Phật?

Ngài Tu Bồ Đề lại tự nghĩ rằng nếu là như vậy, thì vì sao Bồ tát còn phải hành đạo để cầu Vô thượng bồ đề?

Phật biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên liền đáp rằng 5 âm là hư vọng, chỉ là danh tự. Đã ở trong danh tự,

thì chẳng có nghiệp, chẳng có nghiệp nhân duyên, chẳng có các tâm và tâm sở pháp, dẫn đến chẳng có cấu, chẳng có tịnh. Vì sao? Vì là rốt ráo không vậy. Bồ tát nên như người huyễn mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì 5 âm tức là người huyễn, người huyễn tức là 5 âm, chẳng có gì sai khác cả.

Các nghiệp nhân duyên đời trước là huyễn nghiệp dẫn sanh thân 5 âm ở đời sau. Bởi vậy nên 5 âm cũng là giả danh, chẳng thể thành Phật được. Vì sao? Vì tánh của 5 âm là vô sở hữu, là như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như hóa.

Hỏi: *Vì sao nói 5 âm tức là 6 tình, và 6 tình tức là 5 âm?*

Đáp: Do ở nơi 12 nhân duyên hòa hợp, mà sắc pháp và tâm pháp chưa thuần thực, khiến phải thọ cảnh, nên mới sanh ra thức.

Theo thức, sanh ra 6 tình. Ở cả 2 thời đều có sự tạo tác của 5 sắc âm, khi nói đến 6 tình, là nói đến sự thành tựu của ý tình; mà 6 tình chẳng ly 5 âm.

Hỏi: *Ở trong 12 nhân duyên đã có nói về 5 âm rồi. Nay sao lại nói trong thức, trong 6 tình có 5 âm?*

Đáp: Vì thức là nguồn gốc hành pháp trong hiện tại của chúng sanh. Tuy nhiên có nhiều người hiểu sai lạc về danh sắc. Nên biết, khi sắc pháp và tâm pháp chưa thuần thực, chưa có công năng, thì chưa thể nói 6 tình là chỗ thọ khổ, thọ lạc, hay là chỗ sanh tội, sanh phước được.

Bởi vậy, nên nói 5 âm có trong thức và trong 6 tình.

Phật biết 500 năm về sau, người tu học sẽ phân biệt các pháp tướng sai khác nhau, mà cho rằng sắc pháp ly thức, và thức ly sắc pháp.

Muốn phá các chấp ấy, khiến người tu học vào được nơi rốt ráo không, nên Phật đã thuyết như trên đây. Tuy trong thức chẳng có 6 tình mà Phật thuyết theo thức sanh ra 6 tình; tuy trong 6 tình chẳng có 5 ấm, mà Phật thuyết 6 tình tức 5 ấm, và 5 ấm tức 6 tình.

Lại nữa, vì đời trước trú tâm nơi 6 tình, dấy sanh các ức tướng phân biệt, nên mới sanh ra có 5 thân ấm ở đời nay. Rồi đời nay trú tâm nơi 6 tình, dấy sanh các ức tướng phân biệt, khởi sanh các kiết sử phiền não, dẫn đến phải tương tục tạo ra thân 5 ấm ở đời sau.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Thức tức là 6 tình, 6 tình tức là 5 ấm.

Thật ra tất cả các pháp đều là bất khả đắc, vì đều là nội không, ..., dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không.

-o0o-

KINH

Bạch Thế Tôn! Bồ tát sơ phát tâm, khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, có kinh, có hải, có sợ chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát mới phát tâm đại thừa, nếu chưa có đủ các lực phương tiện, nếu chẳng gặp được các thiện trí thức, thì mới kinh, mới hải, mới sợ, khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là lực phương tiện, để theo đó Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hải, chẳng sợ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, đúng theo tâm Tát bà nhã, quán sắc vô thường,

sắc khổ, sắc vô ngã, sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc ly, sắc tịch diệt, ..., dẫn đến quán thức vô thường, thức khổ, thức vô ngã, thức không, thức vô tướng, thức vô tác, thức ly, thức tịch diệt... đều là bất khả đắc. Đây là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có các lực phương tiện...

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng ly, tướng tịch diệt của 5 ấm đều là bất khả đắc. Quán như vậy rồi, Bồ tát phát nguyện rằng ta nên vì chúng sanh, nói về pháp vô thường, pháp khổ, pháp vô ngã, pháp không, pháp vô tướng, pháp vô tác, pháp ly, pháp tịch diệt đều là bất khả đắc. Đây là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát chẳng dùng tâm Nhị thừa, quán 5 ấm vô thường, ..., dẫn đến chẳng dùng tâm Nhị thừa quán 5 ấm tịch diệt đều bất khả đắc. Đây là Bồ tát hành Thi la Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, đúng theo tâm Bà Nhã, quán tướng vô thường của 5 ấm, ..., dẫn đến quán tướng tịch diệt của 5 ấm đều là bất khả đắc, quán sự hiển thọ các tướng ấy cũng là bất khả đắc. Đây là Bồ tát hành Săn đề Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, đúng theo tâm Tát bà nhã, quán tướng vô thường của 5 ấm, ..., dẫn đến quán tướng tịch diệt của 5 ấm đều bất khả đắc. Quán như vậy mà vẫn chẳng xả, chẳng ly tâm Tát bà nhã. Đây là Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có khởi tâm Nhị thừa, chẳng có khởi các tâm bất thiện. Đây là Bồ tát hành Thiền Ba-la-mật.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng hành sắc không, ..., dẫn đến chẳng hành thức không, vì biết rõ sắc tức là không, không tức là sắc, ..., dẫn đến biết rõ thức tức là không, không tức là thức; chẳng hành nhãn không, ..., dẫn đến chẳng hành ý xúc nhân duyên sanh thọ không, vì biết rõ nhãn tức là không, không tức là nhãn, ..., dẫn đến biết rõ ý xúc nhân duyên sanh thọ tức là không; không tức là ý xúc nhân duyên sanh thọ; chẳng hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng hành 18 bất cộng pháp, vì biết rõ 4 niệm xứ tức là không, không tức là 4 niệm xứ, ..., dẫn đến biết rõ 18 bất cộng pháp tức là không, không tức là 18 bất cộng pháp, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là bậc thiện tri thức hộ trì, khiến Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có vị thiện tri thức thuyết sắc vô thường, sắc khổ, sắc vô ngã, sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc ly, sắc tịch diệt đều là bất khả đắc, ..., dẫn đến thuyết ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là như vậy; lại thuyết giữ gìn thiện căn, chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo, mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là bậc thiện tri thức của Bồ tát.

Lại, này Tu Bồ Đề! Có vị thiện tri thức thuyết 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là bất khả đắc; lại thuyết giữ gìn thiện căn, chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo, mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là bậc thiện tri thức của Bồ tát.

LUẬN:

Hỏi: Vì sao ngài Tu Bồ Đề khởi tâm nghi, và hỏi Phật “Bồ tát sơ phát tâm, khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật có kinh, có hãi, có sợ chướng”?

Đáp: Vì ngài nghe nói chẳng thật có Bồ tát, chẳng thật có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thật có 5 âm, nên sanh nghi vậy.

-o0o-

Phật dạy do nội ngoại nhân duyên chưa đầy đủ, nên Bồ tát sơ phát tâm mới sanh sợ hãi.

- Về nội nhân duyên, thì do chẳng có chánh ức niệm, do ở trong chúng sanh, mà chẳng có đại bi tâm, chẳng có các lực lượng phương tiện.

- Về ngoại nhân duyên, thì do chưa được nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có các bậc thiện tri thức chỉ bày cách đoạn nghi.

Do nội ngoại nhân duyên chưa đầy đủ như vậy, nên Bồ tát sơ phát tâm, khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, liền sanh tâm sợ hãi.

-o0o-

Khi ngài Tu Bồ Đề hỏi về các lực phương tiện, thì Phật dạy rằng “Bồ tát phải tương ưng với Nhất thiết chủng trí, và khi hành Phật sự phải quán hết thấy pháp đều là bất khả đắc”.

Hỏi: Trước đây nói Bồ tát có lực phương tiện, biết rõ sắc cùng hết thấy pháp là vô thường... nên chẳng có sợ hãi. Nay

vì sao nói Bồ tát quán các pháp đúng theo tâm Tát bà nhã, hướng về Nhất thiết chủng trí, nên chẳng sợ hãi?

Đáp: Trước đây nói trường hợp Bồ tát quán các pháp đều “không”, nhưng vì tâm còn thô trọng, nên đã khởi chấp về “không”. Nay nói về trường hợp Bồ tát ức tưởng quán phân biệt, ở trong chúng sanh mà khởi tâm đại bi, chẳng chấp hết thấy pháp, nên ở nơi trí huệ được vô sở đắc. Vì muốn độ chúng sanh, nên khi hành các pháp vô thường, khổ, vô ngã v.v... mà Bồ tát vẫn quán các pháp đó đều bất khả đắc. Lại vì muốn chúng sanh lìa chấp điên đảo, mà Bồ tát thuyết như vậy.

-o0o-

Tâm Bồ tát chẳng còn đắm chấp, nên chẳng còn thấy có pháp gì để trụ chấp cả. Như thầy thuốc chẩn mạch, bốc thuốc, chỉ nhằm chữa trị cho các bệnh nhân chóng lành bệnh. Khi bệnh nhân đã được hoàn toàn bình phục rồi thì chẳng còn bảo họ phải dùng thuốc nữa.

-o0o-

Nên biết pháp thí, tài thí mà chẳng thủ chấp, mới là Đàn Ba-la-mật.

Đàn Ba-la-mật cùng 5 Ba-la-mật kia chỉ là những phương thuốc hay, mà Bồ tát dùng để độ chúng sanh. Bồ tát phải xả bỏ các Ba-la-mật, dẫn đến phải xả bỏ 18 KHÔNG, mới thấy được sắc tức là không, không tức là sắc vậy. Vì sao? Vì từ trước đến nay, các pháp vốn tự tánh không.

-o0o-

Cũng nên biết bậc thiện tri thức của Bồ tát là người dùng trí huệ Bát nhã để hướng dẫn Bồ tát biết rõ các pháp vô thường, khổ, vô ngã, v.v... đều là bất khả đắc, rồi dạy Bồ tát hồi hướng công đức về Vô thượng bồ đề.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có các lực phương tiện?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu đã tùy theo ác tri thức rồi, thì khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, liền sanh tâm sợ hãi.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ly tâm Tát bà nhã, mà tu Bát nhã Ba-la-mật, rồi niệm được Bát nhã Ba-la-mật, và cũng niệm được 5 pháp Ba-la-mật kia.

Lại có Bồ tát, ly tâm Tát bà nhã, mà quán 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, quán nội không, ..., dẫn đến quán vô pháp hữu pháp không; rồi ở nơi các pháp không, dấy niệm đắc.

Lại có Bồ tát, ly tâm Tát bà nhã, mà tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp; rồi dấy niệm đắc.

Phải biết, đây là hạng Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có các lực phương tiện, nên khi nghe thuyết về Bát nhã Ba-la-mật liền sanh tâm sợ hãi.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói Bồ tát đã tùy theo ác tri thức rồi, thì nghe Bát nhã Ba-la-mật liền sanh sợ hãi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có ác tri thức dạy xa là Bát nhã Ba-la-mật, và xa là 5 Ba-la-mật kia.

Lại có ác tri thức dạy chẳng có ác ma, chẳng có ma sự.

Lại có ác tri thức, giả hiện thân Phật, đến dạy tu Bát nhã Ba-la-mật, dạy tu 5 Ba-la-mật kia.

Lại có ác tri thức, giả hiện thân Thanh Văn, dạy tu theo kinh Thanh Văn.

Lại có ác ma, giả hiện thân Phật, đến nói với người tu rằng “Ngươi chẳng có chân tâm, nên ngươi chẳng sao có thể có được Vô thượng bồ đề”.

Lại có ác ma đến nói với người tu rằng “Sắc là không, là vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là không, là vô ngã ..., nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là không, là vô ngã; 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là không, là vô ngã. Như vậy, ngươi còn cầu Vô thượng bồ đề làm gì nữa?”.

Lại có ác ma, giả hiện thân Bích Chi Phật, đến nói với người tu rằng “10 phương đều là không, trong đó chẳng có Bồ tát, chẳng có Thanh Văn”.

Lại có ác ma, giả hiện thân hòa thượng, đến bảo Bồ tát rời bỏ Bồ tát đạo, rời bỏ Nhất thiết chủng trí, rời bỏ 4 niệm xứ, rời bỏ 8 Thánh đạo, rời bỏ 6 pháp Ba-la-mật, rời bỏ 18 bất cộng pháp, rời bỏ luôn các tam muội không, vô tướng và vô tác và khuyên Bồ tát nên chứng 4 quả Thanh Văn.

Lại có ác ma giả hiện thân cha mẹ, đến nói với Bồ tát rằng “Con hãy nên tu chứng 4 quả Thanh Văn, còn quả Vô thượng bồ đề thì phải tu trong vô lượng a tăng kỳ

kiếp, phải ở trong các nẻo đường sanh tử, thọ vô lượng khổ đau, như bị chặt tay chân v.v...

Lại có ác ma giả hiện thân Tỷ-kheo, đến nói với Bồ tát rằng: “Các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã... đều là những pháp có thể được (hữu khả đắc) nhãn, ..., dẫn đến ý, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là những pháp có thể được cả.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Những ác ma hiện ra các ma sự trên đây đều là những ác tri thức của Bồ tát, người tu hành biết như vậy rồi, phải nên xa lìa các ác tri thức.

LUẬN:

Trước đây đã lược nói về sự tu mà chẳng có các lực phương tiện. Nay rộng nói về ảnh hưởng của sự tu chẳng có các lực phương tiện, khiến phải bị các ác ma cám dỗ.

Nơi đây nêu lên các trường hợp Bồ tát ly hết thấy trí tâm, tu 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến tu 18 bất cộng pháp mà còn niệm đắc, là Bồ tát tu mà chẳng có các lực phương tiện.

-o0o-

Người tu mà chẳng có các lực phương tiện rất dễ bị cám dỗ. Vì sao? Vì các ác tri thức có muôn ngàn phương kế để hại người tu hành.

Đây là đại ác nhân duyên, nên Phật phải vạch rõ các mưu mô thâm độc của ác tri thức, để người tu được rõ mà cảnh giác, nhằm xa lìa họ. Phật dạy cho Bồ tát thấy rõ các hành tướng mà ác tri thức thường dùng để làm cho Bồ tát thối tâm Đại thừa, như dạy Bồ tát xa lìa 6 pháp Ba-la-mật, xa lìa Bồ tát đạo... hoặc tán thán pháp Tiểu thừa v.v... Nếu người tu

mà chẳng có các lực phương tiện, thì chẳng có thể biết những sự việc như vậy, đều là ma sự cả.

Ma làm chủ cõi Dục, có thể lực lớn, lại thường ghét người hành đạo chân chánh. Phật và chư đại Bồ tát có oai đức tự tại, nên các ác ma chẳng thể hại được. Còn các tiểu Bồ tát, vì chưa có các lực phương tiện, nên thường bị các ác ma đến làm hại. Ví như:

- Có ác ma giả hiện thân Phật đến nói với Bồ tát rằng “Ngươi chẳng thể làm Phật được, ngươi nên biết các pháp đều rỗng không, 3 thừa đạo cũng rỗng không, nên ngươi cầu Phật đạo chỉ là danh suông”

- Có ác ma, giả hiện thân hòa thượng, hoặc thân cha mẹ, khuyên Bồ tát xa lìa Bồ tát đạo, và khuyên tu chứng 4 quả Thanh Văn.

- Có ác ma giả hiện thân Tỷ-kheo, đến dạy Bồ tát rằng “Tất cả các pháp đều là hữu sở đắc v.v...”.

Như vậy các ác tri thức có vô lượng mưu mô thâm độc để hại Bồ tát.

-o0o-

Ác tri thức còn nguy hại hơn cả giặc cướp.

Giặc cướp chỉ chiếm đoạt của cải, chỉ giết hại một thân, chỉ phá hoại một đời. Còn ác tri thức gây tác hại trong nhiều đời, nhiều kiếp.

Giặc cướp chỉ hại người cướp của, còn ác tri thức hại huệ căn và đoạt vô lượng Phật pháp bảo.

Người tu hành phải nên biết rõ như vậy, phải giữ gìn thân tâm và phải xa lìa các ác tri thức.

PHẨM THỨ MƯỜI HAI



Cú Nghĩa

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát cú nghĩa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vô cú nghĩa là Bồ tát cú nghĩa. Vì sao? Vì Vô thượng bồ đề chẳng có nghĩa xứ nên cú nghĩa là vô ngã. Bởi vậy nên nói “vô cú nghĩa” là Bồ tát cú nghĩa.

Này Tu Bồ Đề! Ví như chim bay giữa hư không chẳng để lại dấu vết, thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Ví như cảnh trong mộng, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ) thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Ví như huyễn chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Ví như Phật hóa chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Ví như pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Lại ví như 5 âm của người huyễn chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Lại ví như nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên

sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ v.v... của người huỷ chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Lại ví như người huỷ hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp chẳng có thật nghĩa, chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Lại ví như trong tánh hữu vi, chẳng có tánh vô vi, trong tánh vô vi chẳng có tánh hữu vi, thì “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ) như vậy.

Lại ví như bất sanh, bất diệt... đều chẳng có chỗ y xứ (vô sở hữu xứ), thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là vô sở hữu xứ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý ..., 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp v.v.. đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh nên đều là vô sở hữu xứ. Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như ở nơi tịnh tâm, ngã là bất khả đắc, là vô sở hữu xứ, dẫn đến trí giả, kiến giả đều là bất khả đắc, đều là vô sở hữu xứ. “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng là bất khả đắc, là vô sở hữu xứ như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như mặt trời mọc lên, chẳng còn chỗ tối tăm, thì “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cũng là vô sở hữu xứ như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như trong Phật giới chẳng có chỗ phá giới, thì “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng là vô sở hữu xứ như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như trong Phật định chẳng còn có chỗ loạn, trong trí huệ chẳng còn có chỗ ngu si, trong Phật giải thoát chẳng còn có chỗ không giải thoát, trong Phật giải thoát tri kiến chẳng còn có chỗ không giải thoát tri kiến thì “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng là vô sở hữu xứ như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như khi Phật phóng quang minh thì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng cũng như quang minh của chư Thiên chẳng có thể hiện ra được. “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật” cú nghĩa cũng là vô sở hữu xứ như vậy.

Vì sao? Vì ở nơi hết thấy pháp, Vô thượng bồ đề Bồ tát và Bồ tát cú nghĩa đều chẳng tập, chẳng tán, chẳng có hình, chẳng có sắc, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), cũng chính là chẳng có tướng (vô tướng) vậy.

Này Tu Bồ Đề! Được như vậy thì ở nơi hết thấy pháp đều vô ngại. Vô ngại tướng chính là nhất tướng, là vô tướng. Bồ tát phải nên học, nên biết như vậy.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây Phật và ngài Tu Bồ Đề đã phá Bồ tát danh tự. Nay vì sao lại nói về Bồ tát cú nghĩa?

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề phá Bồ tát danh tự. Phật chẳng trực tiếp phá, mà nói Bồ tát danh tự là rốt ráo không, chỉ do 5 âm hòa hợp nên giả danh có Bồ tát, có chúng sanh.

Chúng sanh lầm chấp cho rằng giả danh đó là thật có. Phật dạy rằng giả danh đó chẳng thật có, chỉ do các duyên hòa hợp nên có vậy thôi.

Ngài Tu Bồ Đề nương nơi Bồ tát danh tự là tánh không mà nói về Bát nhã Ba-la-mật tướng. Nay ngài muốn rõ thêm về Bồ tát cú nghĩa, nên mới thưa hỏi Phật.

Nên biết Phật có 60 thứ âm thanh, khiến hàng Trời, người đều thích nghe, và nếu đã được nghe, ắt được đại lợi ích. Ví như:

- Người chưa phát tâm Vô thượng bồ đề, nay khiến phát tâm Vô thượng bồ đề.

- Người chưa hành 6 pháp Ba-la-mật, nay khiến hành 6 pháp Ba-la-mật.

- Người chưa thanh tịnh, nay khiến được thanh tịnh.

- Người đã được thanh tịnh rồi, nay khiến được an trú trong bất thối chuyển địa, thành tựu chúng sanh, được đầy đủ thiện pháp, dẫn đến được Nhất sanh bồ xứ, đầy đủ các lợi ích nhân duyên.

Lại nữa, nhờ có ngài Tu Bồ Đề thưa hỏi mà Phật mới chứng duyên để nói pháp cho hết thảy thế giới trong khắp cả 10 phương, khiến chúng sanh ở khắp các thế giới cùng các chúng sanh trong hội đều được nghe.

-o0o-

Phật mật ý chỉ rõ về pháp “không”, khi nói với ngài Tu Bồ Đề rằng “vô cú nghĩa” là Bồ tát cú nghĩa. Vô thượng bồ đề là vô sở hữu xứ, pháp không là vô ngã, cho nên cũng chẳng có người được đạo

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Nếu ông biết Vô thượng bồ đề là vô ngã, chỗ đắc Vô thượng bồ đề cũng là vô ngã, thì A-la-hán và Bồ tát, ở nơi Vô thượng bồ đề cũng vô ngã, vô ngã sở. Ví như chim bay giữa hư không, chẳng để lại dấu vết, thì Bồ tát tu hành pháp không cũng là như vậy. Hư không chẳng có chỗ y chỉ, thì Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Bởi vậy nên nói vô cú nghĩa là Bồ tát cú nghĩa.

Hỏi: Thế nào là Bồ tát cú nghĩa?

Đáp: Bên Thiên Trúc lấy các mẫu tự ghép lại thành từ đơn, từ kép. Các từ hòa hợp ghép lại thành câu cũng gọi là cú.

Ví dụ khi hai từ ‘bồ’ và ‘đề’ được ghép lại thành bồ đề, thì có nghĩa là trí huệ vô thượng, nếu hai từ ấy chẳng ghép lại thì chẳng có nghĩa này.

Bồ tát cũng gọi là đại tâm, là trí huệ vô thượng. Do đại tâm mà phát nguyện muốn khiến hết thảy chúng sanh đều thành tựu đạo Vô thượng, nên gọi là Bồ đề tát đỏa.

Đây là do ghép hai từ kép ‘bồ đề’ và ‘tát đỏa’ lại với nhau mà thành nghĩa của Bồ đề tát đỏa.

Hỏi: Dùng dụ “chim bay chẳng lưu dấu vết” cũng đủ để cho thấy “Bồ tát cú nghĩa” là chẳng có thật nghĩa, là vô sở hữu xứ rồi. Như vậy, vì sao còn giải rộng thêm, còn nêu nhiều dụ nữa?

Đáp: Vì chúng sanh nghe pháp, mỗi người hiểu theo một cách, chẳng có đồng đều nhau:

- Có người thích nghĩa.

- Có người thích nghe thí dụ mới rõ nghĩa. Vì sao? Vì thí dụ có tác dụng tâm lý, khiến người nghe chăm chú hơn.

Lại nữa, khi thuyết giảng, có thể nêu lên nhiều thí dụ cùng nghĩa, để làm sáng tỏ vấn đề. Ví như nói như mộng, như huyễn, như hóa... để nhằm nêu lên nghĩa hư vọng, chẳng thật có. Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy, cũng là hư vọng, chẳng có thật nghĩa. Bồ tát biết rõ như vậy nên chẳng tự cao tự mãn.

Lại nữa, khi nói pháp như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế đều là không, thì các cú nghĩa đó cho thấy rõ hết thảy các

pháp hữu vi và vô vi đều là không. Chẳng có 5 âm, chẳng có chúng sanh, ..., dẫn đến chẳng có Phật pháp, chẳng có Bồ tát, chẳng có Phật.

Hết thấy pháp đều bình đẳng, đều bất sanh bất diệt. Vì chẳng có các tướng sanh diệt nên hết thấy các pháp chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng). Ví như có chấp 37 Phẩm trợ đạo, thì 37 Phẩm trợ đạo chẳng còn thanh tịnh nữa. Vì sao? Vì có chấp 37 Phẩm trợ đạo, là có sanh diệt sử, mà tướng thanh tịnh là bất khả đắc.

Hỏi: *Ngã, tri giả, kiến giả... có tướng thanh tịnh chăng?*

Đáp: Dùng mọi cách để tìm cầu ngã tướng thì ngã tướng cũng là bất khả đắc. Nơi đệ nhất nghĩa đế, thì ngã chẳng phải tịnh, cũng chẳng phải bất tịnh. Ví như, đem xác một con chó chết rửa thật sạch từ lông, da, thịt, xương, tủy, v.v... Khi đã rửa sạch hết rồi, thì sẽ chẳng phải là chó, mà cũng sẽ chẳng phải là gì hết. Bởi vậy nên chẳng thể nói xác chết con chó là tịnh hay là bất tịnh được.

Dẫn đến tri giả, kiến giả cũng đều là như vậy cả.

Nếu dùng “vô ngã trí huệ” mà tìm cầu, thì ngã tướng là bất khả đắc, nên là chẳng phải ngã, cũng chẳng phải chẳng ngã. Ví như mặt trời xuất hiện, thì bóng tối liền tan biến, ví như đến thời kiếp tận, thì chẳng còn có vật gì tồn tại cả, lại ví như nói Phật có 5 âm, nói trong giới có phá giới ... là chẳng thể được (bất khả đắc) vậy.

Lại nữa, ví như khi có ánh hào quang của Phật hiện ra, thì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng... cũng như ánh hào quang của chư Thiên đều chẳng thể hiện ra được.

Bồ tát cú nghĩa cũng là như vậy. Khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn hiện các tướng khác nữa.

Bởi vậy nên Bồ tát phải học hết thầy các pháp, mà đừng chấp các pháp tướng, phải biết rõ các pháp tướng đều là bất khả đắc.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói ở nơi hết thầy pháp, Bồ tát đều được vô ngại tương ưng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết hết thầy thiện pháp, bất thiện pháp, ký pháp, vô ký pháp, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu lậu pháp, vô lậu pháp, cộng pháp, bất cộng pháp... đều là bất khả đắc cả. Bởi vậy nên Bồ tát ở nơi hết thầy pháp đều được vô ngại tương ưng.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thế gian thiện pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thế gian thiện pháp là hiếu thuận với cha mẹ, cúng dường Sa môn và Bà-la-môn, kính trọng các bậc tôn trưởng, bố thí, trì giới, tu tịnh, khiến tu 10 thiện đạo... cùng vô lượng các pháp phương tiện nhằm sanh phước đức. Dẫn đến 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 9 tướng, 10 niệm... cũng đều là thế gian thiện pháp cả.

Bất thiện pháp là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, tà kiến v.v...

Nên biết thiện pháp và bất thiện pháp gọi là ký pháp. Còn thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, 4 đại, 5 ấm 12 nhập, 18 giới... là vô ký pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là thế gian pháp? 5 ấm 12

nhập, 18 giới, 10 thiện đạo, 10 bất thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... đều là thế gian pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là xuất thế gian pháp? 4 niệm xứ, 4 chánh căn, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 Thánh đạo. Không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn, vị tri dục tri căn, tri căn, dĩ tri căn, hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội, 8 bối xả, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 10 lực, 4 vô ngại trí, 4 vô sở úy, 18 bất cộng pháp, Nhất thiết chủng trí ... đều là xuất thế gian pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là hữu lậu pháp? 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, 6 chủng, 6 xúc, 6 thọ, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... đều là hữu lậu pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là vô lậu pháp? 4 niệm xứ, dẫn đến 18 bất cộng pháp, Nhất thiết chủng trí ... đều là vô lậu pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là hữu vi pháp? Các pháp có sanh, có trú, có diệt ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc đều là hữu vi pháp. Ví như 5 ấm dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp, Nhất thiết chủng trí v.v...

Này Tu Bồ Đề! Những gì là vô vi pháp? Các pháp bất sanh, bất trú, bất diệt là vô vi pháp. Ví như tham, sân, si, pháp như pháp tánh, pháp tướng, pháp vi, thật tế v.v...

Này Tu Bồ Đề! Những gì là cộng pháp? 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... đều là cộng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Những gì là bất cộng pháp? 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp, ... đều là bất cộng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết rõ các pháp là không, ở trong không mà chẳng chấp không. Vì sao? Vì nếu có khởi niệm chấp trước, thì đó là loạn động.

Bồ tát vào trong “bất nhị tướng môn”, nên được tâm bất động.

Đây là Bồ tát cú nghĩa vậy.

-o0o-

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao trước hết ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật về thế gian thiện pháp?*

Đáp: Trước hết phải biết rõ thế gian tướng rồi sau đó mới có thể biết rõ được xuất thế gian tướng.

Phải ở trong thế gian mới thấy được có nhân quả, có phước báo, có nghiệp tội, có đời này, có đời sau, có hiền Thánh, có Phật...

Thế gian thiện pháp dạy người phải hiếu thuận với cha mẹ, phải tôn kính các bậc tôn trưởng, cũng dạy người cúng dường các bậc Sa môn và Bà la môn, là những người tu phạm hạnh mà người thế gian khó có thể làm được, nên đáng được cúng dường.

Lại nữa, thế gian thiện pháp còn khuyên tu các phương tiện sanh phước đức, như 10 thiện đạo, bố thí, trì giới, thiền định, ... dẫn đến 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 9 tướng, 10 niệm v.v... cũng đều là thế gian thiện pháp. Nhờ được các thiện pháp mà người tu hành chế ngự được các ác tâm, khiến sanh được phước đức.

Trái với các thiện pháp là các bất thiện pháp.

Các oai nghi, công xảo, các biến hóa khởi từ thân và khẩu nghiệp, nhiếp về vô ký pháp.

Còn 5 ám thân nghiệp, chẳng phải là vô ký pháp, vì khi duyên diệt thì 5 ám cũng như hư không. Tuy nhiên, ở nơi thế gian pháp, thì 5 ám vẫn có thiện, có bất thiện, có vô ký.

Phàm phu tu các thiện pháp, nhưng chẳng có thể siêu xuất thế gian, nên thiện pháp của phàm phu chỉ được gọi là thế gian thiện pháp.

-o0o-

Xuất thế gian pháp gồm 37 Phẩm trợ đạo, 3 giải thoát môn (không, vô tướng và vô tác), 3 vô lậu căn (vị tri dục tri căn, tri căn và dĩ tri căn), hữu giác hữu quán tam muội, vô giác hữu quán tam muội, vô giác vô quán tam muội, 8 bối xả, 10 Phạt lục, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp.

-o0o-

Lại nữa, dùng chánh ức niệm mà quán thật tướng pháp, tùy thân pháp mà hành hết thấy thiện pháp thì gọi là đốn tu.

Như vậy là trước rộng nói về các pháp tu. Nay chỉ nói nhất tâm tu 4 niệm xứ là được đạo.

-o0o-

Phàm phu chẳng có thể tu 8 bối xả, 18 không, 10 lục, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp... vì đây là những pháp tu xuất thế gian. Phải có đầy đủ chánh niệm, chánh huệ và chánh tư duy mới tu được.

Tuy có phân biệt thể gian pháp và xuất thể gian pháp, nhưng ở đây chỉ đặc biệt nói về các hữu lậu pháp mà thôi.

Nên biết: 4 thiên, 4 vô sắc định... là hữu lậu pháp, còn 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là vô lậu pháp.

Lại cũng nên biết: Pháp có sanh, có trú, có diệt là hữu vi pháp, pháp bất sanh, bất trú, bất diệt là vô vi pháp.

4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, đều là vô lậu, vô vi pháp. Nhưng khi được dùng làm pháp tu, thì cũng là hữu vi pháp. Trái lại, khi chẳng còn tướng hữu vi nữa thì lại trở thành vô vi pháp.

Lại nữa, khi đã tổng phá 3 độc tham, sân, si, cùng các phiền não khác rồi, và đã tổng phá 5 ám rồi thì hết thấy các pháp tướng đều trở thành như thật pháp tướng, như thật pháp tánh, thật tế, và đều trở thành vô vi pháp cả.

Hỏi: *Sắc là hữu vi pháp, như như là vô vi pháp. Như vậy làm sao có thể nói: Sắc tức là như, như tức là sắc, sắc chẳng ly như, như chẳng ly sắc?*

Đáp: Phạm phu và chư Thánh nhìn sắc theo hai góc cạnh khác nhau:

- Phạm phu dùng nhục nhãn để nhìn sắc, nên khởi niệm tướng phân biệt các sắc tướng.

- Chư Thánh biết rõ thật tướng pháp, nên thấy sắc là như tướng, là Niết Bàn tướng.

-o0o-

Lại nữa, khi vào trong thiên định, thiên giả thấy rõ cộng xứ nơi các pháp, nên gọi 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc

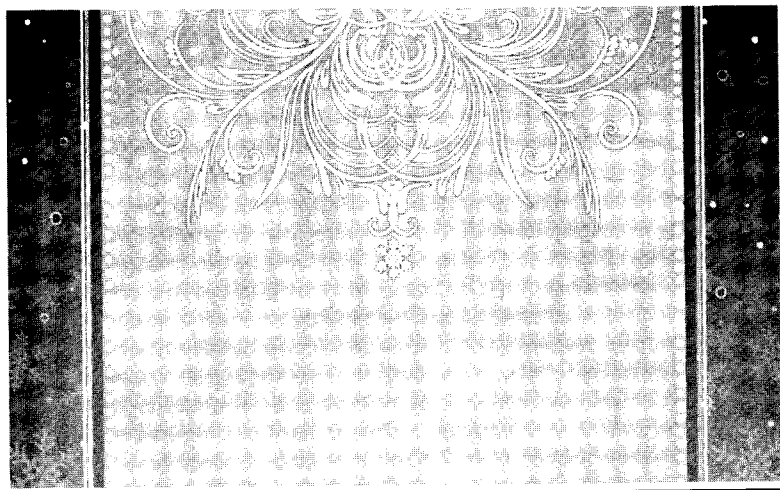
định v.v... là cộng pháp. Còn 4 niệm xứ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, thì gọi là bất cộng pháp.

Thế nhưng, bản thể của hết thảy các pháp đều là pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế cả.

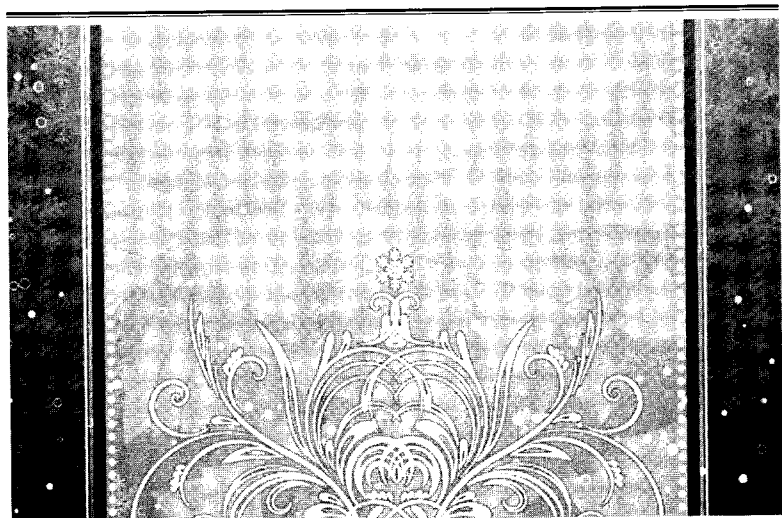
Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều là duyên sanh, nên đều là tự tánh không, là vô tánh vậy.

Bồ tát an trú nơi thật tướng pháp, được vô ngại, được bất động. Vì sao? Vì vào “bất nhị pháp môn” là vào được thật tướng pháp, là được vô vi bất động.

(Hết quyển 44)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 45



Phẩm Thứ Mười Ba



Kim Cang

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát được gọi là Bồ tát Ma ha tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ, nên được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, từ khi sơ phát tâm quyết ở trong chúng tu 4 quả Thanh Văn, tu quả Bích Chi Phật, dẫn đến vào được bất thối chuyển địa thì gọi là Bồ Tát Ma ha tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát có thể phát được đại quyết tâm như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát từ khi sơ phát tâm dẫn đến khi vào bất thối chuyển địa, chẳng sanh tâm sân si, chẳng sanh tâm phiền não, chẳng trú tâm Bích Chi Phật, nên phát được đại quyết tâm ở trong chúng làm bậc thượng thủ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phát đại tâm kiên cố bất hoại như kim cang, quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ.

Thế nào là đại tâm bất hoại như kim cương?

Này Tu Bồ Đề! Trải qua vô lượng đời, Bồ tát phát đại thế nguyện xả bỏ hết thấy các vật sở hữu của mình, bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, dạy chúng sanh tu 3 thừa pháp, dẫn dắt họ vào Vô dư Niết Bàn, dùng tâm Tát bà nhĩ để thật hành 6 pháp Ba-la-mật, dùng trí huệ để biết rõ thật tướng của hết thấy các pháp v.v...

Như vậy là Bồ tát phát đại tâm bất hoại như kim cương. An trú trong đại tâm ấy, Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường giữ tâm bất động.

Thế nào là tâm bất động?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thường niệm Nhất thiết chủng trí, mà chẳng hề dấy niệm mình có tâm bất động như vậy.

Như vậy là Bồ tát thường giữ tâm bất động. An trú trong tâm ấy, Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường sanh tâm làm việc lợi ích an lạc cho chúng sanh.

Thế nào là tâm làm lợi ích an lạc cho chúng sanh?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát sẵn sàng cứu độ hết thấy chúng sanh, chẳng rời bỏ chúng sanh, thường làm các việc lợi ích nhằm an lạc chúng sanh, mà chẳng dấy niệm mình có tâm lợi ích an lạc chúng sanh như vậy.

Như vậy là Bồ tát thường sanh tâm làm việc lợi ích an lạc cho chúng sanh. An trú trong tâm ấy, Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng tâm vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường phát tâm dục pháp, hỷ pháp và lạc pháp. Thế nào là tâm dục pháp, hỷ pháp và lạc pháp?

Này Tu Bồ Đề! Pháp nói đây chính là thật tướng pháp, nơi thật tướng pháp thường tin, thường nhẫn thọ, thì gọi là dục pháp và hỷ pháp. Khi tu hành thật tướng pháp mà thường vui, thì gọi là lạc pháp.

Như vậy, là Bồ tát thường phát tâm dục pháp, hỷ pháp và lạc pháp. An trú trong tâm ấy, Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát an trú trong nội không, ..., dẫn đến trong vô pháp hữu pháp không, an trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến trong 18 bất cộng pháp, quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát an trú trong Kim cang tam muội, ..., dẫn đến trong Ly chấp hư không bất nhiễm tam muội, cũng quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ. Vì dụng pháp vô sở đắc vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát dùng Vô sở đắc an trú trong hết thảy các pháp, mà quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là Bồ tát Ma ha tát.

LUẬN:

Hỏi: Nghĩa Ma ha tát là như thế nào?

Đáp: Ma ha là đại, là lớn.

Tát đỏa là chúng sanh.

Bồ tát Ma ha tát là bậc đại Bồ tát, tối tôn, tối trọng trong chúng sanh, phát tâm rộng lớn nguyện:

- Trên, cầu đạo Vô thượng.
- Dưới, hóa độ hết thảy chúng sanh.

-o0o-

Nên biết, chúng sanh có 3 hướng đi, đó là:

- Hạng chúng sanh có chánh định, quyết định vào Niết Bàn.
- Hạng chúng sanh có tà định, quyết định đọa vào 3 đường ác.
- Hạng chúng sanh bất định.

Ngoại trừ Phật ra, thì trong các loài chúng sanh, chư vị Bồ tát Ma ha tát là những bậc chánh định tối đại, xếp vào bậc nhất trong Thánh chúng. Thánh chúng nơi đây, bao gồm cả chư hiền Thánh và chư đại Bồ tát thập địa.

Vì Bồ tát tu thập địa nhiếp trong Thánh tánh, nên Thập địa cũng được gọi là Thánh địa.

-o0o-

Ví như đứa trẻ sanh trong gia đình quyền quý, tuy nay còn nhỏ, nhưng quyết định về sau sẽ thành tựu được đại sự nghiệp.

Lại, ví như tu theo Thanh Văn thừa, vào thời kỳ Kiến đạo, hành giả lần lượt tu 4 pháp là Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế đệ nhất. Do tinh ngộ, mà thấy được đạo, vào được kiến đạo. Do kiến đạo, mà vào được tu đạo, Do tu đạo, mà được vô học đạo, chứng các quả vị A-la-hán, hay quả vị Bích Chi Phật.

Bồ tát, khi đã được Vô sanh pháp nhẫn, tùy theo Vô thượng bồ đề mà phát tâm, thì gọi là chân phát tâm. Do biết rõ thật tướng các pháp, biết rõ tâm hành của chúng sanh, nên Bồ tát tận phá được các phiền não; lại do thường tùy theo Vô thượng bồ đề, nên Bồ tát chẳng còn khởi các tâm điên đảo. Bồ tát an trú trong Kim cang tâm, ra vào sanh tử để cứu độ chúng sanh, mãi cho đến khi được Vô thượng bồ đề, được thành Phật.

-o0o-

Có thuyết nói: Người tu, tuy còn nhiều kiết sử, nhưng nếu phát tâm đại bi thương xót chúng sanh, nguyện sẽ làm Phật để cứu độ chúng sanh, thì tuy còn ở trong phiền não, mà cũng đã xứng đáng được tôn quý, khiến các hàng Trời Người đều cung kính.

Có thuyết nói: Ví như vị Thái tử của vị Chuyển Luân Thánh Vương, tuy chưa lên ngôi, mà đã được thần dân tôn quý. Người phát tâm Bồ tát cũng như vậy, tuy còn ở trong phiền não, mà đã thắng hơn hàng Chư Thiên rồi.

Lại có thuyết nói: Bồ tát, tuy chưa được Vô thượng bồ đề, nhưng nếu đã được vô sanh pháp nhẫn, đã vào được bất thối chuyển địa, thì cũng được Phật thọ ký, nên cũng được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

-o0o-

Bồ tát Ma ha tát, ở trong chúng quyết định làm bậc thượng thủ, nên phát đại tâm thọ các khổ thay cho chúng sanh, mà được tâm bất động, kiên cố như Kim cang. Bồ tát được Kim cang tâm rồi, chẳng còn bị lay động bởi các phiền não, chẳng

còn tin thọ các ác pháp nữa. Nếu có ác ma đến đòi lấy đầu, tủy, não..., Bồ tát vẫn sẵn sàng cho hết. Nếu có bị mắng nhiếc, bị hành hung..., tâm Bồ tát cũng vẫn chẳng lay động. Tâm Bồ tát kiên cố như kim cương nên gọi là Kim cương tâm.

-oOo-

Phật nói về tướng của Kim cương tâm, khiến Bồ tát tự nghĩ rằng: Chẳng phải 1 tháng, 1 năm, 1 đời... mà đến vô lượng kiếp tu, ta vẫn phải phát đại thế trang nghiêm pháp thân. Ta nguyện:

1. Trải qua vô lượng kiếp, ta phải ở trong sanh tử, để làm lợi ích cho chúng sanh.

2. Ta phải xả hết thấy các vật quý của nội và ngoại thân ta.

3. Ta phải xem hết thấy chúng sanh bình đẳng; chẳng phân biệt thương ghét, bạn thù...

4. Ta phải ở trong 3 thừa đạo để độ chúng sanh vào Phật đạo.

5. Ta phải độ thoát hết thấy chúng sanh như vậy, mà vẫn chẳng thấy có chúng sanh nào được độ thoát cả.

6. Ta phải biết rõ hết thấy các pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, và đều bình đẳng tướng.

7. Ta phải đem tâm thanh tịnh, vô nhiễm, mà hành Bát nhã Ba-la-mật; rồi hồi hướng công đức về Vô thượng bồ đề.

8. Ta phải thông đạt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian.

9. Ta phải biết rõ hết thấy các pháp đều là nhất tướng, là vô tướng. Ta phải biết rõ hết thấy các pháp đều là không; phải xa lìa các ức tướng phân biệt.

10. Ta phải biết rõ 2 tướng, ..., dẫn đến vô lượng tướng đều là bình đẳng, vô phân biệt. Ta phải thông đạt hết thảy các pháp môn, từ 2 môn (như: Hữu-vô, sanh-diệt, sắc-vô sắc), 3 môn (như: Thiện - ác - vô ký...) dẫn đến vô lượng môn. Ta phải diệt sạch các phiền não, diệt sạch các nghiệp quả báo, khiến hết thảy các chương ngại đều tán hoại.

Như kim cang có công năng phá tan hết thảy các vật, mà bản chất của kim cang lại kiên cố, bất hoại; Bồ tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ, mà vẫn ở nơi bất khả đắc không, vẫn thường giữ tâm kiên cố, bất động như kim cang.

Nếu Bồ tát đã phát đạt tâm như vậy, mà còn sanh kiêu mạn, thì nghiệp tội sẽ lớn vô cùng. Vì sao? Vì đối với Bồ tát, thì hết thảy các pháp đều là bất khả đắc. Bồ tát, ở nơi vô sở đắc, thấy các pháp đều là như mộng, như huyễn, như hóa; chẳng thấy có pháp nào có định hướng cả.

Tâm Bồ tát kiên cố như kim cang, nên dù vào trong ác đạo, mà vẫn cam chịu các khổ, miễn sao độ thoát chúng sanh ra khỏi các ác đạo, để rồi dạy họ tu tập các thiện pháp, dẫn dắt họ vào Niết Bàn an lạc. Bồ tát cứu độ các chúng sanh như vậy, rồi vì chúng sanh mà tu tập các công đức, dù trải qua vô lượng kiếp cũng chẳng hề thối tâm, mãi cho đến khi thành tựu quả Vô thượng bồ đề.

Bồ tát nguyện thay chúng sanh chịu khổ, nên dù phải trải qua vô lượng kiếp trong các nẻo đường sanh tử, mà tâm Bồ tát chẳng hề thối thất; gánh vác cả 3.000 thế giới, mà tâm vẫn chẳng lay động.

Tâm Bồ tát kiên cố bất động như vậy, nên gọi là Kim cang tâm.

Bồ tát ở trong chúng sanh mà vẫn giữ tâm bình đẳng,

chẳng sanh dục nhiễm. Vì sao? Vì nếu móng tâm thương ghét, phân biệt, thiên vị, thì liền bị giặc ái phá hoại tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng là gốc của Phật đạo vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường hành từ bi tâm, nên chẳng có sanh sân tâm. Lại thường quán hết thấy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, mà tự tánh vốn là không, nên chẳng sanh si tâm; lại thường ái niệm chúng sanh, nên chẳng sanh não tâm; lại thường chẳng xả chúng sanh, thường tôn quý Phật đạo, nên chẳng sanh Nhị thừa tâm.

Hỏi: *Nói tâm kiên cố như kim cương là đủ rồi. Như vậy còn nói tâm bất động làm gì nữa?*

Đáp: Tâm kiên cố cũng có thể nhiều ít, tăng giảm. Cây lớn còn có thể bị gió lay động; nếu tâm Bồ tát chưa thật sự kiên cố, thì vẫn có thể bị các nội ngoại duyên làm chao động. Vì sao? Vì hễ còn có tà kiến, còn có nghi kiến..., thì tâm vẫn còn bị chao động. Bởi vậy nên phải có thật trí tuệ, mới có thể được tâm kiên cố, bất động được vậy.

Lại nữa, Bồ tát, vì lợi ích chúng sanh, thường chẳng xả chúng sanh nên thường được tâm an lạc. Trú trong tâm ấy, mà Bồ tát chẳng chấp tâm ấy. Vì sao? Vì đối với Bồ tát, thì lạc pháp là hơn hết. Thế nhưng chẳng phải vì vậy, mà phá hoại các pháp tướng, nên Bồ tát chẳng thấy có pháp để chấp, chẳng thấy có pháp để thọ. Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, biết rõ vô sở đắc là tướng Niết Bàn. Bồ tát thường tin thọ 3 giải thoát môn, nên thường được lạc pháp.

Lại nữa, Bồ tát an trú trong 18 không, chẳng tùy ý hành, nên chẳng khởi sanh nghiệp tội; an trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, diệt các phiền não, tu tập các thiện pháp, nên thường ở trong đại chúng làm bậc thượng thủ.

Bồ tát vào Kim cương tam muội được bình đẳng tâm, được an lạc hạnh, khiến tăng trưởng thiện căn, được đầy đủ trí huệ.

Do có đầy đủ các lực phương tiện như vậy, nên Bồ tát quyết định ở trong Thánh chúng thường làm bậc thượng thủ.

Bởi các nhân duyên vậy, nên gọi là Bồ tát Ma ha tát.

-o0o-

Phẩm Thứ Mười Bốn



Đoạn Chư Kiến (Đoạn Trừ Các Kiến)

KINH:

Lúc bấy giờ ngài huệ mạng Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn được nói về chỗ sở hành của Bồ tát Ma ha tát.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Ông hãy cứ nói đi.

Ngài Xá Lợi Phát thưa: Bạch Thế Tôn! Theo chỗ con nghĩ, thì Bồ tát phải đoạn sắc kiến, ..., dẫn đến đến thức kiến, ngã kiến, mạng kiến, sanh kiến, dưỡng dục kiến, nhân kiến, tác kiến, sử tác kiến, khởi kiến, sử khởi kiến, thọ kiến, sử thọ kiến, tri giả kiến, kiến giải kiến, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến, ám kiến, nhập kiến, giới kiến, đế kiến, nhân duyên kiến, niệm xứ kiến, ..., dẫn đến bất cộng pháp kiến, Phật đạo kiến, thành tựu chúng sanh kiến, tịnh Phật độ kiến, Phật kiến, chuyển pháp luân kiến.

Bồ tát phải đoạn sạch hết thấy các kiến, mới có thể vì người thuyết pháp, mới có thể được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Xá Lợi Phát: Vì nhân duyên gì mà ngài nói sắc kiến là vọng kiến; thọ, tướng, hành, thức kiến, ..., dẫn đến chuyển pháp luân kiến đều là vọng kiến?

Ngài Xá Lợi Phát đáp: Nếu Bồ tát chẳng có các lực phương tiện, thì ở nơi sắc sẽ sanh kiến chấp; ở nơi thọ,

tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến ở nơi chuyển pháp luân cũng sẽ sanh kiến chấp. Vì sao? Vì dụng pháp hữu sở đắc vậy.

Trái lại, nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà có đầy đủ các lực phương tiện, thì sẽ đoạn được các lưới chấp. Vì sao? Vì đó là dụng pháp vô sở đắc vậy. Do Bồ tát ở nơi vô sở đắc, mà thuyết pháp, nên được vô ngại thuyết.

LUẬN:

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Phật dẫn 500 đệ tử đến hồ A Nậu Đạt thuyết về các bản nguyện nhân duyên, khiến tự thân Phật được viễn ly lạc.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất vắng mặt ở chúng hội. Phật bảo ngài Mục Kiền Liên đi mời ngài Xá Lợi Phất về.

Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông đến tịnh xá Kỳ Hoàn để gặp Ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất đang may y, nói với ngài Mục Kiền Liên chờ ngài may y xong, rồi sẽ đi. Ngài Mục Kiền Liên hỏi thúc phải đi gấp, nhưng thấy y may chưa xong, nên bèn lấy tay xoa lên chiếc y, khiến chiếc y liền được hoàn thành.

Ngài Xá Lợi Phất thấy ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông, bèn thả một sợi chỉ xuống đất, rồi nhờ ngài Mục Kiền Liên lấy lên dùm. Ngài Mục Kiền Liên dùng cả hai tay kéo sợi chỉ, mà sợi chỉ vẫn cứ ở tại chỗ. Tức thì ngài Mục Kiền Liên liền nhập vào định, đập tay xuống đất, khiến mặt đất liền rung động, nhưng sợi chỉ vẫn ở yên vị trí cũ.

Lúc bấy giờ ở nơi hồ A Nậu Đạt, ngài Kiều-trần-như hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà mặt đất rung động?”.

Phật dạy: “Ông Mục Kiền Liên dùng cả hai tay để kéo sợi chỉ của ông Xá Lợi Phất, mà chẳng sao kéo lên được. Ông

bèn nhập định, đập tay xuống đất, khiến mặt đất rung động, mà vẫn chẳng sao kéo sợi chỉ lên được”. Rồi Phật dạy: “Này các Tỷ-kheo! Ông Xá Lợi Phất nhập định mà ông Mục Kiền Liên còn chẳng biết được đó là định gì. Cũng vậy, khi Phật nhập định, ông Xá Lợi Phất cũng chẳng biết được Phật vào định gì. Trí huệ của Phật thâm diệu, đến như ông Xá Lợi Phất cũng chẳng sao lường được”.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên Ngài Xá Lợi Phất chẳng muốn phô bày trí huệ cao rộng của mình, mà chỉ muốn theo Phật chuyên pháp luân. Ngài muốn nói lên chỗ hành của chư Bồ tát Ma ha tát, để Phật vịn vào đó giảng rộng thêm về nghĩa Ma ha tát.

-o0o-

Chư đại Bồ tát, từ vô lượng kiếp, đã phát Bồ đề tâm, lại có đại bi tâm, đã tận trừ phiền não, đã diệt sạch các tập khí, đã đoạn hết ái kiết rồi. Cho nên khi các ngài vừa nghe ngài Xá Lợi Phất nhắc đến sắc kiến, ngã kiến, thọ kiến, mạng kiến, ..., dẫn đến Phật kiến, chuyên pháp luân kiến, là các ngài liền đoạn ngay được các kiến chấp câu sanh, đã có từ đời vô thi đến nay.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ “tu 5 âm, ..., dẫn đến tu các Phật pháp cũng đều là Bồ tát hạnh cả”, nên mới hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng: “Vì sao Bồ tát phải đoạn các kiến?”.

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-

mật mà chẳng có các lực phương tiện, thì khi quán sắc liền thủ sắc tướng, khởi sanh sắc kiến. Như vậy là vọng kiến.

Trái lại, nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà có các lực phương tiện, thì khi quán sắc chẳng thủ sắc tướng, chẳng khởi sanh sắc kiến. Như vậy là chân kiến.

Đối với các tà kiến chấp khác cũng đều là như vậy cả.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn nói thêm về nghĩa Ma ha tát...

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông hãy cứ nói đi.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Vô thượng bồ đề tâm, vô đẳng đẳng tâm chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm. Vì sao? Vì chư đại Bồ tát dụng tâm ấy, chẳng chấp hết thấy trí tâm vô lậu, nên chẳng bị hết thấy trí tâm vô lậu trói buộc. Bởi vậy nên được gọi là Bồ tát Ma ha tát.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Vì sao vô đẳng tâm của chư đại Bồ tát chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát Ma ha tát từ khi sơ phát tâm chẳng thấy các pháp có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh. Do vì chẳng thấy các pháp có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh, nên chẳng thấy trong đó có Thanh Văn tâm, có Bích Chi Phật tâm, có Vô thượng bồ đề tâm, có Phật tâm. Bởi vậy nên vô đẳng đẳng tâm của Bồ tát chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Đúng như lời ngài nói. Bồ tát Ma ha tát chẳng chấp hết thấy trí tâm vô lậu; chẳng chấp sắc, chẳng chấp thọ, tưởng, hành, thức; chẳng chấp 4 niệm xứ, ..., dẫn đến chẳng chấp 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì Bồ tát nói đến tâm, mà chẳng chấp tâm.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng vậy, đúng vậy. Bồ tát chẳng chấp sắc, ..., dẫn đến chẳng chấp 18 bất cộng pháp.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Tâm phàm phu cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không. Thanh Văn tâm, Bích Chi Phật tâm, dẫn đến Phật tâm cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng vậy, đúng vậy.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Sắc cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không. Thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng vô lậu, chẳng có trói buộc, vì là tánh không.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng như lời ngài nói, sắc, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp đều vô lậu, chẳng có trói buộc, vì đều là tánh không.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Vì sắc là không, nên chẳng nên chấp trước. Vì thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là không, nên chẳng chấp trước. Vì 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là không, nên chẳng nên chấp trước.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng vậy, đúng vậy. Bồ tát Ma ha tát dụng Vô thượng bồ đề tâm, vô đẳng đẳng tâm hành Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm. Bồ tát Ma ha tát dụng

tâm như vậy, mà cũng chẳng có chấp tâm, vì dụng pháp vô sở hữu vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là Bồ tát Ma ha tát.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề dụng vô đẳng đẳng tâm, mà chẳng chấp tâm ấy, nên biết rõ các pháp đều chẳng có định tướng, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh. Vì sao? Vì tâm đã là rốt ráo không, thì chẳng còn sanh các tướng tâm, nên là rốt ráo thanh tịnh. Do vậy mà Bồ tát Ma ha tát chẳng còn thấy có Thanh Văn tâm, Bích Chi Phật tâm, dẫn đến chẳng còn thấy có Bồ tát tâm, Phật tâm. Bồ tát Ma ha tát dụng vô đẳng đẳng tâm như vậy, nên chẳng đồng với Thanh Văn và Bích Chi Phật.

-o0o-

Thế nhưng, chẳng phải vì được hết thảy trí tâm vô lậu, mà Bồ tát sanh cao tâm. Vì sao? Vì biết rõ rằng Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng như phàm phu, khi đã ly được các chấp, thì cũng đều được tâm vô lậu.

Vì sao? Vì đều là tánh không cả. Đã là tánh không, thì đều là rốt ráo thanh tịnh cả. Ví như mây mù có thể che ánh sáng mặt trời, mặt trăng, mà chẳng có thể làm ô nhiễm mặt trời, mặt trăng được vậy.

Lại nữa, thật tướng của phiền não cũng là tánh không, cùng với tướng tâm chẳng có gì sai khác cả. Có khác chăng, là ở chỗ phàm phu, do vọng chấp, mà thấy có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh...; trái lại chư Thánh hiền, do tu vô tướng trí huệ, nên chẳng khởi tâm phân biệt nữa.

Chỉ vì thương xót chúng sanh, mà chư Bồ tát, chư Thánh

hiền hành các pháp, nhưng vẫn thường giữ tâm vô sở trước. Cho nên, phải biết rằng chẳng phải chỉ có tâm các bậc Thánh là vô lậu, chẳng trói buộc, mà tâm phàm phu, khi chẳng còn bị các nghiệp dẫn nữa, thì cũng là vô lậu, chẳng có trói buộc. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy cả.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất nói rằng: Tâm chẳng có tướng (vô tướng), là không.

Bởi vậy nên Bồ tát chẳng chấp 5 ấm, dẫn đến chẳng chấp hết thấy các pháp, vì biết rõ hết thấy đều là tự tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề tán thán ngài Xá Lợi Phất, và nói rằng Bồ tát quán hết thấy các pháp đều là không, là bất khả đắc, là rốt ráo thanh tịnh.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Vô thượng bồ đề tâm, vô đẳng đẳng tâm của Bồ tát chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm. Lại nữa, khi dụng tâm ấy, mà chẳng niệm, chẳng chấp, mới mau đến được Vô thượng bồ đề.

-o0o-

Phẩm Thứ Mười Lăm



Phú Lô Na

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn nói thêm về nghĩa Ma ha tát.

Phật dạy: Này Phú Lô Na! Ông hãy cứ nói đi.

Ngài Phú Lô Na thưa: Bồ tát Ma ha tát là Bồ tát:

- Phát đại thế trang nghiêm.
- Phát thú Đại thừa.
- Thừa Đại thừa.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là phát đại thế trang nghiêm?

Ngài Phú Lô Na đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát trú Đàn Ba-la-mật, mà chẳng phân biệt có hành Đàn Ba-la-mật; chỉ vì hết thấy chúng sanh mà trú Đàn Ba-la-mật ... dẫn đến trú Bát nhã Ba la mật, mà chẳng phân biệt có hành Bát nhã Ba la mật; chỉ vì chúng sanh mà trú Bát nhã Ba la mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành 6 pháp Ba la mật, phát đại thế trang nghiêm.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm chẳng có hạn cuộc trong một số giới

hạn chúng sanh. Bồ tát Ma ha tát tự nguyện ở khắp các cõi, trong khắp các loài, để độ thoát hết thấy chúng sanh; nghĩ rằng “Khi ta hành 6 pháp Ba la mật, đúng theo tâm Tát bà nhã, ta phải nguyện cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề”.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành 6 pháp Ba la mật, phát đại thệ trang nghiêm.

* Thế nào là hành Đàn Ba-la-mật đại thệ trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Khi hành bố thí, Bồ tát được bao nhiêu công đức cũng đều cùng với hết thấy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề cả. Đây là đại thệ trang nghiêm Đàn Ba-la-mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường trì giới thanh tịnh, chẳng hướng đến quả Thanh Văn và quả Bích chi Phật. Đây là đại thệ trang nghiêm Thi la ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường tín nhẫn nơi pháp bố thí. Đây là đại thệ trang nghiêm Săn đề ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường siêng năng, tinh tấn, chẳng hề ngưng nghỉ. Đây là đại thệ trang nghiêm Tỳ lê gia ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường nhiếp tâm, chẳng để móng tâm Thanh Văn và Bích chi Phật. Đây là đại thệ trang nghiêm Thiên na ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

- Khi hành bố thí, Bồ tát thường quán các pháp như huyễn, chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật thí,

cũng chẳng thấy có người thọ thí. Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát, y theo Tát bà nhã tâm, được đầy đủ cả 6 Ba la mật, khi hành Đàn Ba-la-mật, mà chẳng có chấp, chẳng có đắc các tướng Ba la mật, nên gọi là hành Đàn Ba-la-mật đại thế trang nghiêm.

* Thế nào hành Thi Ba la mật đại thế trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Khi trì giới, Bồ tát dụng tâm bố thí, đem công đức trì giới để cùng với hết thảy chúng sanh, đồng thời hướng về Vô thượng bồ đề. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật, khi hành Thi la ba la mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thường tín nhẫn nơi pháp trì giới. Đây là đại thế trang nghiêm Săn đề ba la mật, khi hành Thi ba la mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thường siêng năng, tinh tấn, chẳng hề ngưng nghỉ. Đây là đại thế trang nghiêm Tỳ lê gia ba la mật, khi hành Thi la ba la mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thường nhiếp tâm, chẳng để mộng tâm Thanh Văn và Bích chi Phật. Đây là đại thế nguyện trang nghiêm Thiên na ba la mật, khi hành Thi la ba la mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thường quán các pháp như huyễn, chẳng chấp có hành trì giới, chẳng niệm có 6 pháp Ba la mật, vì dụng pháp vô sở đắc vậy. Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba-la-mật, khi hành Thi la ba la mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm hành Thi la ba la mật mà nhiếp cả 5 Ba la mật kia, nên gọi là hành Thi la ba la mật đại thế trang nghiêm.

* Thế nào là hành Săn đề ba la mật đại thế trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát dụng tâm bố thí, đem công đức nhẫn nhục để cùng với hết thảy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật khi hành Săn đề ba la mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát thường trì giới thanh tịnh, chẳng hướng đến quả Thanh Văn và quả Bích Chi Phật. Đây là đại thế trang nghiêm Thi la Ba-la-mật, khi hành Săn đề Ba-la-mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát siêng năng tinh tấn, chẳng hề ngưng nghỉ. Đây là đại thế trang nghiêm Tỳ lê gia Ba-la-mật, khi hành Săn đề ba la mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát thường nhiếp tâm cho nên dù phải chịu đau khổ cũng giữ tâm bất động, chẳng có bị tán loạn. Đây là đại thế trang nghiêm Thiên na Ba-la-mật, khi hành Săn đề Ba-la-mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát thường quán các pháp là không, chẳng có tác giả, chẳng có thọ giả, cho nên dù có bị người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém, cũng vẫn xem các pháp đó đều như mộng, như huyễn. Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba la mật, khi hành Săn đề ba la mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm hành Săn đề ba la mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên gọi là hành Săn đề ba la mật đại thế trang nghiêm.

* Thế nào là hành Tỳ lê gia ba la mật đại thế trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát vẫn thường hành bố thí, chẳng để thân tâm giải đãi. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát thường trì giới thanh tịnh đầy đủ, chẳng hề thối tâm Đại thừa. Đây là đại thế trang nghiêm Thi la ba la mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát hành nhẫn nhục đầy đủ, thân tâm cam chịu mọi khổ đau. Đây là đại thế trang nghiêm Săn đề ba la mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát vẫn nhiếp tâm bất động vào các thiền định. Đây là đại thế trang nghiêm Thiền na ba la mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

- Khi hành tinh tấn, Bồ tát chẳng chấp các pháp, chẳng chấp các pháp tướng, cũng chẳng chấp danh tướng. Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba-la-mật, khi hành Tỳ lê gia ba la mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm, hành Tỳ lê gia ba la mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên gọi là hành Tỳ lê gia ba la mật đại thế trang nghiêm.

* Thế nào là hành Thiền na ba la mật đại thế trang nghiêm, đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Khi hành thiền, Bồ tát vẫn định tâm hành bố thí, chẳng để thân tâm tán loạn. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật khi hành Thiền na ba la mật.

- Khi hành thiền, Bồ tát vẫn thường trì giới thanh tịnh, lại dùng sức thiền định ngăn chặn các pháp phá giới, khiến các pháp ấy chẳng xen vào được. Đây là đại thế trang nghiêm Thi Ba-la-mật, khi hành Thiền na Ba-la-mật.

- Khi hành thiên, Bồ tát dùng sức từ bi tam muội, nhẫn thọ mọi sự khổ đau. Đây là đại thế trang nghiêm Sẵn đề Ba-la-mật, khi hành Thiên na Ba-la-mật.

- Khi hành thiên, Bồ tát chẳng chấp đắm các thiên vị, cần cầu thăng tiến lần lượt vào các thiên vị. Đây là đại thế trang nghiêm Tỳ lê gia Ba-la-mật, khi hành Thiên na Ba-la-mật.

- Khi hành thiên, Bồ tát chẳng y nơi các pháp, chẳng tùy theo thiên mà sanh các thiên cảnh, Đây là đại thế trang nghiêm Bát nhã Ba-la-mật, khi hành Thiên na Ba-la-mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm hành Thiên na Ba-la-mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên gọi là hành Thiên na Ba-la-mật đại thế trang nghiêm.

* Thế nào là hành Bát nhã Ba-la-mật đại thế trang nghiêm đúng theo Tát bà nhã tâm?

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã khi bố thí, sẵn sàng xả bỏ nội ngoại vật sở hữu của mình, chẳng hề luyến tiếc, cũng chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật thí, chẳng thấy có người thọ thí. Đây là đại thế trang nghiêm Đàn Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã khi trì giới, dùng trí quán chiếu nên chẳng thấy có phân biệt giữa trì giới và phá giới. Đây là đại thế trang nghiêm Thi la Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã, quán chiếu các pháp đều là không, nên chẳng thấy có người đến mắng nhiếc, đánh đập, sát hại mình, cũng chẳng thấy có các pháp

nhấn nhục. Đây là đại thế trang nghiêm Sấn đề Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã quán chiếu các pháp đều là không nên được tự tại khởi đại bi tâm, tinh cần hành các thiện pháp. Đây là đại thế trang nghiêm Tỳ lê gia Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã mà nhập vào các thiền định, quán các thiền định đều là ly tướng, là vô tướng tướng, và vô tác tướng. Đây là đại thế trang nghiêm Thiên na Ba-la-mật, khi hành Bát nhã Ba-la-mật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như vậy là Bồ tát y theo Tát bà nhã tâm, hành Bát nhã Ba-la-mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật đại thế trang nghiêm.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát đại thế trang nghiêm như vậy được chư Phật khắp 10 phương hoan hỷ xưng danh và tán thán giữa đại chúng rằng “Ở cõi nước đó có vị Bồ tát phát đại thế trang nghiêm, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ”.

LUẬN:

Ngài Phú Lô Na là vị đệ nhất pháp sư trong hàng đại đệ tử của Phật. Sau khi nghe hai ngài Tu Bồ Đề và Xá Lợi Phất nói về nghĩa Ma ha tát, và đều được Phật ca ngợi, ngài bèn bạch Phật xin được nói tiếp về nghĩa Ma ha tát. Phật liền chấp thuận.

Hỏi: Ngài Tu Bồ Đề là vị chủ thuyết về Bát nhã Ba-la-mật trong chúng hội, nên ngài Xá Lợi Phất mới phải hỏi. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất còn phải hỏi ngài Phú Lô Na nữa?

Đáp: Nên biết rằng ngài Xá Lợi Phất và ngài Phú Lô

Na trước kia đều là Bà-la-môn. Cả hai ngài đều được đặt tên theo tên của mẹ. Ngài Xá Lợi Phất được gọi là Xá Lợi tử, còn ngài Phú Lô Na được gọi là Di Đa La Ni tử.

Cả hai vị đều là đại đệ tử của Phật. Ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, còn ngài Phú Lô Na là bậc thuyết pháp đệ nhất. Cả hai vị đều có biện tài vô ngại, làm cho người nghe pháp say mê tín thọ.

Bởi vậy chúng hội tôn kính hai ngài bình đẳng như nhau.

Lại nữa, trong kinh “*Thí Dụ 7 xe*” có cho biết là ngài Phú Lô Na rất thân thiết và rất muốn luận nghị với ngài Xá Lợi Phất.

Riêng đôi với ngài Tu Bồ Đề thì ngài Phú Lô Na có rất ít dịp để luận nghị. Nay nhân dịp ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, ngài Phú Lô Na muốn tham gia luận nghị nên ngài mới xin Phật cho phép ngài bàn luận thêm về nghĩa Ma ha tát.

Hỏi: *Đại trang nghiêm có nghĩa như là người đi đường xa phải gánh nặng lương thực theo mình chăng?*

Đáp: Vị chủ tướng muốn chống phá quân giặc, phải chuẩn bị đầy đủ binh lính và khí giới, cũng như vậy, Bồ tát Ma ha tát muốn đánh phá ma quân, dẹp giặc phiền não, phải hành 6 pháp Ba-la-mật, để tự trang nghiêm.

Bồ tát trong vô lượng kiếp đã tu tập các công đức trí huệ để làm hành trang vào Phật đạo, nên mới cỡi cỗ xe Đại thừa, hành 6 Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng hành đạo, mà lại chẳng được gọi là đại thế trang nghiêm?*

Đáp: Nhị thừa tâm có hạn lượng, vì còn có chúng, có đắc, lại nặng về phần tự độ, nhẹ về phần tha độ.

Đối với Bồ tát thì tự độ và tha độ đều bình đẳng như nhau, chẳng có gì phân biệt cả. Bồ tát Ma ha tát tự trang nghiêm bằng cách dùng cỗ xe Đại thừa đưa hết thầy chúng sanh vào Phật đạo, bình đẳng như nhau. Bồ tát Ma ha tát tự trang nghiêm là để trang nghiêm Phật độ, nên thường hành 6 pháp Ba-la-mật, và cũng dìu dắt chúng sanh cùng hành 6 pháp Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm?*

Đáp: Vì muốn độ hết thầy chúng sanh, muốn cùng với hết thầy chúng sanh đồng đến Vô thượng bồ đề, nên Bồ tát Ma ha tát tu 6 pháp Ba-la-mật.

Như ngài Phú Lô Na nói: Bồ tát vì hết thầy trí huệ mà tu tập các công đức, để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng Vô thượng bồ đề. Bồ tát chẳng mong cầu phước báo nhân thiên, mà chỉ phát đại nguyện cùng với hết thầy chúng sanh, đồng đến Niết Bàn an lạc, đồng thành Phật đạo. Như vậy là đại thế trang nghiêm.

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát chẳng tham đắm thân thông, mà chỉ nhất tâm hành Phật đạo, cho nên dù bị người đến mắng nhiếc, đánh đập, hay đến đe dọa giết chết, Bồ tát vẫn nhẫn thọ, vẫn an nhiên tự tại hành bố thí, nhẫn nhục, cùng các pháp Ba-la-mật khác. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp đều là rớt ráo không, nên trước mọi sự đe dọa, áp bức... cũng vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề nao núng. Vì Bồ tát biết rõ các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, mà tự tánh vốn là không, biết rõ các pháp đều như huyễn, như hóa, nên thường nhất tâm, niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, thường nhập vào các

thiền định. Lại vì Bồ tát cầu Nhất thiết chủng trí, nên tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng chấp Ba-la-mật tướng. Như vậy ở nơi một Ba-la-mật, mà nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia, nên được gọi là đại trang nghiêm.

-o0o-

Trong các kinh có nói nhiều về bố thí Ba-la-mật, nhưng vì nghĩa lý của Ba-la-mật này quá thậm thâm, xưa nay ít có ai thấu triệt được, nên nay khai luận để giải rõ hơn về nghĩa lý của bố thí Ba-la-mật, cũng như về nghĩa lý của 5 Ba-la-mật kia.

Hỏi: *Vì sao nói Đàn Ba-la-mật nhiếp luôn cả 5 Ba-la-mật kia?*

Đáp: Nói 1 Ba-la-mật nhiếp luôn cả 5 Ba-la-mật kia cũng chẳng có lỗi gì. Vì sao? Vì chẳng phải ở trong một đời mà Bồ tát có thể hành đầy đủ cả 6 Ba-la-mật, mà phải trải qua vô lượng kiếp, tu tập vô lượng công đức hòa hợp, mới được đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật.

Khi hành 1 Ba-la-mật, thì cả 5 Ba-la-mật kia cũng đồng sanh.

Lại nữa, chư Phật trong khắp 10 phương, khi thuyết pháp thường lấy bố thí làm cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo.

Trong kinh thường dạy rằng, bố thí và trì giới được phước đức sanh lên cõi trời.

Hỏi: *Vì sao nói bố thí là cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo?*

Đáp: Vì đem pháp môn bố thí dạy cho chúng sanh, thì từ lớn đến nhỏ, từ sang đến hèn v.v... ai cũng đều có thể tu được cả.

Ví như nói:

- Bồ thí cho người ghét mình sẽ làm cho sự oán hận của họ tiêu tan, biến ác thành thiện, biến thù thành bạn.

- Do hành bồ thí Ba-la-mật mà chư Phật có được đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, được đầy đủ các công đức.

- Do hành bồ thí Ba-la-mật mà ngài Bồ tát Bảo Thủ luôn luôn có 7 báu đầy đủ để cấp thí cho chúng sanh.

- v.v....

Nghe nói như vậy chúng sanh hoan hỷ tín thọ, tinh tấn tu bồ thí và tu 5 độ khác, dẫn đến vào được đạo Niết Bàn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: bồ thí là cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo.

Hỏi: Vì sao ngài Phú Lô Na nói “1 pháp Ba-la-mật nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia là đại trang nghiêm”?

Đáp: Nếu hành riêng rẽ từng Ba-la-mật, thì thế lực rất yếu. Nếu tập hội đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì thế lực sẽ tăng lên gấp bội. Ví như khi chưa tập họp đầy đủ quân sĩ, khí giới, lương thực thì khả năng chiến đấu còn hạn chế. Ngược lại nếu tập họp đầy đủ quân sĩ, khí giới lương thực, cùng các phương tiện hành quân khác, thì sự chống phá giặc ắt sẽ có hiệu quả hơn rất nhiều.

Bồ tát cũng như vậy, do hành đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật, nên có lực phương tiện hùng mạnh phá hết ma quân, dẹp sạch phiền não để thẳng tiến đến Vô thượng bồ đề. Cho nên hành 1 pháp Ba-la-mật, mà nhiếp được cả 5 pháp Ba-la-mật kia mới là đại trang nghiêm vậy.

Bồ tát phát đại thế trang nghiêm như vậy, được chư Phật khắp 10 phương hoan hỷ xưng danh, tán thán rằng: Ở cõi đó, có vị Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm, thành tựu chúng sanh và tịnh Phật quốc độ.

KINH:

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Thế nào gọi là phát thú Đại thừa?

Ngài Phú Lô Na đáp: Thừa ngài Xá Lợi Phát! Khi hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát ly các dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc vào Sơ thiên, ..., dẫn đến xả niệm thanh tịnh vào đệ Tứ thiên. Bồ tát lại đem đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, vô lượng, vô biên, vô oán, vô não... trải rộng khắp các thế giới, từ một phương đến 10 phương.

Lúc vào thiên, Bồ tát Ma ha tát khởi 4 vô lượng tâm, đem các thiện công đức cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú Đại thừa.

Lại nữa, thừa ngài Xá Lợi Phát!

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiên, khởi 4 vô lượng tâm và nghĩ rằng: Khi ta được Nhất thiết chủng trí, ta sẽ đoạn sạch phiền não cho hết thấy chúng sanh, và ta sẽ vì họ thuyết pháp. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiên Ba-la-mật, mà có nhiếp Đàn Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiên, chẳng thọ Thanh Văn và Bích Chi Phật tâm. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiên Ba-la-mật, mà có nhiếp Thi la Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiên, nghĩ rằng: Vì phải đoạn sạch phiền não nơi hết thấy chúng sanh, nên khi thuyết pháp ta phải nhẫn thọ mọi sự ưa thích của họ. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiên Ba-la-mật, mà có nhiếp Săn đề Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiền, thường tinh tấn tu tập, chẳng hề ngưng nghỉ, lại đem các công đức cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiên Ba-la-mật, mà có nhiếp Tỳ lê gia Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, an trú trong 4 thiền, quán các pháp đều là vô thường tướng, là khổ tướng, là vô ngã tướng, là không tướng, là vô tướng tướng, là vô tác tướng, rồi cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ tát Ma ha tát hành Thiên Ba-la-mật, mà có nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất!

- Có Bồ tát hành từ tâm, nguyện an lạc hết thấy chúng sanh, hành bi tâm, nguyện cứu tế hết thấy chúng sanh, hành hỷ tâm, nguyện độ thoát hết thấy chúng sanh, hành xả tâm, nguyện làm cho hết thấy chúng sanh được lậu tận. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm hành Đàn Ba-la-mật.

- Có Bồ tát tu 4 vô lượng tâm, hành trì tịnh giới, chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm hành Thi la Ba-la-mật.

- Có Bồ tát tu 4 vô lượng tâm, chẳng tham đắm các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, mà chỉ nhẫn thọ các khổ của chúng sanh, nhất tâm hướng về Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm, hành Săn đề Ba-la-mật.

- Có Bồ tát tu 4 vô lượng tâm, tinh tấn hành các tịnh

hạnh. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm, hành Tỳ lê gia Ba-la-mật.

- Có Bồ tát tu 4 vô lượng tâm, vào các thiên định mà chẳng hề đắm trước thiên vị. Đây là Bồ tát Ma ha tát dùng 4 vô lượng tâm, hành Thiên na Ba-la-mật, với lực phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát phát thú Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất!

- Có Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm mà tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 Thánh đạo, tu 3 giải thoát môn, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, lại quán các pháp đó đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán các pháp chẳng loạn, chẳng định, vì đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, vì đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán 3 thời quá khứ, hiện tại và vị lai đều chẳng phải có, mà cũng chẳng phải chẳng có, vì đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán ba cõi Dục, Sắc và vô Sắc đều chẳng phải có, mà cũng chẳng phải chẳng có, vì đều là bất khả đắc.

- Có Bồ tát dùng trí huệ quán hết thấy các pháp thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi... đều

chẳng phải có, mà cũng chẳng phải chẳng có, vì đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát dụng pháp vô sở đắc để phát thú Đại thừa.

LUẬN:

Hỏi: Trong 6 pháp Ba-la-mật, nếu thuyết theo chiều nghịch thì phải thuyết Bát nhã Ba-la-mật trước, nếu thuyết theo chiều thuận thì phải thuyết Đàn Ba-la-mật trước. Nay vì sao vừa mở đầu đã thuyết về Thiền Ba-la-mật?

Đáp: Người đã phát đại thế trang nghiêm, trước hết phải vào thiền định. Vì sao? Vì nếu Bồ tát chưa có lực thiền định thì chưa có thể ly dục tâm. Do còn dục tâm nên chưa có thể hành các Ba-la-mật khác được, ngoài ra còn rất dễ bị thối tâm. Ngược lại, nếu Bồ tát vào Thiền Ba-la-mật mà hành từ tâm, thì từ tâm sẽ được kiên cố, bất động.

Bồ tát hành từ tâm, nhập vào từ tâm tam muội thì dao chẳng có thể chém được, lửa chẳng có thể thiêu được v.v... Ngoài ra còn có được nhiều thần thông biến hóa. Bởi vậy nên muốn phát đại thế nguyện trang nghiêm, thì trước hết Bồ tát phải vào thâm thiền định..

Phật dạy rằng: Chim phải có đầy đủ đôi cánh mới có thể bay xa được.

Cũng như vậy, người tu hành trước hết phải tu Thiền Ba-la-mật, rồi sau đó mới có thể tinh tấn, đồng mãnh tu các Ba-la-mật khác được.

Hỏi: Trong 4 thiền đã có nhiều công đức dẫn tu 6 pháp Ba-la-mật rồi. Nay vì sao còn nói phải tu 4 vô lượng tâm nữa?

Đáp: Bồ tát Ma ha tát khi hành Bồ tát đạo, dùng 4 vô

lượng tâm để duyên các tướng tâm của chúng sanh, nhằm cứu độ họ.

Lại nữa, trong 4 vô lượng tâm có từ bi tâm. Bồ tát thường dùng từ bi tâm để ban vui cho chúng sanh, và cứu họ thoát khổ.

Hỏi: *Bồ tát trú trong 5 thân thông cũng làm lợi ích cho chúng sanh. Như vậy vì sao chẳng nói đến?*

Đáp: Đại bi là căn bản của Bồ tát hạnh. Bởi vậy nên nói dùng 4 vô lượng tâm mà hành 6 pháp Ba-la-mật mới là phát thú Đại thừa. Vì sao? Vì từ, bi, hỷ, xả dẫn sanh 6 pháp Ba-la-mật.

-o0o-

Trên đây, các nhân duyên phát thú Đại thừa đã được nêu đầy đủ.

Hỏi: *Vì sao phải tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến phải tu 18 bất cộng pháp để được Nhất thiết chủng trí?*

Đáp: Hành pháp có 2 nghĩa. Đó là:

- Tín hành.

- Pháp tánh hành.

* Tín hành là quán về tánh vô thường, khổ, không, vô ngã.

* Pháp tánh hành là quán về các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc chỉ quán vô thường, chỉ quán khổ, chỉ quán không, chỉ quán vô ngã, mà thấu rõ được thật tướng các pháp.

Bồ tát Ma ha tát vì muốn độ hết thảy chúng sanh, nên phải tu học hết thảy các pháp môn.

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát phát Đại thừa tâm, dùng 18 không để phá 18 chương pháp, rồi lại chuyển 18 không thành đại trí huệ.

- Dùng trí huệ quán các pháp là thường định, mà chẳng có định tướng. Như vậy là dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải định mà cũng chẳng phải loạn.

- Dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường, nên chẳng rơi về hai chấp thường và đoạn.

- Dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải thường, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải tịnh, nên chẳng rơi về 4 chấp điên đảo “thường, lạc, ngã, tịnh”.

- Dùng trí huệ quán 3 thời quá khứ, hiện tại và vị lai, quán 3 cõi Dục, Sắc và vô Sắc, đều chẳng phải có, cũng chẳng phải chẳng có. Vì biết rõ 3 thời, 3 cõi đều là bất khả đắc, nên chẳng rơi vào vô minh, mà được đại trí huệ.

- Dùng trí huệ quán thể gian trí và xuất thể gian trí là chẳng phải trí, cũng chẳng phải chẳng phải trí (phi trí). Vì biết rõ trí và phi trí đều là không, là bất khả đắc cả, nên được rốt ráo thanh tịnh, chẳng trú nơi bất cứ một định tướng nào cả.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát Ma ha tát chẳng hành “không”, nhằm phá chấp về đoạn diệt, cũng chẳng hành pháp ái nhằm ly y chi.

Bởi vậy nên nói Bồ tát Ma ha tát chẳng phải hành trí, mà cũng chẳng phải chẳng hành trí (phi hành trí).

Hỏi: Thế nào gọi là phi trí?

Đáp: Xả ly các pháp, mà cũng chẳng y chỉ nơi trí huệ, chẳng khởi tâm phân biệt.

Như vậy là được “quyết định trí”, tức là được “phi trí” vậy.

(Hết quyển 45)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 46



Phẩm Thứ Mười Sáu



Thừa Đại thừa (Ngôi Xe Đại Thừa)

KINH:

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa?

Ngài Phú Nâu La đáp: Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát dụng pháp vô sở đắc, trú trong Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến trú trong Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng thấy có Bồ tát, chẳng thấy có Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát nhất tâm, đúng theo Tát bà nhã tâm, tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp mà chẳng chấp trước, vì biết rõ các pháp ấy chỉ là danh tự, là bất khả đắc cả.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát nghĩ rằng Bồ tát chỉ là danh tự, vì chúng sanh là bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát nghĩ rằng sắc, ..., dẫn đến thức, sắc, ..., dẫn đến pháp, nhãn, ..., dẫn đến ý, nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức, nhãn

xúc, ..., dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều chỉ là danh tự, vì đều là bất khả đắc. Rồi lại nghĩ rằng 4 niệm xứ, 8 thánh đạo, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều chỉ là danh tự, vì đều là bất khả đắc. Rồi lại nghĩ rằng pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế đều chỉ là danh tự, vì đều là bất khả đắc. Rồi lại nghĩ rằng Vô thượng bồ đề và Phật đều chỉ là danh tự, vì đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát, đầy đủ thần thông, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, đi từ quốc độ này đến quốc độ khác để cúng dường, tôn kính, tán thán chư Phật và để nghe chư Phật dạy pháp Đại thừa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát đầy đủ thần thông, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ mà chẳng sanh tướng về chúng sanh, tướng về quốc độ. Bồ tát Ma ha tát an trú trong “pháp môn bất nhị”, vì chúng sanh mà thị hiện thọ thân để giáo hóa chúng sanh, tùy theo chỗ chúng sanh đáng được độ mà thị hiện thân hình thích nghi để thuyết pháp, như vậy mãi cho đến khi được Nhất thiết chủng trí mà vẫn chẳng hề ly pháp Đại thừa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát được Nhất thiết chủng trí, chuyển pháp luân mà tất cả các người ở thế gian, chư Thanh Văn và Bích Chi Phật, dẫn đến chư Thiên long bát bộ đều chẳng có thể chuyển

được. Lúc bấy giờ chư Phật khắp 10 phương đều hoan hỷ xưng danh hiệu vị Bồ tát ấy và tán thán rằng “Ở cõi nước đó có vị Bồ tát Ma ha tát được Nhất thiết chủng trí, chuyển pháp luân”.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

LUẬN:

Ngài Phú Lô Na nêu lên 3 vấn đề:

- 1- Phát đại thế trang nghiêm.
- 2- Phát thú Đại thừa.
- 3- Thừa Đại thừa.

Các vấn đề 1 và 2 đã được giảng luận rồi, nay nói đến vấn đề 3 là thừa Đại thừa.

Bồ tát sẵn sàng bố thí nội ngoại vật sở hữu của mình mà chẳng phá ngã tướng, gọi là Bồ tát đại thế trang nghiêm. Vì sao? Vì chẳng chấp ngã tướng, mà chẳng phá ngã tướng mới vào được chúng sanh không và pháp không, mới gọi là đại thế trang nghiêm.

-o0o-

Bồ tát từ nơi chúng sanh không mà vào được pháp không, nên khi hành bố thí, chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật thí và cũng chẳng thấy có người thọ thí. Hành các Ba-la-mật khác cũng đều như vậy cả. Đây là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát dùng tâm chẳng có tạp niệm, ly các phiền não. Chẳng hướng về Nhị thừa địa, chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí mà tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp,

biết rõ hết thấy các pháp ấy đều là rốt ráo thanh tịnh, đều là bất khả đắc. Đây là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chỉ là danh tự, đều là bất khả đắc. Đây là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát phát đại thệ trang nghiêm thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, đi từ quốc độ này đến quốc độ khác, đem hoa sen 7 báu để cúng dường, tôn kính chư Phật, và để nghe chư Phật thuyết pháp Đại thừa. Bồ tát thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ như vậy mà chẳng sanh tưởng về chúng sanh, chẳng sanh tưởng về quốc độ, lại an trú trong “pháp môn bất nhị”, vì chúng sanh mà thọ thân, tùy tâm chúng sanh mà phương tiện thuyết pháp nhằm hoá độ họ. Đây là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa.

-o0o-

Bồ tát thừa Đại thừa nguyện thành Phật, chuyển pháp luân nên được chư Phật khắp 10 phương xưng danh và tán thán.

-o0o-

Đại thừa là rốt ráo thanh tịnh, nên Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa dùng các thần thông để tự trang nghiêm. Trú trong thừa ấy, Bồ tát Ma ha tát một thời biến hoá vô biên thân, đi khắp 10 phương, cúng dường chư Phật, như vậy mãi cho đến khi được Nhất thiết chủng trí vẫn chẳng hề ly Đại thừa, chẳng hề ly chư Phật.

-o0o-

Phẩm Thứ Mười Bảy



Trang Nghiêm

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát Ma ha tát đại trang nghiêm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đại trang nghiêm là hết thầy đều trang nghiêm. Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật trang nghiêm, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 8 thánh đạo trang nghiêm, nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không trang nghiêm, 10 lực, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp trang nghiêm, Nhất thiết chủng trí cũng trang nghiêm.

Có Bồ tát Ma ha tát biến thân trang nghiêm như thân Phật, phóng quang minh chiếu khắp 3.000 đại thiên thế giới; cũng chiếu khắp hằng sa thế giới trong khắp 10 phương.

Có Bồ tát Ma ha tát an trú trong Đàn Ba-la-mật trang nghiêm, biến 3.000 đại thiên thế giới thành lưu ly, lại hoá thân làm vị chuyển luân thánh vương, tùy chúng sanh cần gì đều cung cấp đầy đủ như đói thì cho ăn khát thì cho uống, rét thì cho áo quần, bệnh thì cho thuốc men v.v... rồi sau đó vì chúng sanh, thuyết pháp, khiến họ tu được 6 pháp Ba-la-mật, dẫn đến được Vô thượng bồ đề.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa Đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ví như ông huyễn sư, ở giữa

ngã tư đường biến hóa ra đại chúng, rồi cung cấp đầy đủ các thức ăn uống, các thứ thuốc men v.v... ý ông nghĩ sao? Thật sự có đại chúng để ông huyền sư cho ăn uống, cấp thuốc men... chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ tát tự hóa thân làm vị chuyển luân thánh vương, lại biến hóa ra đầy đủ các vật dụng cung cấp cho chúng sanh. Tuy có hành bố thí mà thật chẳng có bố thí gì cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyền, như hóa.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát, an trú trong Thi la Ba-la-mật trang nghiêm, hoá thân làm vị chuyển luân thánh vương, đem 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp để giáo hoá chúng sanh, dẫn họ đến Vô thượng bồ đề. Ví như ông huyền sư, ở ngã tư đường biến hóa ra đại chúng, rồi đem 10 thiện đạo, ..., dẫn đến đem 18 bất cộng pháp để giáo hoá họ. Ý ông nghĩ sao? Thật sự có chúng sanh để ông huyền sư giáo hoá chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ tát đem 10 thiện đạo, dẫn đến đem 18 bất cộng pháp để giáo hoá chúng sanh. Tuy có giáo hoá chúng sanh, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào được giáo hoá cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyền, như hoá.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát, từ sơ phát tâm đến nay, an trú trong Sáu đề Ba-la-mật trang

nghiêm nên dù bị người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém v.v... cũng vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề sanh sân hận... Bồ tát hành nhẫn nhục, và dạy cho chúng sanh hành nhẫn nhục như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành nhẫn nhục cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát, an trú trong Tỳ lô gia Ba-la-mật trang nghiêm hành tinh tấn và dạy cho chúng sanh hành tinh tấn. Bồ tát đúng theo Tát bà nhã tâm, hành tinh tấn và dạy cho chúng sanh hành tinh tấn như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành tinh tấn cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát an trú trong Thiên Ba-la-mật trang nghiêm, hành các thiên định và dạy cho chúng sanh hành các thiên định. Bồ tát an trú nơi bình đẳng pháp, nên chẳng thấy các pháp loạn hay định. Bồ tát hành các thiên định và dạy cho chúng sanh hành các thiên định như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành các thiên định cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật trang nghiêm, hành trí huệ Bát

nhã và dạy cho chúng sanh hành trí huệ Bát nhã. Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có hai bờ mê giác, hành trí huệ Bát nhã và dạy cho chúng sanh hành trí huệ Bát nhã như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành trí huệ Bát nhã cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát tự hoá thân khắp 10 phương thế giới, an trú trong 6 pháp Ba-la-mật và tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà dạy cho họ hành 6 pháp Ba-la-mật, dẫn dắt họ đến Vô thượng bồ đề, trọn chẳng rời 6 pháp Ba-la-mật. Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, và dạy chúng sanh hành 6 pháp Ba-la-mật như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào học và hành 6 Ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hóa.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát Ma ha tát, đúng theo Tát bà nhã tâm, chẳng nghĩ rằng ta đã giáo hoá chúng sanh, đã dạy cho chúng sanh tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp; ta đã dạy cho chúng sanh tu 6 pháp Ba-la-mật; ta đã độ vô lượng chúng sanh, khiến họ được 4 quả Thanh Văn, ..., dẫn đến được Vô thượng bồ đề. Vì sao? Vì các pháp tướng đều là như huyễn, như hoá, chẳng có 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng có 6 pháp Ba-la-mật; chẳng có 4 quả Thanh Văn, ..., dẫn đến chẳng có Vô thượng bồ đề.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

LUẬN:

Trước đây ngài Phú Lô Na đã nói về trang nghiêm và đại thế trang nghiêm rồi.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng ngài Phú Lô Na chưa được Nhất thiết chủng trí, ắt còn có chỗ thiếu sót. Bởi vậy nên ngài mới hỏi Phật, để được Phật giải rõ thêm.

Phật dạy: Bồ tát hành Đản Ba-la-mật, ..., dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật, hành 4 niệm xứ, ..., dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, được Nhất thiết chủng trí, được các quả báo thần thông, tự hoá làm thân Phật phóng đại quang minh chiếu khắp 10 phương thế giới, khiến chúng sanh phát tâm hành các thiện pháp. Bồ tát lại tùy tâm chúng sanh nói pháp, khiến họ vào được 3 thừa đạo, được các quả báo thần thông. Bồ tát lại tự hoá làm thân vị chuyên luân pháp vương, biến 3.000 đại thiên thế giới thành lưu ly, làm mưa bảo vật, để tùy theo nhu cầu của chúng sanh mà bố thí cho họ được đầy đủ, rồi vì họ nói pháp v.v...

Như vậy là Bồ tát Ma ha tát trú trong pháp Đại thừa, dùng pháp thí và tài thí làm lợi ích cho chúng sanh, lại dạy cho các chúng sanh hành các thiện pháp, tu 6 pháp Ba-la-mật, diu dắt chúng sanh đến Vô thượng bồ đề. Bồ tát Ma ha tát, an trú trong pháp Đại thừa, dùng thần thông biến hoá để hiển bày các pháp, mà chẳng sanh chấp trước, cũng chẳng sanh tự cao, tự mãn. Đây là Bồ tát Ma ha tát đại trang nghiêm.

Để chứng tỏ rằng Bồ tát Ma ha tát dù chưa được lậu tận, cũng đã chẳng còn chấp pháp, chẳng sanh cao tâm, Phật ví Bồ tát với ông huyền sư biến hóa ra các vật và người để làm việc bố thí.

Sau đó, Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thật sự có đại chúng để ông huyền sư cho ăn uống, cung cấp áo quần, thuốc men chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng thật có vậy.

Phật dạy: Bồ tát cũng là như vậy. Tuy Bồ tát có thần thông, tự hóa làm thân Phật, làm Chuyển luân thánh vương... lại hóa hiện ra các vật dụng để bố thí cho chúng sanh, nhưng thật chẳng có chúng sanh nào được độ cả. Vì sao? Vì các pháp tướng đều như huyền, như hóa, đều là rốt ráo không, đều là vô sở hữu cả.

Dẫn đến 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy cả.

Hỏi: *Ngoài 6 Ba-la-mật ra, còn có pháp nào nữa để trang nghiêm chẳng?*

Đáp: Hết thầy các công đức đều nhiếp vào trong 6 pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, tùy theo tâm chúng sanh, mà Bồ tát thi thiết ra các nhân duyên để thuyết pháp, khiến chúng sanh được an trú trong 6 pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, ngay khi Bồ tát phát đại thệ nguyện là đã quyết tâm đại trang nghiêm rồi. Vì đã quyết tâm, nên Bồ tát chẳng dấy niệm rằng ta đã giáo hóa chúng sanh, đã dạy chúng sanh tu 4 niệm xứ, ..., dẫn đến tu 18 bất cộng pháp, đã độ chúng sanh được 4 quả Thanh Văn, ..., dẫn đến được Vô thượng bồ đề.

Bồ tát tự xem mình như ông huyền sư, làm ra các huyền sư nên chẳng chấp trước cũng chẳng sanh cao tâm.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát phát đại thệ trang nghiêm.

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Theo nghĩa mà con được nghe Phật nói, thì trang nghiêm mà chẳng trang nghiêm tức là đại trang nghiêm. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tướng không.

Sắc, ..., dẫn đến thức là tự tướng không; sắc, ..., dẫn đến pháp là tự tướng không; nhãn, ..., dẫn đến ý là tự tướng không; nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức là tự tướng không; nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc là tự tướng không; nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là tự tướng không; Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là tự tướng không; nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không là tự tướng không; 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp là tự tướng không.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bồ tát chẳng trang nghiêm tức là đại trang nghiêm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Vì Nhất thiết chủng trí chẳng phải là tác pháp, chẳng do ai làm ra, vì chúng sanh chẳng phải là tác pháp, chẳng do ai làm ra, nên Bồ tát vì chúng sanh mà đại trang nghiêm.

Vì sao? Vì tác giả là bất khả đắc, nên Nhất thiết chủng trí chẳng phải là tác pháp, chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp.

Này Tu Bồ Đề! Sắc, ..., dẫn đến thức là phi tác (chẳng phải do ai làm ra), phi bất tác (chẳng phải chẳng làm ra); sắc, ..., dẫn đến pháp là phi tác, phi bất tác; nhãn, ..., dẫn đến ý là phi tác, phi bất tác; nhãn thức, ..., dẫn đến ý thức là phi tác, phi bất tác; nhãn xúc, ..., dẫn đến ý xúc là phi tác, phi bất tác; nhãn xúc nhân duyên sanh thọ, ..., dẫn

đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Ngã cũng phi tác, phi bất tác, ..., dẫn đến tri giả, kiến giả cũng phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Mộng, huyễn, hóa... cũng phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không cũng là phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng là phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế cũng là phi tác, phi bất tác, vì đều là rốt ráo bất khả đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Nhất thiết chủng trí chẳng phải là tác pháp, chúng sanh chẳng phải là tác pháp; lại nói Bồ tát vì chúng sanh mà đại thế trang nghiêm.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Theo chỗ con quan sát, nương theo nghĩa Phật dạy, thì sắc là vô phược (chẳng có trói buộc) vô thoát (chẳng cởi mở); thọ, tưởng, hành, thức, cũng vô phược, vô thoát.

Lúc bấy giờ, ngài Phú Lô Na hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Vì sao nói sắc là vô phược, vô thoát? Vì sao nói thọ, tưởng, hành, thức cũng vô phược, vô thoát?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Phú Lô Na, sắc thọ, tưởng, hành, thức đều là như mộng, như ảnh, như hương, như huyễn, như diệm, như hóa, nên là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Sắc hiện tại, sắc quá khứ, sắc vị lai, ... dẫn đến thức hiện tại, thức quá khứ, thức vị lai đều là như mộng, như ảnh, như huyễn, như duyên, như diệm, như hóa, nên là vô phược, vô thoát.

Vì sao? Vì sắc, ..., dẫn đến thức đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh, nên là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Sắc thiện, sắc bất thiện, sắc vô ký, ..., dẫn đến thức thiện, thức bất thiện, thức vô ký cũng đều là vô phược, vô thoát.

Sắc thế gian, sắc xuất thế gian, sắc hữu lậu, sắc vô lậu, ..., dẫn đến thức thế gian, thức xuất thế gian, thức hữu lậu, thức vô lậu cũng đều là vô phược, vô thoát.

Vì sao? Vì đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh, nên đều là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật cũng là vô phược, vô thoát.

Vì sao? Vì đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch, diệt, là bất sanh, nên đều là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, Vô thượng bồ đề, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, Bồ tát, Phật cũng đều là vô phược, vô thoát. Vì sao? Vì đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên đều là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế cũng đều là vô phược, vô thoát.

Vì sao? Vì đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên đều là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Bồ tát trú trong Đàn Ba-la-mật, ..., dẫn đến trú trong Bát nhã Ba-la-mật, trú trong 4 niệm xứ, ..., dẫn đến trú trong 18 bất cộng pháp, được Nhất thiết chủng trí, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, cúng dường chư Phật, nghe chánh pháp... cũng đều là vô phược, vô thoát.

Bồ tát trọn chẳng ly các đức Phật, trọn chẳng ly các thần thông, trọn chẳng ly các đà la ni, và các tam muội, sanh đạo chủng trí được Nhất thiết chủng trí, chuyên pháp luân, an lạc chúng sanh trong 3 thừa đạo... cũng đều là vô phược, vô thoát.

Thưa ngài Phú Lô Na! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma ha tát, ở nơi hết thấy các pháp đều vô phược, vô thoát, vì biết rõ các pháp đều là vô sở hữu, đều là ly, là tịch diệt, là bất sanh.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát thừa Đại thừa đại trang nghiêm.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Theo nghĩa mà con được nghe Phật nói thì chẳng trang nghiêm mới là đại trang nghiêm. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tướng không.

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật như vậy?*

Đáp: Theo nghĩa Phật dạy, thì “phát đại trang nghiêm” hàm súc ý nghĩa quá thậm thâm, khó biết khó giải, nên chúng sanh ở trong chúng hội khởi tâm nghi, khi nghe nói trang nghiêm là rốt ráo không. Họ dấy niệm nghi rằng việc dùng thần thông đi khắp 10 phương thế giới là việc làm của chư Phật và chư Bồ tát, họ chẳng làm sao có thể biết được.

Do biết rõ tâm niệm của chúng sanh trong chúng hội như vậy, nên ngài Tu Bồ Đề mới chỉ cho họ biết rằng nghĩa “đại trang nghiêm” chẳng phải quá thậm thâm, chẳng phải quá khó biết, khó giải. Ngài nói rằng vì “đại trang nghiêm” là tự tướng không, nên dễ hành, dễ được vậy.

Vì sao? Vì sắc, ..., dẫn đến thức chẳng có định tướng, nên là bất khả đắc, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng có định tướng, nên là bất khả đắc, Vô thượng bồ đề, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, Bồ tát, Phật cũng chẳng có định tướng, nên đều là bất khả đắc cả.

Nếu có Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, đều là tịch diệt tướng mà chẳng sợ hãi, chẳng bỏ mất bản nguyện của mình, vẫn thường tinh tấn hành đạo, thì phải biết đó là vị Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm.

Vậy nên, phát đại thế trang nghiêm chẳng phải là việc khó làm, khó được.

-o0o-

Phật ẩn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, và dạy rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy! Vì Nhất thiết chủng trí chẳng phải là tác pháp (phi tác pháp), chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp, nên Bồ tát vì chúng sanh phát đại thế trang nghiêm. Vì sao? Vì tác giả là bất khả đắc, nên Nhất thiết chủng trí cũng như chúng sanh đều chẳng phải là tác pháp. Hết thấy các pháp đều chẳng do ai làm ra (phi tác), và đều chẳng phải chẳng làm ra (phi bất tác), đều là như huyễn, như hóa, đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Trong chúng hội, có người nghe Phật dạy rằng các pháp

đều là như huyễn, như hóa, lại dấy niệm nghĩ rằng: 18 không nhằm phá các pháp tướng là có thật dụng. Như vậy vì sao lại nói các pháp đều chẳng được làm ra, là phi tác?

Phật dạy: Nội không, ..., dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ, ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp v.v... đều là vô sở tác cả. Vậy nên biết rằng 18 không cũng là hư dối, chẳng thật có, là vô sở tác vậy.

-o0o-

Dẫn đến pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế đều là chân thật pháp, nhưng bản thể vốn là vô tác.

Tùy theo nghiệp nhân duyên mà trở thành hữu tác, thành ra có pháp hữu vi; mỗi mỗi đều do cộng nhân mà có vậy. Còn pháp vô vi là do đối đãi với pháp hữu vi mà có.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật nói pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị lai thật tế cũng đều là vô sở tác, đều là rốt ráo bất khả đắc. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí, Bồ tát, Phật cũng đều là như vậy.

-o0o-

Lại nữa, các pháp đều là vô phục, vô thoát, mà chúng sanh chấp các pháp tướng nên ở nơi khổ xứ khó giải thoát, mới nghĩ rằng: Phật pháp rất khó làm, rất khó được.

Ngài Tu Bồ Đề thấu rõ tâm niệm của chúng sanh nên bạch Phật: Theo nghĩa mà con được nghe Phật nói, thì 5 ấm là vô phục, vô thoát, là rốt ráo không, là bất khả đắc. Như vậy là chẳng có tác giả, nên chẳng có trói buộc (vô phục) chẳng có cởi mở (vô thoát).

Phật dạy: Phàm phu chấp các pháp mà chẳng biết các pháp đều là hư dối, là bất khả đắc, là vô phược, vô thoát. Còn các bậc Thánh, thấy rõ các pháp đều là rốt ráo không, đều là vô phược, vô thoát. Bồ tát thấy rõ 5 âm cùng các pháp thiện, bất thiện, vô ký trong cả 3 đời đều là như mộng, như huyễn, đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Dẫn đến như pháp tánh, thật tế cũng là như vậy.

Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tánh ly, tự tánh tịch diệt, tự tánh bất sanh, đều là vô sở hữu, là bất khả đắc nên được vô phược, vô thoát.

Bồ tát trú nơi Trung Đạo, dẫn dắt chúng sanh thoát ly phiền não, nên nói là vô phược, lại chẳng dùng vô lậu để phá các pháp tướng nên nói là vô thoát.

Bồ tát giáo hóa chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, dẫn đến được đầy đủ các thần thông, đầy đủ 5 nhãn, các đà la ni và các tam muội mà vẫn chẳng rời Phật, an lạc chúng sanh trong 3 thừa đạo, mà vẫn vô phược, vô thoát. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh, là rốt ráo không vậy.

Bồ tát Ma ha tát phát đại thế trang nghiêm, với đầy đủ các nhân duyên như vậy, nên được vô phược, vô thoát.

Phẩm Thứ Mười Tám



Tác Vấn Thừa
(Hỏi về Đại Thừa)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn? Làm thế nào để biết được Bồ tát phát thú Đại thừa? Phát từ đâu, đi đến đâu, và an trú ở chỗ nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là Bồ tát hành Ma ha diễn.

* Thế nào gọi là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, bố thí nội ngoại vật sở hữu của mình, rồi cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

* Thế nào gọi là Bồ tát hành Thi la Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, tự mình hành 10 thiện đạo, và cũng dạy người khác hành 10 thiện đạo.

* Thế nào gọi là Bồ tát hành Săn đề Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, tự mình hành nhẫn nhục, và cũng dạy người khác hành nhẫn nhục.

* Thế nào gọi là Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, tự mình siêng năng tinh tấn hành 5 pháp Ba-la-mật kia, chẳng hề ngưng nghỉ, và cũng dạy người khác siêng năng tinh tấn hành các Ba-la-mật.

* Thế nào gọi là Bồ tát hành Thiên na Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc, đúng theo Tát bà nhã tâm, tự mình dùng các phương tiện vào các thiên định, mà chẳng chấp trước các thiên vị và cũng dạy người khác hành các thiên định.

* Thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng pháp vô sở đắc đúng theo Tát bà nhã tâm, chẳng chấp các pháp tướng, quán hết thấy các pháp đều là tự tánh không, đều là bất khả đắc, và cũng dạy người khác hành như vậy.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

-oOo-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành 18 không, là Bồ tát hành Ma ha diễn.

- Những gì là 18 không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thi không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô hữu pháp không.

- Thế nào gọi là nội không?

Này Tu Bồ Đề! Nội pháp gồm: Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Thế nhưng nhân, ..., dẫn đến ý đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của nội pháp tự như vậy, nên gọi là nội không.

- Thế nào gọi là ngoại không?

Này Tu Bồ Đề! Ngoại pháp gồm: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Thế nhưng sắc, ..., dẫn đến pháp đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của ngoại pháp tự như vậy, nên gọi là ngoại không.

- Thế nào gọi là nội ngoại không?

Này Tu Bồ Đề! Nội ngoại pháp gồm: 12 nhập, trong đó có 6 nội nhập là 6 căn và 6 ngoại nhập là 6 trần. Thế nhưng 6 nội nhập và 6 ngoại nhập đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của nội ngoại pháp tự như vậy, nên gọi là nội ngoại không.

- Thế nào gọi là không không?

Này Tu Bồ Đề! Không là hết thấy các pháp đều là không, mà không đó cũng là không, cũng chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của “không” tự như vậy, nên gọi là không không.

- Thế nào gọi là đại không?

Này Tu Bồ Đề! 10 phương gồm phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn phương chéo, phương Trên, phương Dưới đều là không, đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt, Vì tánh của 10 phương tự như vậy, nên gọi là đại không.

- Thế nào gọi là đệ nhất nghĩa không?

Này Tu Bồ Đề! Đây là nói về Niết Bàn, Niết Bàn cũng

là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của Niết Bàn tự như vậy, nên gọi là đệ nhất nghĩa không.

- Thế nào gọi là hữu vi không?

Này Tu Bồ Đề! Pháp hữu vi gồm những pháp có sanh, có trú, có diệt ở trong 3 cõi. Thế nhưng cả 3 cõi Dục, Sắc và Vô Sắc đều là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của 3 cõi tự như vậy, nên gọi là hữu vi không.

- Thế nào gọi là vô vi không?

Này Tu Bồ Đề! Pháp vô vi gồm các pháp chẳng có các tướng sanh, trú, diệt. Thế nhưng pháp vô vi cũng là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của pháp vô vi tự như vậy, nên gọi là vô vi không.

- Thế nào gọi là tất cánh không?

Này Tu Bồ Đề! Nói tất cánh không là nói về hết thảy các pháp đều là rốt ráo không, rốt ráo bất khả đắc, đều là chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của hết thảy pháp tự như vậy, nên gọi là tất cánh không.

- Thế nào gọi là vô thí không?

Này Tu Bồ Đề! Chỗ khởi đầu của hết thảy pháp là không, là bất khả đắc, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của chỗ khởi đầu tự như vậy, nên gọi là vô thí không.

- Thế nào gọi là tán không?

Này Tu Bồ Đề! Nói tán là nói về sự tán hoại, sự hủy diệt của các pháp. Thế nhưng tán cũng là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của sự tán hoại tự như vậy, nên gọi là tán không.

- Thế nào gọi là tánh không?

Này Tu Bồ Đề! Các pháp tánh, dù là hữu vi pháp tánh, dù là vô vi pháp tánh, chẳng phải do Phật làm ra, chẳng phải do chư Thánh hiền làm ra, chẳng phải do ai làm ra cả. Các pháp tánh đều là không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì pháp tánh tự như vậy, nên gọi là tánh không.

- Thế nào gọi là tự tướng không?

Này Tu Bồ Đề! Tự tướng của sắc là tướng biến hoại, tự tướng của thọ là tướng lãnh nạp, tự tướng của tưởng là tướng suy diễn, tự tướng của hành là tướng tạo tác, tự tướng của thức là tướng liễu biệt. Thế nhưng các tự tướng ấy đều là không, là bất khả đắc. Vì tánh của tự tướng tự như vậy, nên gọi là tự tướng không.

- Thế nào gọi là chư pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Nói chư pháp là nói về hết thảy các pháp gồm: 5 ấm, 12 nhập, 18 giới v.v... Thế gian chấp có từng pháp riêng rẽ, nhưng các pháp đều là không, là bất khả đắc, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của chư pháp tự như vậy, nên gọi là chư pháp không.

Thế nào gọi là bất khả đắc không?

Này Tu Bồ Đề! Tầm cầu các pháp đều là bất khả đắc, mà bất khả đắc đó cũng là không, cũng chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của bất khả đắc tự như vậy, nên gọi là bất khả đắc không.

- Thế nào là vô pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đối đãi với hữu pháp là vô pháp. Thế nhưng vô pháp là không, là bất khả đắc, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của vô pháp tự như vậy, nên gọi là vô pháp không.

- Thế nào là hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Hữu pháp do duyên hòa hợp mà có. Thế nhưng thật sự cũng là không, là bất khả đắc, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì tánh của hữu pháp tự như vậy, nên gọi là hữu pháp không.

- Thế nào gọi là vô pháp hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Vô pháp và hữu pháp đều là không, đều là bất khả đắc, đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt, nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

-o0o-

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Còn có:

- Pháp, pháp tướng không.

Pháp nói đây là 5 âm. Cả 5 âm pháp tướng đều là không.

- Vô pháp, vô pháp tướng không.

Vô pháp nói đây là vô vi pháp. Vô vi pháp tướng là không.

- Tự pháp, tự pháp tướng không.

Ở nơi mỗi pháp, tự tướng là vô tướng, chẳng phải do trí làm ra, cũng chẳng phải do kiến làm ra.

- Tha pháp, tha pháp tướng không.

Dù có Phật xuất thế, dù chưa có Phật xuất thế, thì các pháp vẫn trú trong pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế. Bồ tát quán hết thấy các pháp tướng đều không.

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

LUẬN:

Hỏi: Đây là hội thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật về Bát nhã Ba-la-mật, và đã được Phật giải đáp rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi thêm về Ma ha diễn, và lại cũng được Phật giải đáp nữa?

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật và Ma ha diễn có cùng nghĩa, chỉ khác nhau về danh tự mà thôi.

Ma ha diễn được phiên âm từ chữ Phạn Mahayâna. Phiên âm đầy đủ là Ma ha diễn na.

Ma ha là đại, là lớn; Diễn (Diễn na) là thừa, là cỗ xe. Ma ha diễn là Đại thừa pháp. Tu hành pháp ấy, thì vào được Phật đạo.

Trong 6 pháp Ba-la-mật thì Bát nhã Ba-la-mật là trên hết, dẫn đạo các Ba-la-mật kia. Được Bát nhã Ba-la-mật là nhiếp đủ cả 6 Ba-la-mật, là hành đầy đủ 6 Ba-la-mật, là hành Bồ tát đạo viên mãn, từ sơ phát tâm cho đến khi chứng thành Phật quả vậy.

Ví như nhà vua ngự trên long xa, có các quan theo hầu, Bồ tát muốn làm Phật, phải cỡi cỗ xe Đại thừa, hành 6 pháp Ba-la-mật, đi thẳng vào đất Phật.

-o0o-

Trong nhiều kinh có nói đến 6 pháp Ba-la-mật, như các kinh *Hoa Thủ*, *Pháp Hoa*, *Đại Vân*, *Pháp Vân*, *Di Lặc* v.v...

Nên biết rằng 6 pháp Ba-la-mật được nói trong rất nhiều kinh, hoặc do Phật nói, hoặc do chư đại Bồ tát nói, hoặc do chư Thanh Văn nói, hoặc do chư Thiên đấng đạo nói.

Hòa hợp được các nghĩa trong các kinh thì gọi là Ma ha diễn. Trong các kinh ấy, thì Bát nhã Ba-la-mật được xem là

pháp tối thượng. Bởi vậy nên hễ nói đến Ma ha diễn là biết có Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Các trợ đạo pháp khác, nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật soi chiếu, hoà hợp thì chẳng có thể được đến Phật đạo được. Cho nên Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Ma ha diễn chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Như vậy vì sao chẳng nói Ma ha diễn trước?*

Đáp: Vì Bát nhã Ba-la-mật quá quan trọng nên phải nói trước. Phật muốn thuyết Bát nhã Ba-la-mật nên đã phóng đại quang minh, khiến chúng sanh khắp 10 phương thế giới đều tự hỏi nay vì đại sự nhân duyên gì mà có quang minh chiếu khắp như vậy?

Các đức Phật ở các cõi nước đều nói rằng: Ở thế giới Ta bà có đức Phật Thích Ca Mưu Ni muốn thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Thế rồi các Bồ tát cùng các chư Thiên đều hoan hỷ đến nghe.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát Ma ha tát muốn học Bát nhã Ba-la-mật?

Phật tán thán công đức của Bát nhã Ba-la-mật nên nói: Những ai muốn thành Phật đều phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật phải được thuyết giảng trước.

-o0o-

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Ông nên vì các Bồ tát, nói về Bát nhã Ba-la-mật.

Tuân theo lời Phật dạy, Ngài Tu Bồ Đề nói: Bồ tát chỉ là danh tự, Bát nhã Ba-la-mật cũng chỉ là danh tự. Cho nên Bồ tát, Bồ tát danh tự, Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật danh tự đều là không, là bất khả đắc, dẫn đến Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc.

Kế sau đó, ngài Tu Bồ Đề lại hỏi về Bồ tát cú nghĩa, và về nghĩa của Ma ha tát.

Trong nghĩa Ma ha tát có bao gồm nghĩa đại trang nghiêm và nghĩa Ma ha diễn.

Ví như vị đồng tướng phải có đầy đủ binh sĩ, khí giới trang nghiêm, mới xông vào trận, đánh dẹp quân giặc được, Bồ tát Ma ha tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật trang nghiêm mới phá được ma quân, dẹp sạch các phiền não kiết sử để thăng tiến đến Phật đạo.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật và Ma ha diễn đều có công năng đoạn pháp ái. Do vậy mà ngài Tu Bồ Đề đã dựa vào những điểm tương đồng giữa Bát nhã Ba-la-mật và Ma ha diễn, đề hỏi thêm về nghĩa của Ma ha diễn,

Hỏi: *Có phải Ma ha diễn có hàm ý nói về Bồ tát từ sơ phát tâm đến khi thành Phật đạo, thường hằng tu tập các thiện pháp chăng?*

Có phải hành đúng theo Bát nhã Ba-la-mật là hành Ma ha diễn chăng? Có phải hành 6 pháp Ba-la-mật là hành Ma ha diễn chăng?

Đáp: Trước đây đã nói rằng 6 pháp Ba-la-mật nhiếp hết thảy các thiện pháp. Như vậy chẳng cần hỏi thêm nữa.

Có vô lượng thiện pháp nhưng chỉ cần nói đến 6 pháp Ba-la-mật là đầy đủ rồi vậy. Lại nữa, Ma ha diễn cũng hàm ý nói về Bồ tát từ sơ phát tâm đến khi thành tựu đầy đủ các lực phương tiện, luôn luôn giữ tâm bình đẳng.

Nên biết rằng tu 6 pháp Ba-la-mật là tu đầy đủ hết thảy các thiện pháp rồi. Vì sao? Vì các thiện pháp dù chẳng sánh được với Bát nhĩ Ba-la-mật, nhưng nghĩa của thiện pháp cũng đã nhiếp trong nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật rồi vậy.

Ví như ngay từ khi sơ phát tâm, người tu phải phát nguyện tu đại bi, phải có tâm bình đẳng mới có được các lực phương tiện, lại nữa, khi tu bố thí, phải bỏ lợi nhỏ hướng về lợi lớn, mới là tu Đại thừa.

Lại nữa, tu hành để thành tựu các lực phương tiện là tu trí huệ. Khi trí huệ đã thuần thục rồi, thì người tu hành phải dùng các lực phương tiện để giáo hóa chúng sanh, và tịnh Phật quốc độ mới là tu Đại thừa.

Tất cả các hạnh nêu trên đây đều nhiếp trong 6 pháp Ba-la-mật.

Hỏi: *Như vậy vì sao nói hành 108 tam muội cũng gọi là hành Ma ha diễn?*

Đáp: Nói về 6 pháp Ba-la-mật là nói về thể của Ma ha diễn, còn nói về các đà la ni, các tam muội... là nói về dụng của Ma ha diễn. Cho nên trước nói đến thể rồi sau mới nói đến dụng vậy.

Hỏi: *Vì sao chỉ nói đến 6 Ba-la-mật, mà chẳng nói nhiều, chẳng nói ít, chẳng thêm, chẳng bớt?*

Đáp: Phật là đấng pháp vương, tùy theo căn cơ, tùy theo ý nguyện của chúng sanh, mà phương tiện nói pháp. Có khi

Phật chỉ nói một pháp, có khi nói hai pháp, ba pháp, bốn pháp... Lại có khi nói rất nhiều pháp. Ví như trong kinh *Hiền Kiếp* có nói đến 8.400 Ba-la-mật.

Lại nữa, chúng sanh đã thọ thân là có thọ khổ, khiến phải lên xuống mãi trong 6 nẻo đường sanh tử, chịu bao nhiêu cực hình đau khổ. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát khởi đại bi tâm muốn cứu độ chúng sanh thoát khỏi 6 đường sanh tử, mà phát nguyện tu 6 pháp Ba-la-mật, chẳng có nhiều hơn, cũng chẳng có ít hơn. Vì các Ba-la-mật đều là rất ráo không, đều là bất khả đắc.

Hỏi: *Bồ thí Ba-la-mật có rất nhiều tướng. Vì sao Phật chỉ nói đến 5 tướng sau đây mà thôi?*

5 tướng đó là:

1. Xả nội vật sở hữu.

2. Xả ngoại vật sở hữu.

3. Tương ưng với tâm Tát bà nhã.

4. Dụng pháp vô sở đắc.

5. Cùng với hết thảy chúng sanh, đồng hồi hướng Vô thượng bồ đề.

Vì sao chẳng nói về tâm đại bi, về cúng dường chư Phật, về dụng thần thông khi hành bồ thí Ba-la-mật?

Đáp: Vì 5 tướng nêu trên đây đã nhiếp hết thảy các tướng khác rồi vậy.

Ví như bồ thí mà tương ưng với Tâm bà nhã, xả nội ngoại vật sở hữu của mình, cùng với chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề là đã có đại bi tâm. Lại nữa, hồi hướng mà chẳng cầu đắc quả Thanh Văn và quả Bích Chi Phật, chỉ

dụng pháp sở đắc, là đã vào được nơi thật tướng pháp, nơi thật tướng Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Hỏi: *Nếu như vậy, thì chỉ cần nói tương ưng với tâm Tát bà nhã là đủ rồi. Cần gì phải nói đầy đủ 5 tướng.*

Đáp: Nói như vậy là rất đúng, thế nhưng vì chúng sanh đa số chẳng hiểu rõ được, nên cần phải nói rõ rằng: Muốn được tâm bồ thí tương ưng với Tát bà nhã, thì hành giả phải xả bỏ nội ngoại vật sở hữu của mình, phải dụng pháp vô sở đắc, phải cùng hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô thượng bồ đề.

Lại nữa, muốn được tương ưng với tâm Tát bà nhã, muốn được Nhất thiết chủng trí, thì hành giả phải chẳng nên cầu danh lợi ở đời này, chẳng nên cầu phước báo cõi Người và cõi Trời ở đời sau, chẳng nên cầu Niết Bàn Thanh Văn, mà chỉ nên cầu Nhất thiết chủng trí, cầu được đầy đủ hết thấy Phật pháp, để có đầy đủ các lực phương tiện, nhằm tận độ hết thấy chúng sanh thoát khỏi các khổ.

Như vậy mới gọi là tương ưng với tâm Tát bà nhã

-o0o-

Nên biết rằng xả nội vật sở hữu là xả các thứ ở nơi thân mình như đầu, mắt, chân, tay, tùy, não v. v... Xả ngoại vật sở hữu là xả các vật sở hữu ngoài thân của mình như ruộng vườn, nhà cửa, tiền bạc, ..., dẫn đến vợ chồng, con cái... đến cả sự mong cầu phước đức quả báu cũng phải xả nữa, để cùng với hết thấy chúng sanh đồng thọ hưởng.

Bồ tát vì lợi tha mà tu 6 pháp Ba-la-mật, chỉ cầu Vô thượng bồ đề nên hồi hướng hết thấy các phước đức quả báu để hết thấy chúng sanh đều được lợi ích. Ví như ở trên rừng,

nơi nào có cây xanh, có quả ngọt là có các loại chim đến tụ tập để cùng thọ hưởng vậy.

Hỏi: Trước nói tương ứng với tâm Tát bà nhã, nay lại nói hồi hướng về Vô thượng bồ đề. Như vậy có gì sai khác nhau chăng?

Đáp: Trước nói phải tương ứng với tâm Tát bà nhã, là nói phải khởi các phước đức nhân duyên. Nay nói hồi hướng về Vô thượng bồ đề, là nói dùng tâm Tát bà nhã mà cầu Nhất thiết chủng trí, cầu Phật đạo. Khi đã tương ứng với tâm Tát bà nhã, lấy Tát bà nhã làm chỉ đạo thì hết thảy các công đức hợp với Tát bà nhã đều là Nhất thiết chủng trí cả.

Nên biết: “Phật trí huệ” có 2 nghĩa. Đó là:

- Vô thượng bồ đề,
- Nhất thiết chủng trí, cũng tức là Tát bà nhã.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi dụng pháp vô sở đắc, tương ứng tâm Tát bà nhã mà hành bố thí là thuận với thật tướng pháp rồi vậy.

Hỏi: Thi la Ba-la-mật tổng nhiếp các thiện pháp, như biển lớn dung nạp các nguồn nước từ các sông chảy đến. Như vậy có vô lượng thiện pháp. Vì sao ở đây chỉ nói đến 10 thiện đạo mà thôi?

Đáp: Khi nói về 6 pháp Ba-la-mật, Phật chỉ nói về tổng tướng. Cũng như vậy, khi nói về 10 thiện đạo là đã tổng nhiếp các giới khác rồi vậy. Hỏi như trên là thiên về biệt tướng.

Bồ tát khởi từ bi tâm, phát Vô thượng bồ đề tâm, làm các việc bố thí nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh, là đã trì giới thanh tịnh rồi vậy. Vì sao? Vì bố thí như vậy là chẳng còn làm nã hại chúng sanh, lại thường bố thí vô úy cho chúng sanh vậy.

Nên biết rằng 10 thiện đạo là căn bản để cầu phước.

Đối với hàng cư sĩ bạch y, thì giới bất sát sanh là giới đứng đầu trên tất cả các giới khác. Vì sao? Vì giới bất sát sanh là chủ, các giới khác chỉ là khách.

Đức Phật Thích Ca Mưu Ni chuyển pháp luân suốt 12 năm trời mà chưa vội kiết giới thì đủ biết rằng các giới tương chỉ là khách mà thôi.

Tuy nhiên 10 thiện giới cùng hết thảy các giới khác, dù có Phật hay không có Phật, thì cũng vẫn thường có. Nếu chẳng theo 10 thiện giới, mà phạm 10 điều ác, ắt phải sa vào các đường ác vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phải tự mình hành 10 thiện đạo, và dạy cho người hành 10 thiện đạo. Như vậy gọi là hành Thi la Ba-la-mật.

-o0o-

Trong 10 thiện đạo, có 3 nghiệp về thân, 4 nghiệp về khẩu và 3 nghiệp về ý. Ba ý giới là vô tham, vô sân, vô si.

Đây là tùy theo nghĩa mà phân biệt ra có 10 thiện giới. Thế nhưng, khi đã được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng, thì tất cả đều trở thành Ba-la-mật, đều xả ly tướng, và cũng đều là bất khả đắc cả.

Hỏi: *Tu tập các thiện pháp đã là việc khó làm. Nay vì sao còn nói phải dụng pháp vô sở đắc để tu tập các thiện pháp nữa?*

Đáp: Tu được trí huệ vô sở đắc, mới giữ gìn được các thiện hạnh. Vì sao? Vì có sanh tâm là chẳng có được trí huệ vô sở đắc.

Lại nữa, Phật dạy: Chẳng trước tâm, chẳng thủ tướng, mới là hành các thiện đạo.

Vì sao? Vì biết thế gian là vô thường rồi diệt ác tu thiện, thì đó là việc dễ làm. Còn muốn được “tâm không” thì lại rất khó. Người sơ phát tâm, do còn chấp tâm, còn thủ tướng, nên khi gặp các chướng duyên liền sanh tâm sân hận, phiền não, ví như cỏ khô rất dễ bắt lửa vậy. Trái lại, người tu khi đã được “tâm không” rồi, thì chẳng còn chấp tâm, thủ tướng, nên dù gặp các chướng duyên cũng vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề có hồi tâm.

Bởi vậy nên phải ở nơi thật tướng Bát nhã mà khởi đại bi tâm, thì mới có đầy đủ các lực phương tiện để dập tắt tất cả các lửa phiền não, tận trừ sự chấp thủ các pháp tướng. Ví như nước tưới vào lửa làm cho lửa phải tắt vậy.

Trái lại, nếu rời tâm vô sở đắc mà tu các thiện hạnh thì chỉ có được các lực phương tiện rất yếu kém. Phải ở nơi vô sở đắc, phải đầy đủ 18 không, phải ly hết thấy các pháp tướng mới được đầy đủ các lực phương tiện để hành 6 pháp Ba-la-mật. Như lời Phật dạy ngài Xá Lợi Phất rằng: Bồ tát Ma ha tát trú trong 18 không mà tu học Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao nói 18 không là chẳng phải thường, chẳng phải diệt?*

Đáp: Người tu hành, nếu chẳng thấu rõ 18 không, ắt sẽ đọa về biên kiến, hoặc thường, hoặc đoạn, vì sao? Vì nếu chấp tướng của các pháp là thật có, thì đó là chấp pháp tướng chẳng diệt, như vậy là đọa về thường kiến. Trái lại, nếu cho rằng chấp hữu là bệnh, mà dùng vô để phá hữu, thì sẽ đọa về đoạn kiến.

Như vậy, phải nên biết rằng chấp hữu, chấp vô cũng đều là bệnh cả. Người tu phải dùng vô để phá hữu, mà cũng

chẳng chấp vô mới ly được chấp hai bên (nhị biên kiến), mới vào được Trung đạo.

Bồ tát do liễu đạt 18 không mà khởi đại bi tâm, rộng độ hết thảy chúng sanh. Cho nên, nói 18 không chẳng phải thường, chẳng phải diệt (phi thường, phi diệt).

Như vậy gọi là Bồ tát Ma ha tát hành Ma ha diễn.

Nếu trái lại với trên đây thì chi là hý luận. Vì sao? Vì nếu đem tâm hữu sở đắc mà hành pháp không thì chẳng sao có được chánh huệ, khiến phải xa lìa chánh pháp vậy.

Hỏi: *18 không đã nhiếp hết thảy các nghĩa không rồi. Vì sao còn nói thêm 4 không nữa làm gì?*

Đáp: Vẫn biết rằng 18 không đã nhiếp hết thảy các nghĩa không rồi, nhưng chư Phật, tùy theo căn cơ chúng sanh mà nói pháp, có khi khai triển rộng thành 18 không, có khi thu hẹp lại trong 4 không. Nên biết rằng nói rộng, nói hẹp, nói tổng, nói biệt v.v... đều là những phương tiện thiện xảo mà chư Phật, chư Bồ tát tùy theo từng đối tượng chúng sanh mà nói pháp vậy.

-o0o-

Nói ở nơi không mà chẳng sanh pháp tướng, là nói hết thảy pháp tướng đều không, tức là vô pháp. Vậy nên nói “pháp, pháp tướng không”.

Lại nữa, vô vi pháp cũng là vô pháp. Vì sao? Vì tướng vô vi là bất khả đắc.

Hỏi: *Trong kinh có nói đến 3 tướng vô vi. Vì sao nói vô vi pháp là vô tướng?*

Đáp: Vì nhằm phá tướng sanh mà nói vô sanh, nhằm phá tướng trú mà nói vô trú, nhằm phá tướng diệt mà nói vô diệt. Đây chỉ là nương theo các tướng sanh, tướng trú, tướng diệt, mà nói đến vô sanh, vô trú, vô diệt. Thật ra chẳng có pháp vô sanh, pháp vô trú, pháp vô diệt. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là vô pháp. Do đối đãi với sanh, trú, diệt, mà nói vô sanh, vô trú, vô diệt. Tất cả 6 pháp đó đều là vô pháp cả.

Như vậy, “vô pháp không” tức là “vô vi không”. Vì sao? Vì “vô pháp tướng” tức là “vô vi tướng”, là không, là bất khả đắc. Vậy nên nói “vô pháp, vô pháp tướng không”.

-o0o-

Tự tướng cũng như vậy. “Tự pháp tướng” cũng là không, là bất khả đắc. Vậy nên nói “tự pháp, tự pháp tướng không.”

Tự pháp là tự tánh của các pháp. Tự tánh có hai nghĩa. Đó là:

- Theo pháp thể gian, thì đó là tự tánh của 4 Đại và 4 Đại tạo sắc.

- Theo pháp xuất thể gian thì đó là “như pháp tánh thật tế”.

Tuy nhiên cả hai đều là không, là bất khả đắc. Vì sao? Vì chẳng phải do trí làm ra, cũng chẳng phải do kiến làm ra vậy.

Hỏi: “*Như pháp tánh thật tế*” nhiếp về vô vi pháp. Vì sao còn nói ở đây nữa?

Đáp: Dùng “phân biệt trí” mà quán, sẽ biết được thật tướng của 5 âm là “như pháp tánh thật tế”. Thế nhưng đã quán thì chẳng thể là “không” được.

Người tu phải dùng “vô phân biệt trí”, mới biết rõ “pháp tánh” vốn là “vô tánh” vậy.

Hỏi: *Sắc là tự pháp, thức là tha pháp. Như vậy, vì sao nói hết thảy pháp đều là “như pháp tánh thật tế”? Vì sao nói dù có Phật, hay dù chưa có Phật thì các pháp vẫn thường trú trong “như pháp tánh thật tế”?*

Đáp: Ở nơi “như pháp tánh thật tế” mà chẳng chấp, thì “tha pháp” mới là “tha pháp không”.

Do “tha pháp tướng” là không, là bất khả đắc, nên nói “tha pháp, tha pháp tướng không”

Phàm phu do chưa đoạn được các kiến chấp, nên vừa nghe nói đến “như pháp tánh thật tế” thì liền dấy niệm nghĩ rằng: Ngoài “như pháp tánh thật tế” vẫn còn có các pháp khác nữa.

Nên biết rằng ngoài “như pháp tánh thật tế” chẳng còn có pháp nào riêng khác nữa cả.

(Hết quyển 46)